

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, Ngày 23 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (\*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/04/2020 tại đường dẫn: [http://gelex.vn/index.php?module=investor&act=bao\\_cao\\_thuong\\_nien&y=2019](http://gelex.vn/index.php?module=investor&act=bao_cao_thuong_nien&y=2019)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người đại diện theo pháp luật/**

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Phạm Tuấn Anh**

**GELEX**

*Sức mạnh đến từ Uy tín*

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
**2019**



**GELEX**

# MỤC LỤC

01

## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông điệp của chủ tịch hội đồng quản trị.....	6
Kết quả kinh doanh nổi bật.....	10
Các điểm nổi bật 2019.....	12

03

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 toàn tập đoàn GELEX.....	38
Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.....	46

02

## TỔNG QUAN VỀ GELEX

Quá trình hình thành và phát triển.....	18
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	20
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị.....	22
Định hướng phát triển.....	30
Các rủi ro.....	32

04

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2019

Tình hình hoạt động các công ty trực thuộc và đầu tư liên kết 2019.....	50
Tình hình đầu tư.....	62
Tình hình tài chính.....	64
Tổ chức và nhân sự.....	65
Cơ cấu cổ đông.....	66
Quá trình tăng vốn điều lệ.....	69

05

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của GELEX.....	72
Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2019.....	74
Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban tổng giám đốc.....	76

07

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn bền vững.....	106
------------------------	-----

06

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị năm 2020.....	78
Hội đồng quản trị.....	82
Ban kiểm soát.....	90
Ban kiểm toán nội bộ.....	92
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.....	94

08

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung.....	114
Báo cáo của ban tổng giám đốc.....	116
Báo cáo kiểm toán độc lập.....	117
Bảng cân đối kế toán hợp nhất.....	119
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	123
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.....	125
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.....	128

## Phần 01

# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông điệp của chủ tịch hội đồng quản trị.....6

Kết quả kinh doanh nổi bật.....10

Các điểm nổi bật 2019.....12



# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Kính thưa Quý Cổ đông, các đối tác và các nhà đầu tư!

Bước vào năm 2019 với nền tảng của hành trình 3 năm tái cấu trúc, nâng cao quản trị và tập trung vào các chiến lược phát triển bền vững lâu dài trong hoạt động sản xuất kinh doanh, GELEX tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đặc biệt đối với ngành sản xuất thiết bị điện tại Việt Nam, được Chính phủ khẳng định là thương hiệu Thiết bị điện uy tín quốc gia. Bên cạnh đó, Tập đoàn tiếp tục phát triển đồng bộ các mảng kinh doanh thuộc lĩnh vực hạ tầng như năng lượng, nước sạch, logistics và bất động sản.

## Hành trình phát triển bền vững 2019

Mảng sản xuất công nghiệp với trọng tâm là sản xuất thiết bị điện tiếp tục đóng vai trò là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn, đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào cơ cấu doanh thu và lợi nhuận. Sau giai đoạn tái cấu trúc và tối ưu hóa năng lực sản xuất và quản trị, năm 2019 chứng kiến sự mở rộng trong hoạt động kinh doanh của mảng sản xuất thiết bị điện với việc khánh thành nhà máy mới và mở rộng các nhà máy hiện tại của CADIVI. Cùng với quá trình mở rộng về quy mô là sự đầu tư về chiều sâu với những sản phẩm mới được ra mắt, ứng

dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường như: cáp năng lượng mặt trời, cáp siêu nhiệt, đặc biệt là sản phẩm cáp ngầm trung thế do CADIVI sản xuất, hay dòng sản phẩm máy biến áp thân thiện với môi trường Ecotrans do THIBIDI sản xuất.

Trong lĩnh vực Hạ tầng, với mục tiêu phát triển bền vững, GELEX tích cực triển khai các dự án năng lượng tái tạo. Các Nhà máy Thủy điện Canan 1, Canan 2 và dự án Điện mặt trời Ninh Thuận được đưa vào hoạt động ổn định đúng tiến độ, tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã xúc tiến đầu tư và triển khai các dự án nguồn Năng lượng phát điện sạch mới như dự án điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3 và GELEX 1,2 và 3 tại Quảng Trị.

Tiếp theo việc tái cấu trúc thành công nhóm Thiết bị điện, trong năm 2019 nhóm Logistics cũng tập trung vào việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự và nâng cao năng lực quản trị theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp để ngày càng nâng cao hiệu quả của công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản bao gồm khách sạn và tòa nhà văn phòng cho thuê vẫn đang

được quản lý an toàn, hiệu quả. Trong năm 2019, Công ty đã triển khai cho thuê lắp đầy tòa nhà GELEX Tower tại Hà Nội, nâng cao hiệu quả hoạt động của của tổ hợp khách sạn Melia, đồng thời hoàn tất các thủ tục để khởi công dự án CADIVI Tower ngay trong quý 1 năm 2020. CADIVI Tower, dự kiến hoàn thành năm 2022, sẽ trở thành trụ sở của GELEX và các Công ty thành viên tại khu vực phía Nam, đồng thời cũng được khai thác cho thuê để tạo ra dòng tiền ổn định cho Tập đoàn.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, năm 2019 cũng ghi dấu sự cố đáng tiếc xảy ra tại nhà máy nước sông Đà – một đơn vị thành viên của GELEX. Tuy nhiên, ngay sau khi ghi nhận thông tin về vụ việc, ban lãnh đạo GELEX đã lập tức có những chỉ đạo quyết liệt, nhanh chóng xử lý và phục hồi chất lượng nguồn nước nhằm đảm bảo đời sống của người dân, được nhân dân thủ đô và Chính quyền thành phố Hà Nội ghi nhận.

## Minh bạch – Hiệu quả

Năm 2019 cũng ghi nhận sự kiện ý nghĩa khi GELEX phát hành thành công trái phiếu với sự bảo lãnh thanh toán bởi Quỹ đầu tư và bảo lãnh tín dụng (Credit Guarantee and Investment Facility – CGIF), một quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) được S&P đánh giá tín nhiệm hạng AA trên toàn cầu. Thông qua việc thu



# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

xếp thành công nguồn vốn ổn định và dài hạn, GELEX đã và đang thể hiện sự chuẩn mực, minh bạch và hiệu quả hơn trong quản trị khi được công nhận bởi các tổ chức tài chính quốc tế.

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019

Doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2019 của GELEX đạt 15.315 tỷ VNĐ và 1.102 tỷ VNĐ, tăng trưởng so với năm 2018 nhưng vẫn thấp hơn kế hoạch kinh doanh do Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 phê duyệt là 16.700 tỷ đồng và 1.380 tỷ đồng. Điều này bắt nguồn từ việc trong kế hoạch năm 2019, GELEX có tính đến việc hoàn tất mua và sở hữu chi phối Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh (EEMC) và Tổng Công ty Viglacera (VGC). Tuy nhiên trong năm 2019, việc thoái vốn Nhà nước tại EEMC và VGC chưa được thực hiện nên GELEX chưa hoàn thành được công việc này.

## Kiên trì – Vượt khó

Trước những diễn biến phức tạp về tình hình dịch bệnh trên toàn thế giới hiện nay, năm 2020 được dự đoán tiềm ẩn nhiều rủi ro về kinh tế và xã hội, ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của GELEX. Tuy nhiên, với vị thế tiên phong trong sản xuất, kinh doanh thiết bị điện, cùng lịch sử hàng chục năm xây dựng và phát triển của Công ty mẹ và các Công ty thành viên, GELEX đã nhiều lần chứng minh năng lực vượt khó khi đối đầu với những khó khăn của nền kinh tế và phát triển thành một Tập đoàn vững mạnh ngày hôm nay. Kinh nghiệm đã được tích lũy qua nhiều chu kỳ kinh tế chính là điểm tựa, là cơ sở để GELEX tiếp tục vững bước vượt qua năm 2020 và tiếp tục vươn tới những mục tiêu lớn trong tương lai, trở thành doanh nghiệp thuộc TOP 20 các doanh nghiệp tư nhân tốt nhất trên thị trường Việt Nam trong cả hai lĩnh vực sản xuất công nghiệp và hạ tầng. Để làm được điều đó, chúng tôi rất mong Quý cổ đông, các đối tác và các nhà đầu tư tiếp tục ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trong hành trình vươn tới những đỉnh cao mới.

**Trân trọng cảm ơn!**



Chủ tịch Hội đồng quản trị

**NGUYỄN VĂN TUẤN**



# KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT

Tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu hợp nhất đạt

## 16,26%

trong 5 năm gần nhất



Tốc độ tăng trưởng bình quân của Tổng tài sản hợp nhất đạt

## 44,20%

trong 5 năm gần nhất



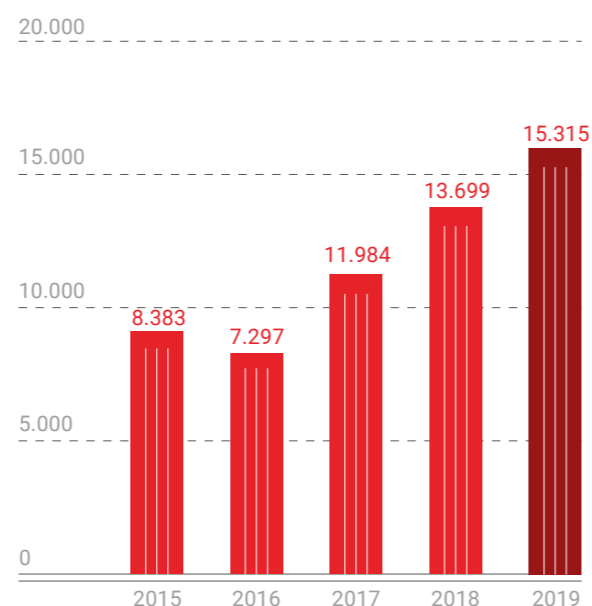
Biên lợi nhuận gộp năm 2019 đạt mức cao nhất trong vòng 5 năm.

## 17,88%



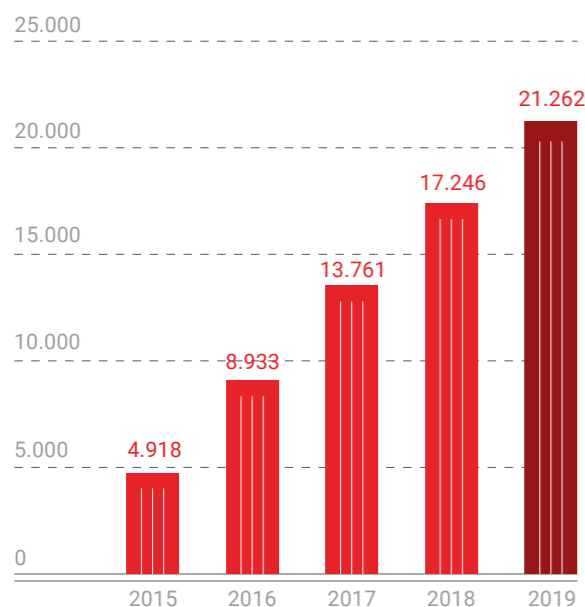
## Doanh thu hợp nhất

Đơn vị: Tỷ VNĐ



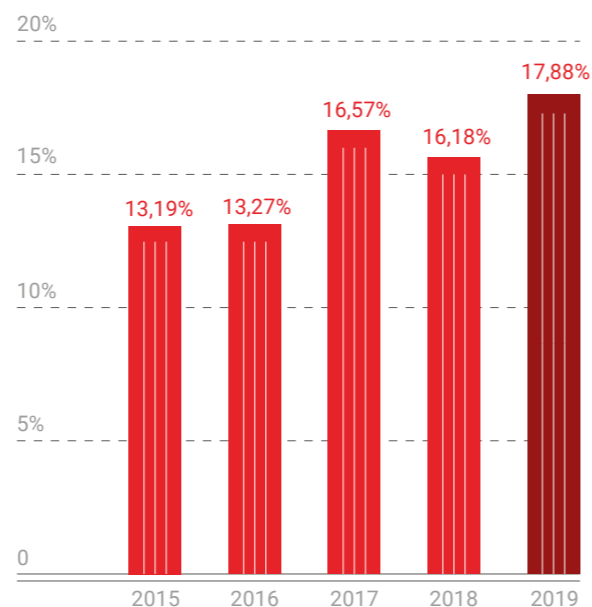
## Tổng tài sản hợp nhất

Đơn vị: Tỷ VNĐ



## Biên lợi nhuận gộp

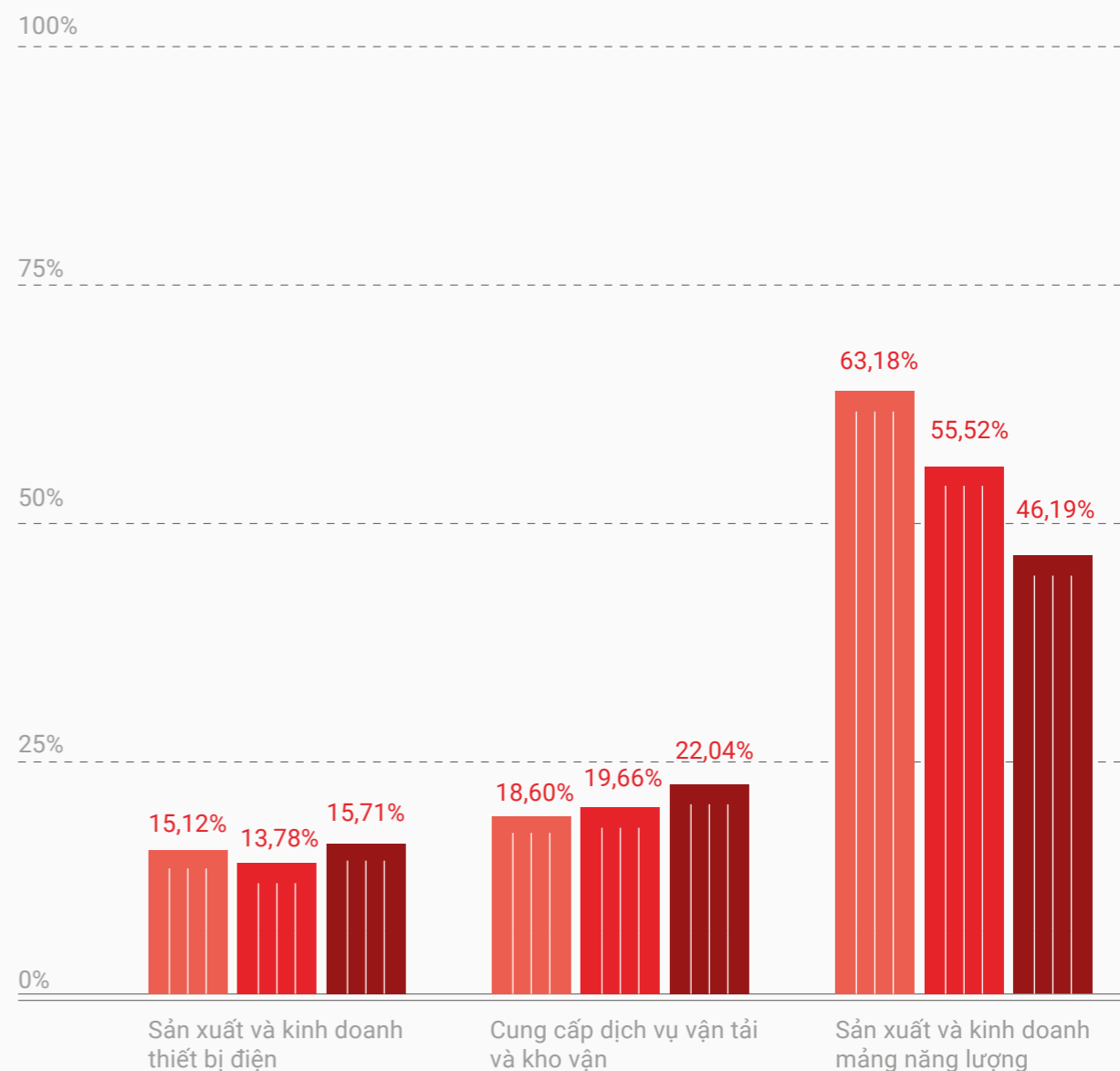
Đơn vị: Tỷ VNĐ



## Biên lợi nhuận gộp theo mảng

Biên lợi nhuận mảng năng lượng giảm do việc giảm phát điện bởi thiếu hụt nguồn nước từ thủy điện và giảm phát từ năng lượng mặt trời tại Dự án điện mặt trời Ninh Thuận

2017 2018 2019



# CÁC ĐIỂM NỔI BẬT 2019

Sở hữu

## 24,97%

cổ phần của Tổng Công ty Viglacera

Phát hành thành công

## 1.150

Tỷ đồng

Trái phiếu kỳ hạn 10 năm nhằm đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo

## TẠI GELEX:

- Hoàn thành sở hữu 24,97% cổ phần của Tổng Công ty Viglacera để Viglacera trở thành công ty liên kết của GELEX, tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững, tập trung vào 2 mũi nhọn chính là sản xuất công nghiệp và hạ tầng.
- Phát hành thành công 1.150 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 10 năm với lãi suất cố định 6,95%/năm nhằm đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn. Khoản vay trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi CGIF – một quỹ bảo lãnh tín dụng của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), xếp hạng tín nhiệm AA bởi S&P.

## MẢNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP – NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

- Tiến hành các dự án mở rộng nâng cao năng lực sản xuất của Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai; triển khai dự án sản xuất cáp nhôm siêu nhiệt, dự án nâng cao năng lực sản xuất cáp ngầm trung thế 500km; tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất tạo hạt nhựa PVC và triển khai dự án xây dựng nhà máy sản xuất dây và cáp điện Bắc Ninh.
- Tiếp tục tái cấu trúc cơ cấu sở hữu nhóm ngành Sản xuất thiết bị điện với việc sáp nhập Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam Hungari (VIHEM) vào Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM).
- Hoàn tất việc xây dựng và khánh thành nhà máy CADIVI miền Trung giai đoạn 2 tại Đà Nẵng.
- Tiếp tục nghiên cứu và phát triển những sản phẩm kỹ thuật cao, thân thiện với môi trường.

## MẢNG HẠ TẦNG – NHÓM NGÀNH LOGISTICS

- Ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến vào quản lý doanh nghiệp; Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự và nâng cao năng lực quản trị
- Tăng cường tiếp cận sâu rộng vào thị trường và các khách hàng mục tiêu
- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế nội bộ, nội quy, kỷ luật lao động và an toàn lao động,...

## MẢNG HẠ TẦNG – NHÓM NGÀNH DỊCH VỤ TIỆN ÍCH VÀ NĂNG LƯỢNG

- Hoàn thiện các giải pháp để bảo vệ nguồn nước đầu vào của Nhà máy nước Sông Đà.
- Hoàn thành và đưa vào phát điện thương phẩm các dự án: nhà máy thủy điện Canan 1 và 2, dự án điện mặt trời Ninh Thuận.
- Tiếp tục các công tác xúc tiến đầu tư và triển khai các dự án điện gió Hướng Phùng 2, 3 và GELEX 1, 2 và 3.

## MẢNG HẠ TẦNG – NHÓM NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

- Quản lý và vận hành hiệu quả, tạo ra dòng tiền ổn định từ việc khai thác và cho thuê lấp đầy tòa nhà GELEX Tower tại 52 Lê Đại Hành – Hà Nội.
- Tiếp tục khai thác hiệu quả tổ hợp khách sạn Melia; chuẩn bị phương án nâng cấp cải tạo sửa chữa.
- Chuẩn bị khởi công dự án CADIVI Tower tại TP.HCM.

## GIẢI THƯỞNG VÀ HOẠT ĐỘNG 2019



Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất năm 2019 do Forbes Việt Nam công bố



Doanh nghiệp có năng lực quản trị, năng lực tài chính tốt nhất trên sàn chứng khoán năm 2019 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bình chọn



Profit 500 – Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp Việt Nam có lợi nhuận tốt nhất năm 2019



## Phần 02

# TỔNG QUAN VỀ GELEX

---

Quá trình hình thành và phát triển .....	18
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	20
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị .....	22
Định hướng phát triển .....	30
Các rủi ro .....	32






# TỔNG QUAN VỀ GELEX

Tên Công ty:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên viết tắt: **GELEX**


Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100100512**

 Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

 024 39726245/6

 024 39726282

 [www.gelex.vn](http://www.gelex.vn)

 [gelex@gelex.vn](mailto:gelex@gelex.vn)

Vốn điều lệ



4.882.440.000.000 đồng

Tổng khối lượng cổ phần lưu hành



488.244.000 cổ phiếu

Nơi niêm yết cổ phiếu:

**HOSE**

Sổ Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Mã chứng khoán:



**GEX**

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1990

## Thành lập

Tiền thân là  
**Tổng công ty thiết bị  
kỹ thuật điện**

2010

## Cổ phần hoá

Vốn điều lệ:  
**1.400** tỷ đồng

Nhà nước giữ  
**87%** vốn

2015

## Thay đổi cơ cấu sở hữu

Doanh thu:  
**8.382** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế:  
**321,1** tỷ đồng

Vốn điều lệ:  
**1.550** tỷ đồng

2017

## Mở rộng

Doanh thu:  
**11.984** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế:  
**637,3** tỷ đồng

Vốn điều lệ:  
**2.668** tỷ đồng

Mở rộng hoạt động  
kinh doanh sang mảng:

- Nguồn phát điện
- Logistics
- Cung cấp nước sạch

2018

## Tái cấu trúc

Doanh thu:  
**13.699,1** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế:  
**942,4** tỷ đồng

Vốn điều lệ:  
**4.065,6** tỷ đồng

Niêm yết trên HOSE: 18/01/2018.  
Quy hoạch tập trung 02 lĩnh vực:

- Sản xuất công nghiệp
- Hạ tầng

2019

## Phát triển giá trị cốt lõi

Doanh thu:  
**15.315** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế:  
**852** tỷ đồng

Vốn điều lệ:  
**4.882** tỷ đồng

Đầu tư sở hữu cổ phần tại  
Tổng Công ty Viglacera  
Quy hoạch tập trung 02 lĩnh vực:

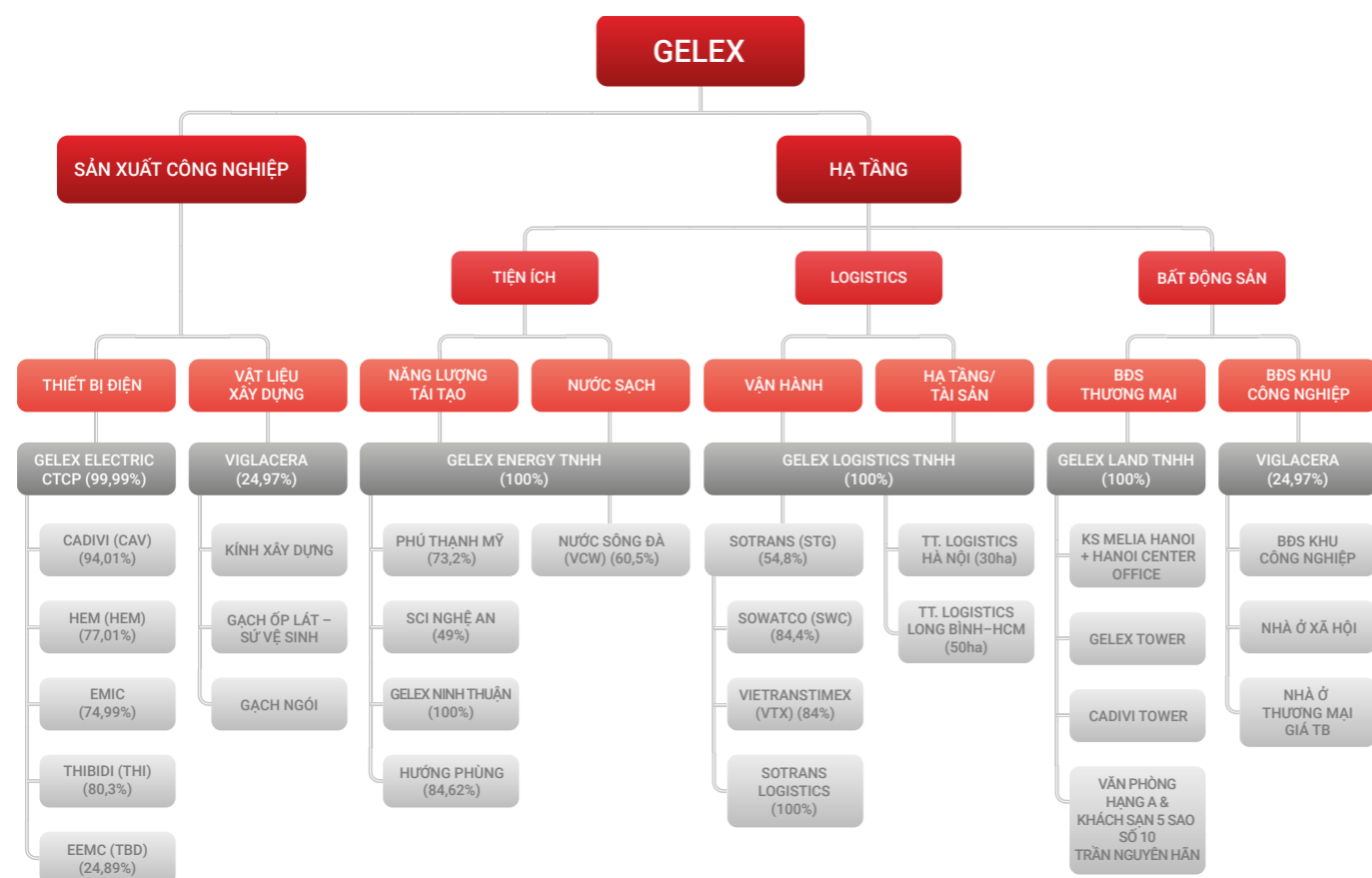
- Sản xuất Công Nghiệp
- Hạ Tầng

GELEX

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:



## | ĐỊA BÀN KINH DOANH

GELEX có trụ sở chính đặt tại tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Các công ty thành viên, công ty liên kết có địa bàn hoạt động chính tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh,

Nghệ An, Quảng Trị, Ninh Thuận, Đồng Nai.

Mảng công nghiệp Thiết bị điện cùng các sản phẩm mang thương hiệu CADIVI, THIBIDI hiện đang xuất khẩu sang thị trường từ Lào, Campuchia và mở rộng sang Úc, châu Âu, châu Mỹ.



## | MẠNG LƯỚI

Mạng lưới sản xuất kinh doanh của GELEX phủ rộng toàn quốc, đặc biệt tại các khu vực kinh tế trọng điểm của Việt Nam như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đồng Nai ...

### 1 HÀ NỘI

- Trụ sở chính GELEX Group
- GELEX ELECTRIC
- GELEX ENERGY
- GELEX LAND
- EEMC
- HEM
- EMIC

### 2 BẮC NINH

- Nhà máy CADIVI

### 3 HOÀ BÌNH

- CTCP Đầu tư Nước sạch sông Đà

### 4 NGHỆ AN

- Thủy điện CANAN

### 5 QUẢNG TRỊ

- Dự án Điện gió

### 6 QUẢNG NAM

- Thủy điện SÔNG BUNG 4A

### 7 NINH THUẬN

- Dự án trang trại điện mặt trời NINH THUẬN

### 8 ĐỒNG NAI

- THIBIDI
- CADIVI ĐỒNG NAI
- MEE

### 9 TP. HỒ CHÍ MINH

- Văn phòng GELEX Group
- SOTRANS
- SOWATCO
- VIETRANSTIMEX
- GELEX LOGISTICS
- CADIVI

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

## | MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## | CƠ CẤU BAN LÃNH ĐẠO



Ông NGUYỄN VĂN TUẤN

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Học vấn: Quản trị Doanh nghiệp

### Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 01/2018 - Nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam.
- Từ 09/2016 - 01/2018: Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị/ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam.
- Từ 06/2019 - Nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Viglacera – CTCP.
- Từ 07/2017 - Nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh S.A.S – CTAMAD.
- Từ 05/2017 - Nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Dây cáp Điện Việt Nam.
- Từ 12/2016 - Nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX.
- Từ 09/2016 - Nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX.
- Từ 04/2016 - 4/2019: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.
- Từ 03/2016 - 4/2019: Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam.
- Từ 09/2016 - 4/2018: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện.
- Từ 2013 - 2018: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hạ tầng Fecon.

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

## | CƠ CẤU BAN LÃNH ĐẠO



**Ông NGUYỄN TRỌNG TIẾU**

### Phó Chủ tịch HĐQT

**Học vấn:** Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 06/2018-Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP
- Từ 01/2020-03/2020: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ năm 2014 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương
- Từ năm 2010 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ năm 2017 – 6/2018: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội – HEM
- Từ 09/2016 – 12/2019: Tổng giám đốc Công ty TNHH Thiết bị Điện GELEX
- Từ năm 2015 – 04/2019: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện
- Từ năm 2010 – 8/2016: Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ 09/2016 – Nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện

### Phó chủ tịch HĐQT

**Học vấn:** Quản lý doanh nghiệp

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 6/2019 - Nay : Thành viên HĐQT Tổng Công ty Viglacera - CTCP
- Từ 2018 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam GELEX
- Từ 2017 - Nay: Chủ tịch Công ty/ Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV GELEX Land
- Từ 2013 - Nay : Thành viên HĐQT CTCP Santedo
- Từ 2013 - Nay : Thành viên HĐQT CTCP dược phẩm Duy Tân
- Từ 2013 - Nay : Thành viên HĐQT CTCP dược phẩm Phano.
- Từ 2012 – Nay : Thành viên HĐQT CTCP Phát triển và tài trợ địa ốc R.C (Refico).
- Từ 2010 – 2016 : Giám đốc đầu tư CTCP Phát triển và tài trợ địa ốc R.C (Refico).
- Từ 2007 - 2010: Giám đốc Quỹ đầu tư Sài Gòn A2, Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt
- Từ 2004 - 2007: Giám đốc đầu tư, Nautilus Equity Holdings, Hongkong.
- Từ 12/2001 – 12/2004 : Trưởng phòng kinh doanh Cty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam.

**Bà ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN**



**Ông NGUYỄN HOA CƯƠNG**

### Thành viên HĐQT

**Học vấn:** Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 01/2018 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
- Từ năm 2007 - Nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH SAS-CTAMAD- Khách sạn Melia Hà Nội
- Từ 07/2010 – 01/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
- Từ năm 2011 - 09/2016: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ năm 2014 - 2016: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Dây đồng Việt Nam

### Thành viên HĐQT Độc lập

**Học vấn:** Cử nhân Hoá VLXD, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Từ năm 2013 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Trần Hưng Đạo
- Từ năm 2010 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ năm 2008 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Trách nhiệm hữu hạn Capital Land - Hoàng Thành
- Từ năm 2004 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành
- Từ năm 2004 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Hoàng Thành



**Bà NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC**

### Thành viên HĐQT

**Học vấn:** Cử nhân kế toán và CNTT, Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

#### Kinh nghiệm làm việc:

- Từ năm 2019 – Nay : Thành viên HĐQT CT TNHH MTV Năng Lượng GELEX.
- Từ tháng 07/2016 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
- Từ tháng 03/2016 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 06/2015 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện



**Ông VÕ ANH LINH**

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
1	<b>Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX ("GELEX Electric")</b> – Tên cũ: Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	2.218,7	100,00%	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực Thiết bị điện
2	<b>Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX ("Năng lượng GELEX")</b>	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	2.300	100,00%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, nước sạch
3	<b>Công ty TNHH MTV GELEX Logistics</b>	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.	1.210	100,00%	Dịch vụ logistics và đầu tư, kinh doanh hạ tầng logistics
4	<b>Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("GELEX Land")</b>	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	50	100,00%	Kinh doanh bất động sản, Khai thác và tối ưu hóa quỹ đất hiện có của GELEX và các công ty thành viên
5	<b>Tổng Công ty Viglacera - CTCP</b> <i>(* Hiện nay, tổng số cổ phần của GELEX tại Công ty Cổ phần Viglacera đạt 24,97% thông qua sự sở hữu của Tổng Công ty thiết bị điện GELEX (5,54%) và Công ty TNHH MTV GELEX Electric (19,43%)</i>	Tầng 16 & 17 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	4.483	5,54%	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây dựng, nguyên liệu nhiên liệu liên quan đến xây dựng</li> <li>Đầu tư xây dựng kinh doanh BĐS: Hạ tầng khu CN, đô thị, nhà ở.</li> <li>Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản</li> <li>Kinh doanh dịch vụ BĐS</li> </ul>
6	<b>Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT</b>	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	\$8.000.000	36,35%	Sản xuất, kinh doanh dây đồng
7	<b>Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai</b>	1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	185,2	20,25%	Kinh doanh dịch vụ cảng biển

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp/ gián tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với một số thông tin chính như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
<b>GELEX ELECTRIC</b>					
1	<b>Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")</b>	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	576	94,01%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	<b>Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")</b>	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	385.5	77,01%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	<b>Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")</b>	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	488	80,31%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
4	<b>Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện Emic ("EMIC")</b>	Tầng 23, tòa nhà GELEX, Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	150	74,99%	Sản xuất kinh doanh thiết bị đo điện
5	<b>Tổng Công ty Viglacera - CTCP</b>	Tầng 16 & 17 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	4.483	19,43%	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây dựng, nguyên liệu nhiên liệu liên quan đến xây dựng.</li> <li>Đầu tư xây dựng kinh doanh BĐS: Hạ tầng khu CN, đô thị, nhà ở.</li> <li>Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản</li> <li>Kinh doanh dịch vụ BĐS</li> </ul>
<b>Công ty CADIVI</b>					
1	<b>Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Đồng Nai ("CADIVI Đồng Nai")</b>	Đường số 1 Khu Công nghiệp, Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	789	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	<b>Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Miền Bắc ("CADIVI Miền Bắc")</b>	Lô D1-3, Khu Công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	100	100%	Kinh doanh dây và cáp điện

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
<b>Công ty THIBIDI</b>					
1	<b>Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh ("MEE")</b>	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	120	51,00%	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện
2	<b>Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP (công ty liên kết)</b>	Số 189, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	282,6	24,89%	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện
<b>Công ty HEM</b>					
1	<b>Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")</b>	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	13	99,82%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
<b>CÔNG TY NĂNG LƯỢNG GELEX</b>					
1	<b>Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")</b>	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	618,14	73,16%	Sản xuất thủy điện
2	<b>Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận</b>	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	368	100,00%	Sản xuất và truyền tải điện
3	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")</b>	Xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	750	60,46%	Sản xuất nước sạch
4	<b>Công ty TNHH Điện Gió Hướng Phùng</b>	Tầng 3, số nhà 242 Quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	39	84,62%	Sản xuất điện gió
5	<b>Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk</b>	Số 21 đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	10	80,00%	Sản xuất điện gió

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
6	<b>Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị</b>	Tầng 3, số nhà 242 quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, Quảng Trị	30	85%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
7	<b>Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh</b>	Tây Ninh	20	98,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
8	<b>Công ty cổ phần dịch vụ Năng lượng GELEX</b>	Hà Nội	30	51,00%	Kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
9	<b>Công ty cổ phần Năng lượng Đông Hải</b>	Bình Dương	70	88,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
10	<b>Công ty TNHH SCI Nghệ An</b>	Địa chỉ: Bản Huồi Thở, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	245 tỷ	49%	Xây các công trình nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện
<b>GELEX LOGISTICS</b>					
1	<b>Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")</b>	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	982,533	54,78%	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
<b>Công ty SOTRANS</b>					
1	<b>Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")</b>	Số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	20	51,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	<b>Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics</b>	1B Hoàng Diệu, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	220	100,00%	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
3	<b>Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")</b>	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	671	84,39%	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tày và dịch vụ tiếp vận
4	<b>Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Vietranstimex ("VTX")</b>	Lầu 9 Tòa nhà B&L TOWER, số 119-121 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	209,7	84,00%	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
5	<b>Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")</b>	Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	28,74	100%	Kinh doanh hoạt động vận tải đường bộ



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

GELEX tập trung theo đuổi mục tiêu dài hạn là phát triển bền vững lĩnh vực Sản xuất công nghiệp và Hạ tầng trong đó cụ thể ngành Sản xuất thiết bị điện và vật liệu xây dựng vẫn là ngành chủ lực của Tổng Công ty. Đối với những lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao, GELEX tối ưu hóa cơ hội để có tăng trưởng đột biến và nắm bắt các cơ hội do các ngành đó tạo nên; mảng sản xuất điện tái tạo, logistics, bất động sản khu công nghiệp và cung cấp điện nước trong khu công nghiệp, văn phòng và khách sạn cao cấp tại các thành phố nhóm I.



## MỤC TIÊU CƠ BẢN TRONG 3 – 5 NĂM TỚI

### Đối với hoạt động của Công ty mẹ GELEX:

Là công ty quản lý vốn hiệu quả của 4 nhóm ngành hoạt động kinh doanh, đồng thời cung cấp dịch vụ chia sẻ (IT, quản lý tài sản, quản lý dự án v.v..) cho các công ty con trong từng nhóm ngành nhằm tối ưu hóa chi phí, tối đa hóa hiệu quả kinh tế và tăng cường quản trị rủi ro trong hệ thống.

### Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

Tập trung phát triển sản xuất công nghiệp trong đó bao gồm các lĩnh vực chủ chốt là sản xuất Thiết bị điện và Vật liệu xây dựng.

Cụ thể, đối với lĩnh vực sản xuất thiết bị điện:

- Tối ưu hóa sản xuất, đầu tư phát triển sản xuất để hướng tới cung cấp đầy đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện đồng thời tăng cường mở rộng thị phần, giữ vững là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện của Việt Nam.
- Nghiên cứu phát triển các giá trị cộng hưởng giữa thiết bị điện và vật liệu xây dựng. Ví dụ, trong vấn đề phân phối, bán lẻ thiết bị điện, cáp điện và vật liệu xây dựng; logistics cho toàn bộ mảng sản xuất công nghiệp.
- Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý theo mô hình quản lý công nghiệp hiện đại, tận dụng triệt để lợi thế quy mô.
- Tiếp tục tập trung mở rộng thị phần về địa lý; cung cấp gói sản phẩm toàn diện để mở rộng thị phần bán cho EVN, các dự án và thị trường xuất khẩu.
- Phát triển R&D, các sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao.
- Tăng cường chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu.

Nguồn phát điện đạt tổng công suất:

**362MW**  
trong vòng 03 năm tới

Năng công suất Nhà máy nước sạch Sông Đà lên:

**600.000**  
m<sup>3</sup>/ngày đêm

### Đối với lĩnh vực hạ tầng

- Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và dịch vụ tiện ích xung quanh khu công nghiệp.
- Phát triển các dự án điện tái tạo cụ thể phát triển điện gió.
- Cơ cấu và thu xếp nguồn vốn ổn định và dài hạn để tập trung phát triển Hạ Tầng (Nhà máy điện).

**Nguồn phát điện:** Tiếp tục đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, mục tiêu trong vòng 03 năm tới đạt tổng công suất 362MW;

**Sản xuất cung cấp nước sạch:** Hoàn thành việc đầu tư giai đoạn 2, nâng công suất Nhà máy nước sạch Sông Đà lên 600.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tiếp tục chọn lọc mở rộng hoạt động kinh doanh nước sạch tại một số địa phương có tiềm năng, cung cấp nước trong khu công nghiệp;

### Bất động sản:

- Rà soát, sắp xếp lại quỹ đất hiện tại mà GELEX đang quản lý, tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý các khu đất cần chuyển đổi công năng.
- Tối ưu hóa dòng tiền và hiệu quả hoạt động của các bất động sản hiện hữu, phát triển các dự án mới tại các vị trí trung tâm với quỹ đất hiện có, xây dựng danh mục tài sản có giá trị cho Tập đoàn.
- Từng bước phát triển lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp có kèm theo phát triển Nhà ở xã hội nhằm tăng sức cạnh tranh cho các khu công nghiệp, phát triển bền vững và góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

# CÁC RỦI RO



## RỦI RO CẠNH TRANH TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

GELEX đang hoạt động trong lĩnh vực có tính cạnh tranh cao. Hai trong số lĩnh vực nòng cốt của GELEX là ngành M&E. Gần đây, sự gia tăng các đối thủ cạnh tranh cùng ngành cũng tạo ra những áp lực trong việc sản xuất và cho nhà cung cấp trong việc tạo ra các sản phẩm giá cả cạnh tranh.

Vì vậy, GELEX luôn tìm tòi và nghiên cứu những đối thủ tiềm năng, đồng thời tạo ra những sản phẩm có tính cạnh tranh và ưu việt hơn, hoặc tạo ra các sản phẩm thích ứng với thị trường nhằm phục vụ xu hướng ngành hàng mới cũng như đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường.

## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Với đặc thù hoạt động trên nhiều lĩnh vực chủ lực của nền kinh tế, GELEX và các công ty thành viên cũng chịu sự tác động của những rủi ro đặc thù trong từng lĩnh vực kinh doanh.

Mảng sản xuất thiết bị điện của Công ty chịu rủi ro lớn từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Trong khi giá sản phẩm đầu ra thường ít có khả năng biến động mạnh, việc giá nguyên liệu đầu vào thay đổi ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp.

Mảng kinh doanh điện nước và năng lượng của Công ty là mảng kinh doanh ổn định, tuy nhiên phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên. Đặc biệt là mảng năng lượng điện

khi sản lượng thủy điện, điện mặt trời hay điện gió đều biến động tùy thuộc vào các yếu tố như lượng mưa, sức gió hay bức xạ nhiệt vốn không thể đo lường và dự báo chính xác.

Mảng logistics chịu sự tác động rủi ro đặc thù liên quan đến chuỗi giá trị trong ngành. Theo đó, hoạt động logistics chuyên nghiệp đòi hỏi phải tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất - vận tải - người tiêu dùng, tuy nhiên thị trường Việt Nam chưa thể đáp ứng. Cơ sở hạ tầng cho dịch vụ logistics cũng chưa hoàn chỉnh. Đặc biệt, do đặc thù ngành áp dụng cước phí dịch vụ chủ yếu bằng ngoại tệ, vì vậy thường xuyên phải đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá, ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh.

Ngành bất động sản với đặc thù là giá trị lớn, cần nhiều thời gian triển khai và nhu cầu huy động vốn lớn cũng chịu nhiều rủi ro. Bên cạnh những rủi ro kinh tế và pháp lý đã đề cập, dự án bất động sản cũng có phải chịu những rủi ro như biến động về nhu cầu đối với dự án và rủi ro về biến động chi phí triển khai dự án (do thời gian triển khai kéo dài), rủi ro về khả năng huy động vốn triển khai dự án của Chủ đầu tư,...

# CÁC RỦI RO

## | RỦI RO KINH TẾ

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, chính sách... cũng như sự thay đổi giá Nguyên vật liệu đều sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của GELEX chịu ảnh hưởng của nhân tố chính sách từ Chính phủ cũng như các cơ quan quản lý. Đặc biệt, mảng kinh doanh thiết bị điện phụ thuộc nhiều vào các chính sách liên quan đến đầu tư công của Chính Phủ và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Rủi ro chính sách là rủi ro mà GELEX không thể kiểm soát. Trên thực tế, đối với những thay đổi này, việc tuân thủ các quy định mới, luật mới có thể khiến chi phí tăng hơn và gia tăng khó khăn trong việc đạt được giấy phép cũng như phê duyệt của Nhà nước và các cơ quan Quản lý để tiếp tục vận hành.

Với vai trò là Công ty quản lý vốn, GELEX tài trợ cho nhu cầu vốn tại các doanh nghiệp trong tập đoàn và cho sự tăng trưởng trong tương lai thông qua sự kết hợp giữa dòng tiền nội bộ và các khoản vay. Một số khoản nợ hiện tại cũng như các khoản vay của GELEX trong tương lai có thể chịu mức lãi suất thả nổi. Vì vậy biến động lãi suất sẽ làm tăng chi phí tài chính của Công ty và có thể ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh, tình trạng tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công ty.

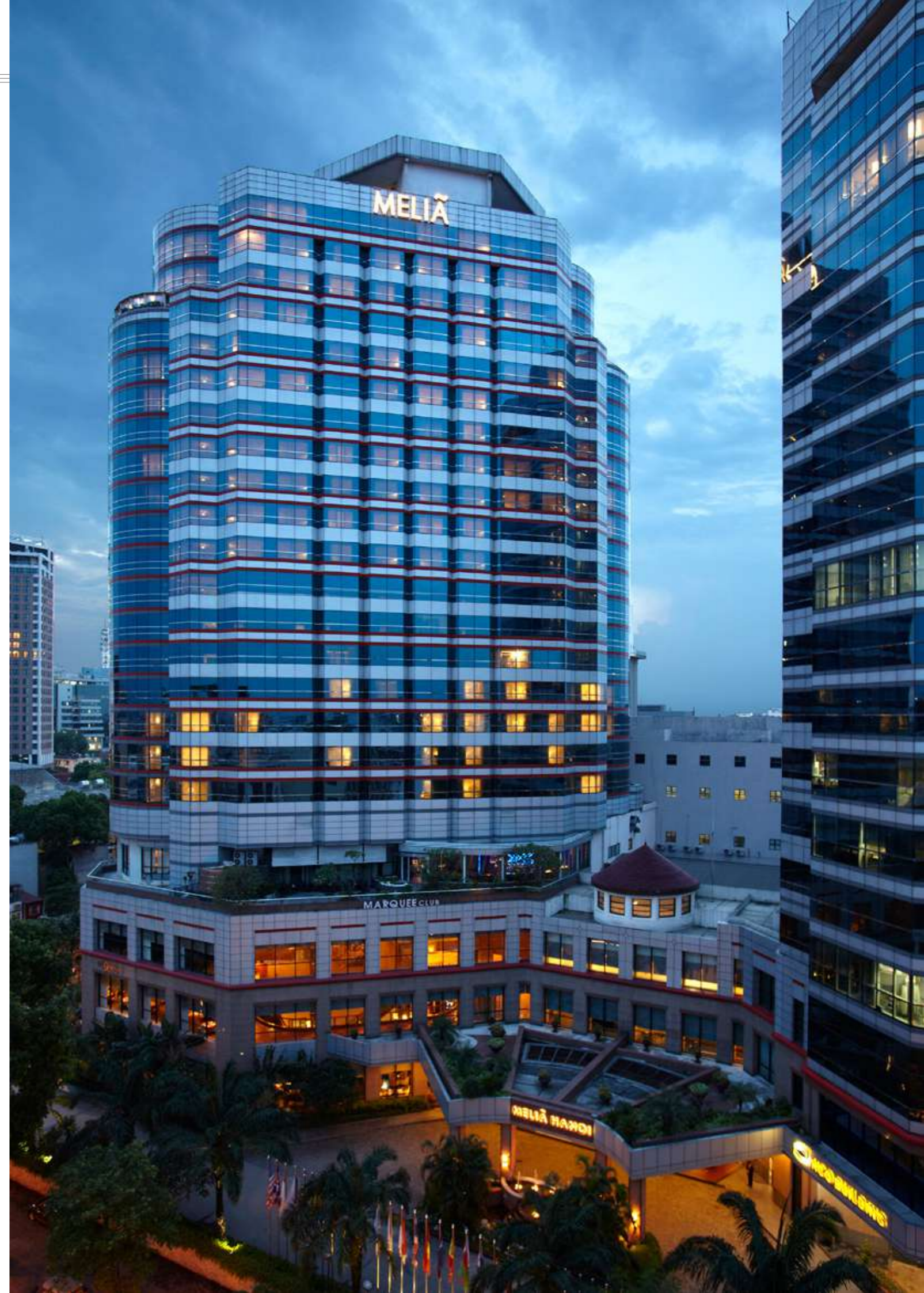
Ngoài ra, rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi một bên của công cụ tài chính hoặc hợp đồng được ký kết giữa các bên không thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình, dẫn đến tổn thất tài chính cho bên kia. Rủi ro tín dụng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty (chủ yếu là các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính, bao gồm tiền gửi ngân hàng, giao dịch ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Hiện nay, khối lượng sản xuất và chi phí sản xuất của các Công ty con (như GELEX Electric là nhà sản xuất các sản phẩm thiết điện) phụ thuộc vào khả năng duy trì nguồn

cung nguyên liệu ổn định và đầy đủ cho các sản phẩm của công ty với giá chấp nhận được. GELEX mua nguyên liệu trực tiếp hoặc thông qua trung gian. Mặc dù công ty đã đa dạng hóa nhà cung cấp và không phụ thuộc vào một nhà cung cấp bất kỳ cho loại nguyên liệu đơn lẻ nào. Tuy nhiên không có gì đảm bảo rằng sự thiếu hụt nguyên liệu thô mà Công ty cần sẽ không xảy ra. Trong trường hợp công ty không thể có được nguyên liệu thô với số lượng và chất lượng theo yêu cầu, hoặc về giá cả hoặc các điều khoản khác được chấp nhận, thì khối lượng, chất lượng sản xuất và doanh thu của Công ty có thể bị ảnh hưởng bất lợi.

## | RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GELEX luôn chú trọng quản lý các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững của Tập đoàn cũng như các công ty thành viên. Hoạt động kinh doanh của GELEX có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro đến từ thiên tai, tác động xấu của môi trường tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường kinh doanh... Chính vì thế GELEX luôn đặt mục tiêu bền vững trong các chiến lược phát triển chung nhằm cân bằng và hạn chế những tác động liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp. Theo đó, GELEX chú trọng vào việc xây dựng một cấu trúc vốn an toàn và phù hợp với các mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo khả năng cân đối tài chính trước những biến động bất lợi từ môi trường kinh doanh cũng như những yếu tố bên ngoài khác. Công ty đồng thời tập trung đào tạo nguồn nhân lực lãnh đạo và cán bộ có chất lượng, gắn bó và phù hợp với văn hóa của Công ty nhằm đảm bảo nguồn lực thực thi các chiến lược kinh doanh trong dài hạn. Hoạt động kinh doanh của GELEX cũng chú trọng hơn vào những ngành mang tính bền vững, thiết yếu và có lợi với môi trường như điện gió, điện mặt trời, cung cấp nước sạch, sản xuất các thiết bị điện thân thiện với môi trường... Tất cả những yếu tố trên góp phần giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của GELEX trong tương lai.



## Phần 03

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
năm 2019 toàn tập đoàn GELEX ..... 38

Phương hướng hoạt động sản xuất  
kinh doanh năm 2020 ..... 46



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 TỔNG CÔNG TY GELEX

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA GELEX NĂM 2019

Trong năm 2019, doanh thu hợp nhất của GELEX đạt 15.315 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm 2018, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 852 tỷ đồng, giảm 33,6% so với kết quả đạt được năm 2018. Một số chỉ tiêu chính thể hiện trong bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm 2018 (tỷ VNĐ)	Năm 2019 (tỷ VNĐ)	Thay đổi (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.699	15.315	11,8%
Lợi nhuận gộp hợp nhất	2.216	2.739	23,6%
Lợi nhuận trước thuế	1.533	1.102	-28,1%
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.283	852	-33,6%
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	942	635	-32,6%

Về cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực, năm 2019 không có sự thay đổi nhiều về cơ cấu, cụ thể như sau:

Doanh thu thuần theo lĩnh vực (tỷ VNĐ)	2018	Tỉ trọng 2018	2019	Tỉ trọng 2019	Tăng trưởng doanh thu (%)
Thiết bị điện	11.312	82,6%	12.667	82,7%	12,0%
Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	1.573	11,5%	1.638	10,7%	4,1%
Sản xuất và kinh doanh năng lượng	526	3,8%	712	4,7%	35,5%
Kinh doanh bất động sản và kinh doanh khác	289	2,1%	297	1,9%	2,9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.699</b>		<b>15.315</b>		<b>11,8%</b>

Thiết bị điện vẫn là lĩnh vực kinh doanh chủ chốt của GELEX, duy trì ổn định ở mức 82,71% tổng doanh thu, tỉ lệ này của năm 2018 là 82,57%. Năm 2019, doanh thu khối sản xuất và kinh doanh năng lượng có sự tăng trưởng từ mức 3,8% tổng doanh thu lên mức 4,7%. Điều này có được là nhờ việc Nhà máy điện Mặt trời Ninh Thuận đã chính thức hoàn thành và phát điện thương mại từ tháng 6/2019. Nhìn tổng thể, doanh thu của tất cả các lĩnh vực

kinh doanh trong hệ thống GELEX đều có sự tăng trưởng tốt, trong đó khối thiết bị điện giữ vững mức tăng trưởng 2 con số là 12,0%, khối sản xuất và kinh doanh năng lượng có sự tăng trưởng mạnh ở mức 35,5%.

Về lợi nhuận gộp, cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2019 về cơ bản tương đồng như năm 2018, cụ thể:

Lợi nhuận gộp theo lĩnh vực (tỷ VNĐ)	2018	Tỉ trọng 2018	2019	Tỉ trọng 2019	Tăng trưởng lợi nhuận gộp (%)
Thiết bị điện	1.559	70,4%	1.990	72,7%	27,7%
Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	309	14,0%	361	13,2%	16,8%
Sản xuất và kinh doanh năng lượng	292	13,2%	329	12,0%	12,7%
Kinh doanh bất động sản và kinh doanh khác	56	2,5%	59	2,1%	5,7%
<b>Tổng lợi nhuận gộp</b>	<b>2.216</b>		<b>2.739</b>		<b>23,6%</b>
<b>Tỉ lệ lợi nhuận gộp/Doanh thu</b>	<b>16,2%</b>		<b>17,9%</b>		



Doanh thu hợp nhất  
**15.315** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất  
**852** tỷ đồng

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 TỔNG CÔNG TY GELEX



Đặc biệt, lợi nhuận gộp của lĩnh vực thiết bị điện có sự tăng trưởng mạnh ở mức 27,7%.

Nhìn chung, lợi nhuận gộp của tất cả các ngành hàng năm qua đều có sự tăng trưởng tốt. Đặc biệt, lợi nhuận gộp của lĩnh vực thiết bị điện có sự tăng trưởng mạnh ở mức 27,7%, góp phần tăng tỉ trọng lợi nhuận gộp của lĩnh vực này trong cơ cấu lợi nhuận gộp toàn Tổng Công ty lên mức 72,7%. Tổng lợi nhuận gộp tăng trưởng 23,6% trong năm qua, tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu (11,8%) đã góp phần cải thiện biên lợi nhuận gộp từ mức 16,2% năm 2018 lên mức 17,9% năm 2019. Lợi nhuận gộp cải thiện như trên đến từ việc các đơn vị thành viên của GELEX đã nỗ lực đầu tư thiết bị, cải tiến công nghệ và tối ưu hoá khâu sản xuất song hành với việc tiết kiệm nguyên liệu đã giúp tăng dần biên lợi nhuận gộp.

Mặc dù có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận gộp như trên nhưng lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty năm 2019 chỉ đạt 1.102 tỷ đồng, bằng 71,9% năm 2018 và đạt 80% kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế đạt 852 tỷ đồng, bằng 66,4% của năm 2018. Điều này bắt nguồn từ một số nguyên nhân chính sau đây:

**Thứ nhất**, trong năm 2019, các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty đã tăng chi cho hoạt động marketing thúc đẩy bán hàng, tham dự nhiều hội chợ triển lãm trong và ngoài nước

**Thứ hai**, đáp ứng nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và tài trợ cho các dự án mới, GELEX đã tăng vay nợ ngân hàng và phát hành thêm trái phiếu, đẩy nợ vay ngắn hạn từ 3.742 tỷ đồng tại thời điểm đầu năm lên 4.009 tỷ đồng tại

thời điểm kết thúc năm 2019, nợ vay dài hạn cũng tăng từ 2.132 tỷ đồng lên 4.562 tỷ đồng trong năm 2019. Điều này làm cho chi phí tài chính năm 2019 tăng mạnh so với năm 2018

**Ngoài ra**, năm 2018, GELEX có tiến hành thoái vốn và đánh giá lại một số khoản đầu tư, dẫn đến phát sinh khoản lợi nhuận tài chính lớn. Đồng thời lĩnh vực sản xuất nước sạch năm qua đối mặt với sự kiện nước Sông Đà bị một số đối tượng đổ dầu gây ô nhiễm gây các khó khăn và gián đoạn trong sản xuất. Sự kiện này đã ảnh hưởng đến doanh thu, phát sinh chi phí xử lý và làm lợi nhuận của SDW sụt giảm so với năm 2018. Nếu ngoại trừ hai yếu tố này thì lợi nhuận trước thuế của năm 2019 tăng 6,9% so với năm 2018.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TỪNG LĨNH VỰC KINH DOANH CỦA GELEX NĂM 2019

### NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp trọng tâm là thiết bị điện là lĩnh vực kinh doanh truyền thống và nòng cốt của GELEX. GELEX hiện đang sở hữu các doanh nghiệp và thương hiệu hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực Thiết bị điện.

Hoạt động sản xuất kinh doanh nhóm ngành Sản xuất công nghiệp - Thiết bị điện tăng trưởng 12% về doanh

thu thuần (12.667 tỷ đồng năm 2019 so với 11.312 tỷ đồng năm 2018). Đặc biệt, lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh tăng trưởng đáng kể ở mức 27,7%, đạt 1.990 tỷ đồng trong năm 2019 so với mức 1.559 tỷ đồng năm 2018. Kết quả kinh doanh của cụ thể của các đơn vị thành viên trong khối thiết bị điện như sau:

#### Cơ cấu doanh thu

Công ty	2018	Tỉ trọng	2019	Tỉ trọng	Tăng trưởng (%)
CADIVI	8.546	70,2%	9.030	67,9%	5,7%
THIBIDI	2.220	18,2%	3.006	22,5%	35,41%
HEM	543	4,5%	502	3,8%	-7,6%
EMIC	672	5,5%	773	5,8%	15,0%

#### Cơ cấu lợi nhuận sau thuế

Công ty	2018	Tỉ trọng	2019	Tỉ trọng	Tăng trưởng (%)
CADIVI	415	48,6%	494	57,8%	19,04%
THIBIDI	277	32,4%	173	20,3%	-37,55%
HEM	94	11,0%	85	10%	-9,57%
EMIC	46	5,4%	102	11,9%	121,7%

Ghi chú: Tổng doanh thu của các đơn vị thiết bị điện lớn hơn tổng doanh thu khối thiết bị điện nêu trên do giữa các đơn vị có một số hoạt động mua bán hàng hóa, thành phẩm của nhau, khi hợp nhất và tính toán tổng doanh thu của khối thiết bị điện, đã loại bỏ các khoản doanh thu nội bộ này. Trong năm 2019, VIHEM đã được sáp nhập vào HEM, do đó không còn kết quả kinh doanh riêng của VIHEM trong nhóm thiết bị điện.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 TỔNG CÔNG TY GELEX



Tổng doanh thu nhóm thiết bị điện tăng 12% trong năm qua trong đó CADIVI vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất với 67,9% tổng doanh thu. Trong năm qua, lợi nhuận sau thuế của CADIVI cũng có sự tăng trưởng rất tốt với mức tăng 19%. Có được điều này nhờ biên lợi nhuận gộp được cải thiện mạnh mẽ trong năm 2019. Đối với THIBIDI, doanh thu có sự tăng trưởng ấn tượng ở mức 35,4%, tuy nhiên kết quả này là có sự hợp nhất kết quả kinh doanh của MEE, nếu không tính MEE doanh thu năm 2019 của THIBIDI tăng trưởng 18,8%. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của của THIBIDI lại sụt giảm so với năm 2018, điều này xuất phát từ cạnh tranh tăng cao dẫn đến chi phí bán hàng tăng, đồng thời chi phí tài chính phục vụ hoạt động M&A của THIBIDI cũng tăng mạnh trong năm 2018.

## NHÓM HẠ TẦNG

### LĨNH VỰC HẠ TẦNG TIỆN ÍCH: NGUỒN PHÁT ĐIỆN VÀ KINH DOANH NƯỚC SẠCH

Lĩnh vực hạ tầng tiện ích của GELEX bao gồm lĩnh vực nguồn phát điện và sản xuất kinh doanh nước sạch. Lĩnh vực này được đầu tư và quản lý bởi Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX (GELEX ENERGY) đơn vị do GELEX sở hữu 100% vốn.

#### Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch

Lĩnh vực nước sạch được quản lý và vận hành bởi Công ty CP Đầu tư nước sạch Sông Đà (SDW), công ty con do GELEX ENERGY sở hữu 60,46% vốn. Năm 2019, tổng sản lượng nước sạch thương phẩm đạt 104,5 triệu m<sup>3</sup>, tăng 13,5%, giá trị doanh thu đạt 540 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 137 tỷ đồng, giảm 37% so với năm 2018.

Trong năm 2019, GELEX đã tiến hành các dự án mở rộng nâng cao năng lực sản xuất của Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai; triển khai dự án sản xuất cáp nhôm siêu nhiệt, dự án nâng cao năng lực sản xuất cáp ngầm trung thế 500 km; tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất tạo hạt nhựa PVC hoàn thành xây dựng giai đoạn 2 nhà máy CADIVI Miền Trung, và dự án Nhà máy sản xuất dây cáp điện CADIVI Miền Bắc. GELEX cũng đã đẩy mạnh tìm kiếm để mua cổ phần Công ty CP Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh, mở rộng thêm sản phẩm máy biến áp truyền tải, góp phần hoàn thiện bộ sản phẩm thiết bị điện.

Đồng thời với đó, GELEX đã thực hiện tối ưu hóa sản xuất nhằm giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh, sáp nhập hai đơn vị cùng lĩnh vực sản xuất là VIHEM vào HEM.

Năm 2019, SDW đưa vào vận hành bể chứa trung gian và trạm bơm tăng áp Tây Mỗ giúp nâng cao công suất, đạt tiệm cận mức thiết kế của giai đoạn 1 là 300.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tuy nhiên trong năm qua Công ty đối mặt với sự kiện nước Sông Đà bị một số đối tượng đổ dầu gây ô nhiễm gây các khó khăn và gián đoạn trong sản xuất. Hiện SDW đã hoàn thành việc khắc phục và được UBND TP Hà Nội cho phép cung cấp nước dùng cho ăn uống và sinh hoạt trở lại tới người dân. SDW đã không thu tiền nước của người dân trong một tháng. Sự kiện này đã ảnh hưởng đến doanh thu và làm lợi nhuận của SDW sụt giảm so với năm 2018.

#### Lĩnh vực nguồn phát điện

Hiện nay GELEX ENERGY đang sở hữu tổng cộng 04 dự án nguồn phát điện với tổng công suất là 122 MW điện tại các dự án:

- Dự án Thủy điện Sông Bung 4A, công suất 49MW, doanh thu phát điện năm 2019 đạt 95,6 tỷ đồng, tương đương 50,16% kế hoạch, bằng 62% kết quả năm 2018, lợi nhuận trước thuế là -46,7 tỷ. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch do do tình hình thời tiết diễn ra không thuận lợi, lưu lượng nước về hồ thấp.
- Dự án Thủy điện Canan 1-2, tổng công suất 23MW trong đó Nhà máy Thủy điện Canan 2 công suất 16MW đã đi vào hoạt động từ quý 3/2018, Nhà máy Thủy điện Canan 1 công suất 7 MW đã đi vào hoạt động đầu quý 2/2019, năm 2019, tổng công suất phát đạt 71,4 triệu kWh điện, bằng 78,46% kế hoạch năm, doanh thu đạt 91 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 20 tỷ đồng, tương đương 80,16% và 131,2% kế hoạch năm.
- Dự án Điện Mặt trời Ninh Thuận, tổng công suất 49 MW, hiện đã hoàn thành và phát điện thương phẩm từ ngày 13/5/2019, vượt tiến độ kế hoạch đề ra. Trong năm 2019, tổng sản lượng điện của Nhà máy điện Mặt trời Ninh Thuận đạt 36,6 triệu kWh, bằng 93% kế hoạch đặt ra, doanh thu phát điện đạt 79,1 tỷ đồng.

Đồng thời với đó, GELEX Energy cũng xúc tiến đầu tư các dự án nguồn phát điện mới bao gồm:

- Dự án điện gió GELEX 1,2,3 tại Quảng Trị, tổng công suất 90MW
- Dự án điện gió Hướng Phùng 2, tổng công suất 20 MW
- Dự án điện gió Hướng Phùng 3, tổng công suất 30MW
- Từng bước nghiên cứu, phát triển các dự án điện mặt trời tại các Khu công nghiệp, nhà máy của CADIVI,



Viglacera và các đối tác với Tổng Công ty với công suất dự kiến khoảng 50%MW.

#### Tổng hợp kết quả kinh doanh của Khối hạ tầng tiện ích

Tổng hợp kết quả kinh doanh năm 2019 của các doanh nghiệp khối hạ tầng tiện ích như sau:

Đơn vị: tỉ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	Tăng trưởng (%)
<b>Doanh thu</b>	585	754	28,9%
<b>LNST của các công ty con thuộc về công ty mẹ</b>	100,7	36,8	- 63,4%

Ghi chú: Doanh thu là tổng doanh thu của các đơn vị thành viên được hợp nhất (Phú Thạnh Mỹ, SDW và GELEX Ninh Thuận), lợi nhuận là phần lợi nhuận thuộc GELEX Energy của các đơn vị thành viên và công ty liên kết (Phú Thạnh Mỹ, SDW, SCI Nghệ An và GELEX Ninh Thuận) năm 2019.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 TỔNG CÔNG TY GELEX



## LĨNH VỰC LOGISTICS

Hoạt động kinh doanh logistics của GELEX tập trung vào hai mảng chính:

- Vận hành Logistics: Thông qua các công ty con là Sotrans Logistics, Sowatco và Vietranstimex
- Đầu tư hạ tầng logistics

Kết quả kinh doanh năm 2019 của khối Logistics như sau:

Đơn vị: tỉ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	Tăng trưởng (%)
Doanh thu	1.761	1.835	4%
LNST	157	122	-22%

Tổng doanh thu 2019 nhóm Logistics tăng trưởng 4% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế trong năm 2019 của Công ty giảm so với số liệu cùng kỳ năm 2018 do nguyên

nhân doanh thu hoạt động tài chính và lãi trong công ty liên kết giảm so với năm 2018. Nếu không tính yếu tố này thì lợi nhuận trước thuế năm 2019 tăng trưởng 17,7% so với năm 2018.

## LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN VÀ KINH DOANH KHÁC

Với các lợi thế về quỹ đất, GELEX đã tham gia vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản cụ thể là lĩnh vực bất động sản thương mại. Các dự án bất động sản đã hoàn thành và đang khai thác trong hệ thống GELEX bao gồm GELEX Tower - 52 Lê Đại Hành, Khách sạn Melia Hà Nội, Khách sạn Bình Minh - Hà Nội.

Trong năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục đã thực hiện tối ưu mặt bằng cho thuê, tăng doanh thu trên mỗi m<sup>2</sup>. Đồng thời với đó, các dự án khai thác quỹ đất của Tổng Công ty dự kiến triển khai khác cũng đang được xúc tiến để triển khai theo đúng tiến độ.

Kết quả kinh doanh lĩnh vực BĐS và kinh doanh khác của GELEX năm qua như sau:

Đơn vị: tỉ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng
Doanh thu kinh doanh bất động sản và kinh doanh khác	289	297	2,9%
Lợi nhuận gộp	56	59	2,7%

## CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG KHÁC

Trong năm 2019, GELEX tiếp tục thực hiện kiện toàn mô hình kinh doanh theo nội dung tái cấu trúc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo đó, GELEX tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức tại Công ty mẹ, xác định rõ phương hướng hoạt động của Công ty mẹ GELEX gồm các chức năng chính: Phân bổ nguồn lực; Chia sẻ dịch vụ quản trị nội bộ và Kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro.

Trong năm 2019, GELEX đã phát hành thành công trái phiếu dài hạn kỳ hạn 10 năm với tổng giá trị mệnh giá phát hành là 1.150 tỷ đồng với lãi suất cố định 6,95%/năm, trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi Quỹ đầu tư và bảo lãnh tín dụng (Credit Guarantee and Investment Facility - CGIF), một quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) được S&P đánh giá tín nhiệm hạng AA trên toàn cầu. Để được CGIF bảo lãnh, GELEX đã vượt qua các vòng thẩm định rất ngặt nghèo không chỉ về quản trị, tài chính mà còn bao gồm cả các vấn đề xã hội và môi trường. Việc phát hành thành công một lần nữa khẳng định sự đánh giá

cao của các tổ chức quốc tế đối với chiến lược kinh doanh, quản trị cũng như sự minh bạch trong hoạt động của GELEX. Đồng thời việc phát hành thành công cũng giúp GELEX huy động được nguồn vốn dài hạn, ổn định phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.





# PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

## CÁC ĐỊNH HƯỚNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Căn cứ theo tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty đã hoạch định hai khối kinh doanh chính gồm: (1) Sản xuất công nghiệp và (2) Hạ tầng gồm sản xuất điện, nước, logistics và Bất động sản. Công ty mẹ GELEX có nhiệm vụ như một công ty holdings – chuyên quản lý phần vốn góp tại các đơn vị kinh doanh. GELEX tập trung theo đuổi mục tiêu dài hạn là phát triển bền vững lĩnh vực sản xuất công nghiệp trong đó cụ thể ngành Sản xuất thiết bị điện và vật liệu xây dựng. Đối với những lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao, GELEX tối ưu hóa cơ hội để có tăng trưởng và nắm bắt các cơ hội do các ngành đó tạo nên, bao gồm mảng sản xuất điện tái tạo, logistics, bất động sản khu công nghiệp và cung cấp điện nước trong khu công nghiệp, văn phòng và khách sạn cao cấp tại các thành phố nhóm I.

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2020 cụ thể như sau:

### Các định hướng hoạt động chung của toàn GELEX

- Công ty mẹ GELEX là Công ty quản lý vốn (Holdings) tư nhân chuẩn mực, uy tín, quản lý vốn hiệu quả của 4 nhóm ngành hoạt động kinh doanh
- Tiếp tục hoàn tất các thương vụ đầu tư chiến lược đang thực hiện của Tổng Công ty
  - Tối ưu hóa mảng sản xuất công nghiệp, vận hành logistics và tiện ích
  - Tăng cường đầu tư mảng hạ tầng
  - Tiếp tục mua bán, sáp nhập (M&A) các công ty có thể tạo ra giá trị cộng hưởng lớn với hệ thống hiện tại
- Cụ thể hóa các liên kết trong toàn hệ thống:

- Hoàn thiện các sub-holdings để trực tiếp quản lý từng mảng kinh doanh độc lập
- HĐQT chuyên trách trực tiếp hỗ trợ Ban điều hành ở các đơn vị thành viên
- Cung cấp các dịch vụ chia sẻ thiết yếu cho các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống
- Đảm bảo kinh doanh an toàn, thượng tôn pháp luật trong toàn hệ thống

### Các mục tiêu trọng tâm của khối Sản xuất Công nghiệp

- Tập trung phát triển sản xuất công nghiệp gồm các lĩnh vực chủ chốt là sản xuất Thiết bị điện và Vật liệu xây dựng;
- Đối với lĩnh vực sản xuất thiết bị điện:
  - Tối ưu hóa sản xuất, đầu tư phát triển sản xuất để hướng tới cung cấp đầy đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện, đồng thời tăng cường mở rộng thị phần, giữ vững vị thế là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện tại Việt Nam;
  - Nghiên cứu phát triển các giá trị cộng hưởng giữa thiết bị điện và vật liệu xây dựng như trong vấn đề phân phối, bán lẻ thiết bị điện, cáp điện và vật liệu xây dựng; logistics cho toàn bộ mảng sản xuất công nghiệp.
  - Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý theo mô hình quản lý công nghiệp hiện đại, tận dụng triệt để lợi thế quy mô.
  - Tiếp tục tập trung mở rộng thị phần về địa lý; cung cấp gói sản phẩm toàn diện để mở rộng thị phần bán cho EVN, các dự án và thị trường xuất khẩu
  - Phát triển R&D, các sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao;
  - Tăng cường chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu



### Các mục tiêu trọng tâm của khối Hạ tầng Tiện ích (Điện, nước)

- Tiếp tục đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, mục tiêu trong vòng 03 năm tới đạt tổng công suất 362MW
- Hoàn thành việc đầu tư giai đoạn 2, nâng công suất Nhà máy nước sạch Sông Đà lên 600.000 m3/ngày đêm. Tiếp tục chọn lọc mở rộng hoạt động kinh doanh nước sạch tại một số địa phương có tiềm năng, cung cấp nước trong khu công nghiệp.

### Các mục tiêu trọng tâm của khối Logistics

- Từng bước nghiên cứu đầu tư phát triển hạ tầng logistics như trung tâm phân phối (Distribution Center), trung tâm logistics (logistics park)
- Kết hợp với hệ thống khu công nghiệp của Viglacera từng bước phát triển hạ tầng logistics.

### Các mục tiêu trọng tâm của khối Bất động sản

- Rà soát, sắp xếp lại quỹ đất hiện tại mà GELEX đang quản lý, tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý các khu đất cần chuyển đổi công năng.
- Tối ưu hóa dòng tiền và hiệu quả hoạt động của các bất động sản hiện hữu, phát triển các dự án mới tại các vị trí trung tâm với quỹ đất hiện có, xây dựng danh mục tài sản có giá trị cho GELEX.
- Từng bước phát triển lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp có kèm theo phát triển Nhà ở xã hội nhằm tăng

sức cạnh tranh cho các khu công nghiệp, phát triển bền vững và góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

### Phát triển lĩnh vực bất động sản, khu công nghiệp và vật liệu xây dựng

- Năm 2019, thực hiện chủ trương phát triển thêm lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp GELEX và các đơn vị thành viên đã đầu tư và sở hữu 24,9% cổ phần Tổng Công ty Viglacera – CTCP, đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và khu công nghiệp ở phía bắc.
- Trong năm 2020, GELEX tiếp tục đầu tư để có thể sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của Viglacera. Trên cơ sở này GELEX sẽ đẩy mạnh lĩnh vực đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và dịch vụ tiện ích xung quanh khu Công nghiệp.
- Việc phát triển lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp sẽ bao gồm cả hoạt động đầu tư nhà ở xã hội, nhằm tạo điều kiện ổn định cuộc sống cho người lao động tại khu công nghiệp, góp phần tăng sự hấp dẫn của các khu công nghiệp, đồng thời góp phần vào công tác an sinh xã hội. Đồng thời với đó, tại các khu vực lân cận khu công nghiệp, các dự án nhà ở giá rẻ, phù hợp và đáp ứng nhu cầu cao của người lao động địa phương cũng sẽ được nghiên cứu đầu tư, phát triển nhằm tận dụng tiềm năng của phân khúc thị trường này cũng như góp phần nâng cao đời sống cho người lao động địa phương.

## Phần 04

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2019

Tình hình hoạt động các công ty trực thuộc và đầu tư liên kết 2019 .....	50
Tình hình đầu tư .....	62
Tình hình tài chính.....	64
Tổ chức và nhân sự.....	65
Cơ cấu cổ đông .....	66
Quá trình tăng vốn điều lệ.....	69



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ ĐẦU TƯ LIÊN KẾT 2019

## | NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



### 1. Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX – GELEX ELECTRIC

Năm 2019, GELEX Electric sở hữu 19,43% cổ phần của Tổng Công ty Viglacera- CTCP, một trong những Tổng Công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và hạ tầng khu công nghiệp.

Kết quả kinh doanh của các đơn vị thành viên GELEX Electric năm 2019 như sau:

#### 1.1 Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam – CADIVI

Trong nhóm thiết bị điện, CADIVI đóng góp 67,9% tổng doanh thu của nhóm thiết bị điện nêu trên, đạt 9.030 tỷ đồng, tăng trưởng 5,67% so với năm 2018 với doanh thu là 8.546 tỷ đồng. Đồng thời lợi nhuận sau thuế của CADIVI tăng trưởng hai con số, đạt 19%, tương đương 494 tỷ đồng so với 415 tỷ đồng năm 2018.

CADIVI	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	8.546	9.030	5,67%
Lợi nhuận sau thuế	415	494	19,04%

Đồng thời, Công ty CADIVI đã hoàn thành dự án lớn là đầu tư 2 triệu USD và vận hành hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp SAP thành công. Trong năm 2019, công ty CADIVI đã đưa ra hàng loạt sản phẩm mới an toàn hơn cho người sử dụng và bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Trong số đó có thể kể đến các sản phẩm sau:

**Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K:** được tổ chức TUV Rheinland (Đức) - đơn vị quốc tế có tính chất khách quan độc lập cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn EN-50618:2014. Cáp đã xuất sắc đạt chỉ tiêu thử nghiệm hoạt động liên tục trong 20.000 giờ với nhiệt độ 120 oC. Đây là chỉ tiêu khắc nghiệt của tiêu chuẩn EN-50618:2014 mà ít có nhãn hiệu khác có thể đạt được.

Cáp có nhiều ưu điểm nổi bật như:

- Cách điện và vỏ dùng nhựa XLPO từ châu Âu và Mỹ, có đặc điểm chậm cháy, ít khói không khí độc, bảo vệ an toàn cho người sử dụng.
- Ruột dẫn bằng đồng mềm tráng thiếc, hoạt động tốt trong các điều kiện khắc nghiệt như axit, bazơ.
- Cáp có khả năng tự tắt sau khi loại bỏ nguồn lửa, kháng tia UV tốt.

Vi vậy công ty CADIVI tự hào đã phục vụ cáp vào nhiều công trình, dự án trên toàn quốc như Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 2, Nhà máy điện mặt trời Gelex Ninh Thuận, và các dự án năng lượng mặt trời tại các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa.

### Cáp siêu nhiệt ACCC ruột nhôm lõi composite:

Sử dụng lõi composite độc quyền của tập đoàn CTC Global sản xuất theo tiêu chuẩn ASTM B987/B987M, ASTM B857, ASTM B609, cáp siêu nhiệt là dòng sản phẩm mới, có nhiều ưu điểm vượt trội so với cáp nhôm lõi thép – ACSR truyền thống, được dùng trong các hệ thống truyền tải điện cao thế 110 kV, 220 kV, 500 kV. Đến ngày 30/09/2019, CADIVI (doanh nghiệp 100% vốn trong nước) là đối tác đầu tiên tại Việt Nam được sản xuất và kinh doanh cáp siêu nhiệt ACCC ruột nhôm lõi composite của tập đoàn CTC Global (Hoa Kỳ).

Các ưu điểm của cáp bao gồm:

- Nhiệt độ lớn nhất trong điều kiện vận hành bình thường là 180°C;
- Khả năng mang dòng điện tải lớn gấp 02 lần cáp ACSR truyền thống có cùng đường kính;
- Lõi chịu lực bằng composite nên cáp nhẹ hơn, khả năng chịu lực tốt hơn, độ võng thấp, cho phép tăng chiều dài khoảng cách trụ, giảm số lượng và chiều cao cột trụ;
- Nếu so sánh với dây ACSR có cùng đường kính và điều kiện làm việc thì cáp ACCC có thể giảm tổn thất từ 20% đến 40% tùy quy cách nhờ sử dụng nhôm có độ dẫn điện cao, tiết diện dẫn lớn hơn và không tổn hao do dòng điện xoáy;
- Tuổi thọ cáp cao hơn, có khả năng chống ăn mòn cao, chịu được điều kiện môi trường ẩm ướt, nước muối.

### Cáp ngầm trung thế CADIVI:

- Tự hào được UBND TP HCM vinh danh là sản phẩm công nghiệp chủ lực của TP HCM, cáp ngầm trung thế CADIVI đã được lựa chọn sử dụng cho nhiều dự án, công trình trọng điểm trong và ngoài nước như: Ngầm hóa hệ thống lưới điện quốc gia tại các đô thị và thành phố lớn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Dự án Cấp điện cho tàu điện ngầm chạy tuyến Sài Gòn - Suối Tiên, các cao ốc chung cư, các khu công nghiệp, các nhà máy điện; các công trình ngành dầu khí...; xuất khẩu cho các dự án tại Cambodia, Myanmar,...
- Cáp ngầm trung thế có cấp điện áp từ 3,6kV lên đến 40,5kV; tiết diện lõi dẫn từ 25 mm<sup>2</sup> - 630 mm<sup>2</sup>. Vật tư sản xuất cáp được lựa chọn kỹ lưỡng như: đồng và nhôm đạt Grade A có đăng ký LME (nguồn gốc được niêm yết và kiểm soát trên thị trường chứng khoán châu Âu); sợi đồng nguyên liệu Æ8,0 mm được sản xuất trên dây chuyền nấu đúc UPCAST của

Phần Lan và dây chuyên nấu đúc cán đồng liên tục SCR (Southwires Copper Rod) của Mỹ; vật liệu cách điện (XLPE) và vật liệu bán dẫn được cung cấp từ các nhà sản xuất số một trên thế giới với chất lượng cao và ổn định là Borealis (tập đoàn đa quốc gia của châu Âu), DOW (của Mỹ)...

Đồng thời, Công ty đã tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn huy động để tập trung cho đầu tư, phát triển và mở rộng dây chuyền sản xuất tại miền Bắc, miền Trung; đa dạng hóa nhiều chủng loại sản phẩm để đáp ứng nhanh nhất, tốt nhất nhu cầu của khách hàng; duy trì các thị trường xuất khẩu truyền thống như Mỹ, Myanmar, Campuchia,... và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước như Nhật Bản, Australia,...

Công tác nâng cao năng lực sản xuất của CADIVI trong năm 2019 có thể được thống kê lại như sau:

- Tiến hành các dự án mở rộng nâng cao năng lực sản xuất của Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai;
- Triển khai Dự án nâng cao năng lực sản xuất cáp ngầm trung thế 500 km;
- Tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất tạo hạt nhựa PVC và xưởng cáp siêu nhiệt;
- Hoàn thành xây dựng giai đoạn 2 nhà máy CADIVI Miền Trung, và dự án Nhà máy sản xuất dây và cáp điện Bắc Ninh;
- Triển khai phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp SAP 4 HANA;

Định hướng 2020, CADIVI tiếp tục khẳng định là nhà sản xuất dây cáp điện lớn nhất và uy tín nhất tại Việt Nam, tiên phong trong các sản phẩm thân thiện và bảo vệ môi trường. Năm 2020, Công ty đặt ra kế hoạch doanh thu 10.392 tỷ đồng thông qua chiến lược giữ vững thị phần miền Nam và miền Trung, nhưng vẫn tập trung nguồn lực phát triển thị trường miền Bắc; đẩy mạnh sản phẩm dân dụng không chì, sản phẩm cáp chậm cháy hoặc năng lượng tái tạo và tăng doanh thu thị trường quốc tế.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ ĐẦU TƯ LIÊN KẾT 2019

Năm 2019, THIBIDI đã thiết kế và chế tạo thành công các MBA Ecotrans tiêu chuẩn Việt Nam



## 1.2 Công ty Cổ phần Thiết bị điện – THIBIDI

Năm 2019, THIBIDI đã thực hiện sản xuất: Máy biến áp (MBA) 3 pha: 6.782 chiếc, MBA 1 pha: 7.937 chiếc. Công ty đã tăng cường kiểm tra và giám sát quá trình hoàn thiện, nâng cao trình độ tổ chức sản xuất và năng suất lao động, tiết kiệm chi phí vật tư, giảm sai hỏng trong sản xuất và đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

Bên cạnh đó, công ty có kế hoạch xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, tỉnh Đồng Nai với diện tích 70.70 hecta, nhằm mục đích di dời nhà máy sản xuất máy biến áp hiện hữu tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng

Nai theo chủ trương chuyển đổi công năng khu Công nghiệp Biên Hòa 1. Đồng thời Mở rộng nhà xưởng để phát triển ngành hàng mới như là máy biến áp truyền tải 110KV-220KV và một số tủ bảng điện trung hạ thế, và các thiết bị điện cao thế khác.

Trong công tác nghiên cứu, thiết kế, công nghệ và đầu tư, THIBIDI đã thiết kế và chế tạo thành công các MBA Ecotrans tiêu chuẩn Việt Nam với tiêu chí tiết kiệm vật tư, góp phần làm giảm giá thành sản phẩm, đổi mới công nghệ quấn dây và công nghệ ủ lõi tôn, ... nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật tư giảm giá thành sản phẩm. Đồng thời thiết kế chế tạo dây trạm Kiosk góp phần đa dạng hóa sản phẩm công ty, đáp

ứng nhu cầu thị trường.

Trong năm qua, cùng với việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, các công tác an toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ luôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Công ty.

Năm 2019, Công ty đã tổ chức tập huấn kiến thức về An toàn – Vệ sinh lao động – PCCC cho CBCNV – Lãnh đạo khối sản xuất. Trong đó 100% công nhân vận hành thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt được huấn luyện và được cấp giấy chứng nhận.

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức hội thao diễn tập PCCC để CBCNV – Lãnh đạo tăng cường kiến thức, kỹ năng chữa cháy và sơ cấp cứu trong

công tác PCCC dưới sự hướng dẫn chuyên nghiệp của cảnh sát PCCC công an tỉnh Đồng Nai, đồng thời xây dựng phương án PCCC và mua sắm đầy đủ các thiết bị chữa cháy.

Tình hình tài chính trong năm 2019 có nhiều biến động như: hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm so với năm trước do cạnh tranh trong bán lẻ, đấu thầu EVN và các dự án; chính sách bán hàng cho hệ thống đại lý và giá bán sản phẩm Máy biến áp được điều chỉnh phù hợp nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Đến cuối năm 2019, doanh thu THIBIDI tăng trưởng 35%, đạt 3.006 tỷ so với năm 2018 đạt 2.220 tỷ, chiếm tỷ trọng 22,6% trong tổng số doanh thu nhóm ngành Thiết bị điện.

THIBIDI	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
<b>Doanh thu thuần</b>	2.220	3.006	35%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	277	173	-37,55%

Năm 2020, Công ty đặt ra mục tiêu tiếp tục kiểm soát tốt tình hình tài chính, duy trì mức độ ổn định và đảm bảo đủ tiềm lực để tiếp tục phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty trong thời gian tới.

## 1.3 Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)

Năm 2019 là năm HEM tái cấu trúc toàn diện, ưu tiên tập trung cho việc thành lập Nhà máy chuyên sản xuất động cơ điện tại thị trấn Đông Anh, sắp xếp lại mặt bằng và dây chuyền sản xuất, di dời thiết bị từ Cầu Diễn sang lắp đặt tại Nhà máy, tổ chức lại bộ máy nhân sự phục vụ sản xuất. Việc tập trung cho công tác tái cấu trúc cũng ảnh hưởng đáng kể đến kết quả SXKD của năm 2019.

Năm 2019 cũng là một năm nhiều khó khăn khi số lượng hàng giả, hàng nhái các sản phẩm của HEM ngày càng xuất hiện nhiều hơn trên thị trường. Trong khi các chính sách pháp luật trong công tác quản lý hàng giả, hàng

nhái và chế tài xử phạt của Nhà nước chưa đủ mạnh; mặc dù vậy, HEM đã đưa ra nhiều giải pháp để nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Đại hội cổ đông 2019 thống nhất. Tổng doanh thu hợp nhất là 501,58 tỷ đồng, đạt 77,2% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế là 84,67 tỷ đồng, đạt 84,6% kế hoạch năm 2019.

HEM	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
<b>Doanh thu thuần</b>	542	502	-7,38%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	94	85	-9,57%

## Ngành hàng động cơ điện:

Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (VIHEM) vào HEM từ 11 tháng 04 năm 2019, Công ty tập trung nhiều hơn cho các công tác nghiên cứu, phát triển thị trường; thiết lập, củng cố và mở rộng hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm; ổn định bộ phận bán hàng; tăng cường đào tạo chuyên môn cho đội ngũ nhân viên làm công tác marketing, công tác bảo hành và chăm sóc khách hàng; từng bước xây dựng cơ chế chính sách bán hàng linh hoạt, đáp ứng yêu cầu thị trường.

Việc duy trì 02 thương hiệu động cơ điện HEM và VIHEM một cách linh hoạt giúp đáp ứng được các yêu cầu về nhãn hiệu trên thị trường, phát huy được thế mạnh của các dòng sản phẩm HEM và VIHEM, đáp ứng tốt sản phẩm dự án, sản phẩm động cơ lớn, sản phẩm động cơ đặc chủng, đặc biệt như Động cơ phòng nổ, động cơ 6Kv, động cơ 2 tốc độ, động cơ chịu nhiệt. Bên cạnh đó, HEM cũng lựa chọn và cơ cấu lại các sản phẩm tiêu thụ có thiết kế tối ưu, mang lại hiệu quả cao từ các thiết kế động cơ HEM và VIHEM trước đây.

Kết quả kinh doanh động cơ điện trong năm tăng 121,7% so với năm 2018. Năm 2019 là năm cải tổ lại bộ phận kinh doanh cũng như tổ chức lại sản xuất ngành hàng động cơ điện nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ ĐẦU TƯ LIÊN KẾT 2019

## Ngành hàng dịch vụ sửa chữa:

Thương hiệu HEM ngày càng khẳng định là thương hiệu hàng đầu, chiếm lĩnh thị phần lớn nhất trong lĩnh vực này. HEM có lợi thế về công nghệ kỹ thuật, đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề và nhiều kinh nghiệm trong việc sửa chữa và bảo dưỡng máy điện công suất lớn; dịch vụ của HEM tiếp tục nhận được sự tín nhiệm cao của khách hàng, đặc biệt là khách hàng lớn ngành thủy điện, nhiệt điện, xi măng, thép. Doanh thu dịch vụ sửa chữa năm 2019 tăng trưởng 17,5% so với năm trước.

## Ngành hàng máy biến áp (MBA)

Năm 2019, thị trường bán lẻ chịu sự cạnh tranh từ nhiều đối thủ có cơ chế bán hàng linh hoạt và các loại hàng giả, hàng kém phẩm chất. Hai trong số những khách hàng lớn của HEM là Tập đoàn điện lực và Tổng công ty Điện lực Miền Bắc đã cắt giảm chi tiêu đầu tư cũng khiến kế hoạch kinh doanh của HEM bị ảnh hưởng. Doanh số bán hàng đạt 57% so với năm trước. Để có thể tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm MBA, HEM đặt mục tiêu cơ cấu tổ chức lại sản xuất kinh doanh ngành hàng MBA trong năm 2020.

### 1.4 Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC

Trong năm vừa qua, EMIC đã có nhiều hoạt động nghiên cứu cải tiến công tơ điện tử tạo tiền đề cho sự phát triển đột phá của dòng sản phẩm này năm 2019. Các sản phẩm của Công ty có được sự tín nhiệm cao trên thị trường. Chất lượng của các loại công tơ điện tử và sự tối ưu của các giải pháp đo xa đã giúp các sản phẩm điện tử dần thâm nhập và khẳng định vị thế với các khách hàng trọng điểm như: Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (EVN HCMC), Tổng công ty Điện lực miền Bắc (NPC), Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội (EVN HN); các dòng sản phẩm biến dòng (TI), biến áp (TU) trung thế ngoài trời đúc epoxy chân không vẫn giữ vững được thị phần tại các khách hàng lớn: Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (SPC) và Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc vẫn luôn duy trì tốt các mối quan hệ, hợp tác với khách hàng trong ngành điện và các hệ thống đại lý là một trong những yếu tố quan trọng góp phần rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2019. Và năm 2019, Công ty đã đạt được các kết quả đáng khích lệ như doanh thu tăng trưởng 15% và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 122%.

EMIC	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	672	773	15%
Lợi nhuận sau thuế	46	102	122%

Từ trước đến nay, phần lớn doanh thu của EMIC đến từ các sản phẩm cung cấp cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), nên bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chủ trương, chính sách của ngành điện lực, hoặc kế hoạch đầu tư mua sắm của EVN đều ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty, do đó đòi hỏi đội ngũ kinh doanh luôn phải bám sát thị trường, nắm bắt thông tin, giúp Công ty có sự chuẩn bị kịp thời. Hiện nay, các đơn vị sản xuất biến dòng, biến áp trong nước ngày càng nhiều, sẵn sàng đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại, nhân lực trẻ, có đủ năng lực để sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm với mẫu mã và giá thành cạnh tranh trở thành đối thủ trực tiếp của EMIC. Để đảm bảo sự tăng trưởng cũng như phát triển của công ty trong các giai đoạn sắp tới cũng như đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về cả mặt chất lượng cũng như tiến độ cung cấp hàng hóa, trong quá trình tái cơ cấu lại lực lượng lao động, cả khối kỹ thuật và khối sản xuất của Công ty năm 2019 đều đã được bổ sung một lực lượng đáng kể nguồn nhân lực mới, trẻ, năng động, nhiệt huyết.

### 1.5 Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP (EEMC)

Trong năm 2019, Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh

đạt tổng doanh thu 2.376 tỷ đồng, đạt 91,22% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 118 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2018. EEMC đạt được doanh thu như trên là nhờ sự nỗ lực không ngừng nghỉ cũng như sự áp dụng hợp lý các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong các loại máy móc hỗ trợ một cách hiệu quả.

Năm 2019, EEMC đã xuất xưởng thành công 827 MBA các loại, trong đó MBA 500kV; 220kV; 110kV đạt 89 máy; MBA trung gian, phân phối đạt 738 máy. Điển hình nhất phải kể đến MBA 3 pha 467MVA-500kV đầu tiên tại Việt Nam đã được EEMC chế tạo, xuất xưởng thành công

phục vụ cho Nhà máy Thủy điện Lai Châu – Sơn La, đây cũng là một trong mười sản phẩm khoa học công nghệ nổi bật của ngành Công thương năm 2019. Ngoài ra, còn phải kể đến rất nhiều dự án lớn là hàng loạt các dự án phục vụ cho Thủy điện Hòa Bình, IALY, các trạm biến áp 110-220kV trọng điểm trên mọi miền tổ quốc, các dự án năng lượng tái tạo, nhiều thiết bị điện cho các tập đoàn lớn như Vingroup, Hòa Phát, Tập đoàn Xuân Thành, SunGroup, và rất nhiều khách hàng đã luôn tin nhiệm sản phẩm của EEMC.

Kết quả kinh doanh năm 2019 như sau:

EEMC	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	2.458	2.375	-3%
Lợi nhuận sau thuế	102	118	16%



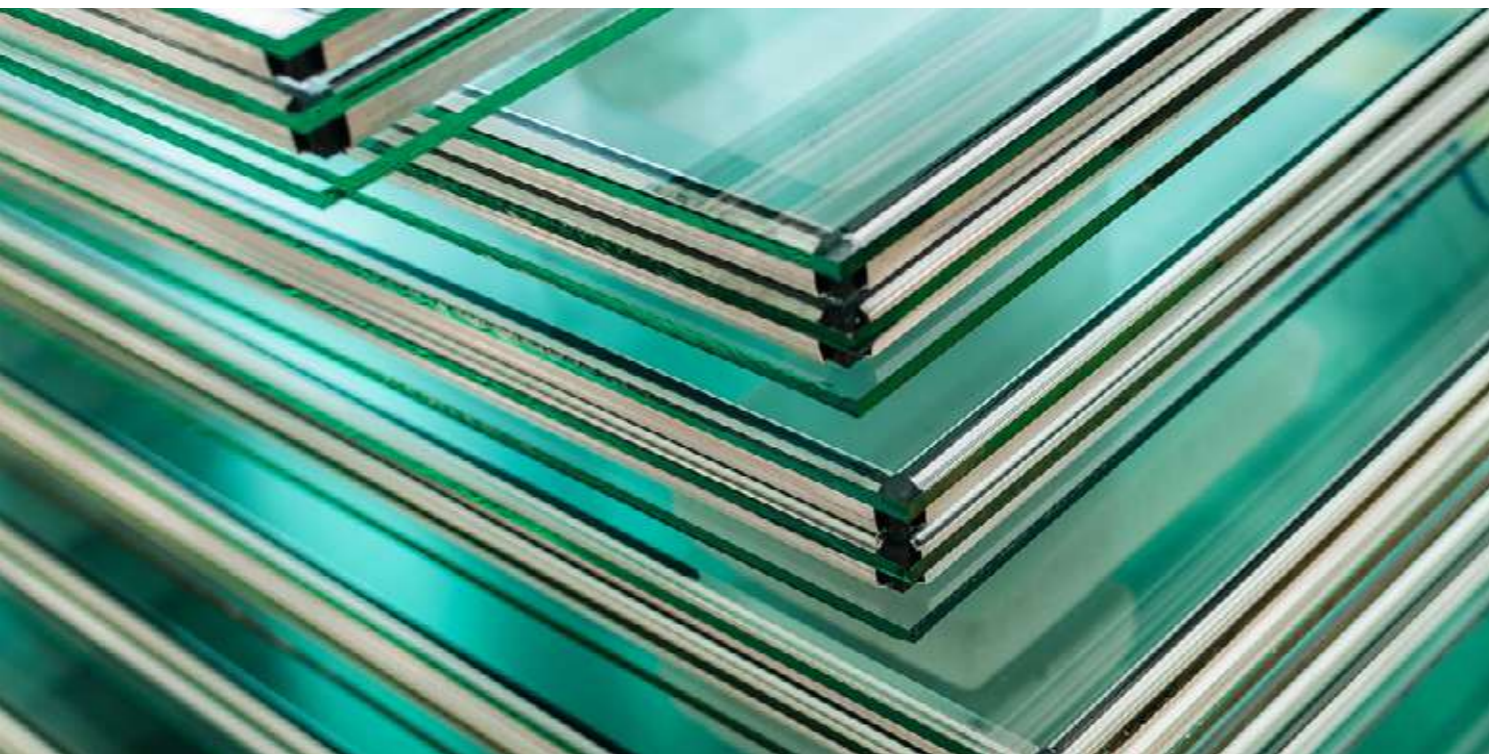
Năm 2019, EEMC đã xuất xưởng thành công:

**827** MBA các loại, trong đó:

**89** MBA 500kV; 220kV; 110kV

**738** MBA trung gian, phân phối

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ ĐẦU TƯ LIÊN KẾT 2019



## 1.6 Tổng Công ty Viglacera - CTCP

Năm 2019 đối với Viglacera tiếp tục có những khó khăn và ảnh hưởng bất lợi, tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực Vật liệu Xây dựng (VLXD) ngày càng gia tăng, đặc biệt với các nhóm sản phẩm chủ đạo của Tổng công ty như kính xây dựng, sứ vệ sinh, gạch ốp lát. Theo đó, gia tăng về nguồn cung từ các nhà sản xuất trong nước và từ nguồn nhập khẩu (đặc biệt là Trung Quốc) làm giá bán sản phẩm giảm sâu cùng với biến động tăng của các yếu tố đầu vào chủ yếu (dầu FO, CNG, than, điện, tiền lương cơ bản...), ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận của các nhóm sản phẩm, đồng thời làm gia tăng tồn kho, dư nợ. Bám sát các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm Kế hoạch năm 2019 được ĐHĐCĐ thông qua, Tổng Công ty Viglacera - CTCP đã triển khai linh hoạt, quyết liệt các giải pháp điều hành trong SXKD và đầu tư nhằm tiếp tục duy trì sự ổn định, cân đối toàn diện

trong các hoạt động, đảm bảo mục tiêu hiệu quả, hoàn thành mục tiêu lợi nhuận của Công ty.

Viglacera	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
<b>Doanh thu thuần</b>	8.812	10.146	15%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	667	759	13,81%

Trong năm 2019:

- Lĩnh vực bất động sản: tăng trưởng của lĩnh vực Bất động sản Khu công nghiệp đóng góp lớn vào sự tăng trưởng chung của Tổng Công ty.
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng: nhóm gạch ốp lát có sự tăng trưởng so với cùng kỳ nhờ sự tái cơ cấu toàn diện về sản phẩm, thương hiệu, nhân sự, thị trường từ cuối năm 2018, đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019.

## | NHÓM NGÀNH HẠ TẦNG

### 2. Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX – GELEX ENERGY

Kết quả kinh doanh của GELEX Energy năm 2019 đã được nêu ở phần về Nhóm hạ tầng ở Báo cáo Tổng giám đốc. GELEX Energy hiện là đơn vị quản lý phần vốn góp của GELEX tại Công ty Cổ phần nước sạch Sông Đà, Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ, Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận..vv..Kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà, Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ và Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận như sau:

#### 2.1 Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Viwasupco - SDW)

Viwasupco	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
<b>Doanh thu thuần</b>	468	540	15%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	218	137	-37%

Nhìn chung, các chỉ tiêu chính của năm đều tích cực, vượt so với kế hoạch năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Sản lượng nước tăng, vượt 114% so với kế hoạch năm;
- Doanh thu kinh doanh tăng, vượt 113% so với kế hoạch năm;
- Lợi nhuận sau thuế tăng 183%;
- Tỷ lệ tiêu hao giảm, bằng 53% so với kế hoạch;
- Định mức điện năng tăng 18% so với kế hoạch (Lý do: trạm Tây Mỗ đi vào hoạt động).

Trong năm 2019, Viwasupco đã trải qua sự cố làm ảnh hưởng đến uy tín về việc quản lý an toàn nguồn và chất lượng nguồn nước, tuy nhiên với tâm thế “Đảm bảo sức khỏe người dân là ưu tiên hàng đầu”, đến nay Viwasupco đã hoàn thành việc khắc phục và được UBND TP Hà Nội cho phép cung cấp nước dùng cho ăn uống và sinh hoạt trở lại tới người dân. Viwasupco đã hỗ trợ toàn bộ tiền nước của người dân trong một tháng. Sự kiện này cùng với việc gia tăng chi phí khấu hao, lãi vay của Hạng mục Trạm lưu lượng Tây Mỗ và 6,4 km tuyến ống truyền tải đã ảnh hưởng đến doanh thu và làm lợi nhuận của Viwasupco sụt giảm so với năm 2018. Trong thời gian tới đây, Công ty đang đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác cập nhật điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi (theo đó phương án không sử dụng Hồ Đầm Bài làm hồ sơ lắp cho Nhà máy nước sạch Sông Đà) trình Đại hội cổ đông phê duyệt làm cơ sở tiếp tục triển khai dự án. Kế hoạch hoàn thành dự kiến trong Quý II/2020. Mặc dù gặp nhiều

khó khăn, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nước sạch Sông Đà trong năm 2019 vẫn có những thuận lợi do nhu cầu cấp nước của Thành phố Hà Nội và tốc độ phát triển đô thị khu vực Tây Nam thành phố, khu vực dọc đường Láng Hòa Lạc ngày càng tăng mạnh.

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đang nắm thị phần cấp nước tăng trưởng ổn định, chiếm khoảng 25% tổng sản lượng toàn hệ thống; độ phủ thị trường của Viwasupco thông qua các đối tác phân phối phục vụ khoảng hơn 1,1 triệu người dân, chiếm khoảng 29% dân số đô thị. Tuy nhiên, với tình hình đầu tư phát triển các nguồn cấp mới cũng như phát triển mạng lưới truyền tải, phân phối và dịch vụ như hiện nay thì thị phần và độ phủ thị trường của Công ty có thể có những biến động trong tương lai. Bên cạnh đó, Viwasupco đã thiết lập được sự hợp tác chặt chẽ với các đối tác phân phối; kết hợp với việc giá bán cạnh tranh đã đem lại sức hấp dẫn khá tốt cho các đối tác phân phối. Năm 2019, Viwasupco đưa vào vận hành bể chứa trung gian và trạm bơm tăng áp Tây Mỗ giúp nâng cao công suất, đạt tiệm cận mức thiết kế của giai đoạn 1 là 300.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thương hiệu và chất lượng nước của Công ty đến nay cũng đã được thị trường tin tưởng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục nâng cấp hệ thống công nghệ cao năng lực cấp nước và chất lượng dịch vụ.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ ĐẦU TƯ LIÊN KẾT 2019

## 2.2 Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (PTM)

Trong năm 2019, hoạt động sản xuất điện năng của Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A không đạt hiệu quả cao. Sản lượng điện thương phẩm đạt 67.636.457 kWh, tương đương 47,88% kế hoạch năm 2019. Doanh thu sản xuất điện năng tương ứng là 98,149 tỷ đồng, tương đương 51,49% kế hoạch đề ra.

Phú Thạnh Mỹ	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	189	135	-29%
Lợi nhuận sau thuế	(3)	(46)	-

Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng kéo dài của hiện tượng El Nino từ cuối năm 2018 làm cho tình hình thời

tiết thường xuyên nắng nóng kéo dài, không mưa, lưu lượng nước về hồ rất thấp, dẫn đến hoạt động sản xuất điện năng không đạt hiệu quả. Đây là tình hình chung của toàn bộ các nhà máy nằm trên lưu vực sông Bung nói riêng và hệ thống sông Vu Gia nói chung.

Từ đầu năm 2019, mực nước hồ Sông Bung 4A đã xấp xỉ mực nước chết, trung bình năm vào khoảng 95,99m/95,4m. Theo số liệu quan trắc, lưu vực Sông Bung 4A hầu như không có mưa, lưu lượng nước về hồ rất thấp.

Lưu lượng nước về hồ trung bình tháng chỉ đạt 26,63m<sup>3</sup>/s, tương đương 48,8% so với kế hoạch và 62,02% so với lưu lượng trung bình năm 2018. Việc này làm cho sản lượng điện của NMTĐ Sông Bung 4A chỉ đạt 67,64 triệu kWh, tương đương 47,88% kế hoạch đề ra cho năm 2019.

## 2.3 Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận

Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận phát điện thương mại vào ngày 13/5/2019 vượt trước tiến độ kế hoạch đề ra, hoàn thành kế hoạch phát điện thương mại trước ngày 15/6/2019. Tuy nhà máy được đưa vào vận hành thương mại trước kế hoạch đề ra nhưng vẫn chưa đạt hiệu năng tối đa của nhà máy. Nguyên nhân chính do đường dây truyền tải khu vực tỉnh Ninh Thuận quá tải dẫn đến giảm phát theo lệnh điều độ của trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0).

Chỉ tính riêng khu vực Sơn Hải, huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận; trang trại điện mặt trời GELEX Ninh Thuận đã có 2 nhà máy điện (gió và mặt trời) lân cận đi vào hoạt động phát điện thương mại gồm: điện gió Mũi Dinh, điện mặt trời hồ Bầu Ngự. Cả 2 nhà máy nói trên và trang trại điện mặt trời GELEX Ninh Thuận đều sử dụng chung đường dây truyền tải trạm 110kv của Ninh Thuận, dẫn đến quá tải đường dây gây nên giảm phát điện đối với các nhà máy.

Tình hình chung trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có rất nhiều dự án đã vào hoạt động gây nên quá tải đường dây trên toàn tỉnh. Vì nguyên nhân khách quan này, nên GELEX Ninh Thuận đã gặp khó khăn về việc giảm phát điện làm ảnh hưởng đến sản lượng và doanh thu để bù đắp chi phí lãi vay và các chi phí khác.

Chỉ tiêu	Kế Hoạch năm 2019 (Tỷ VNĐ)	Thực hiện năm 2019 (tỷ VNĐ)
Sản Lượng	39.250.000 Kwh	36.590.723 Kwh
Doanh Thu	86	84
Lợi Nhuận trước thuế	18	-1,6



## 3. Công ty TNHH MTV GELEX LOGISTICS

### 3.1 Công ty Cổ phần kho vận miền Nam – Sotrans

Năm 2019, Sotrans thực hiện tái cơ cấu khối kinh doanh logistics bằng việc chuyển giao hoạt động kinh doanh cho các công ty con và, Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics. Theo đó, doanh thu năm 2019 chỉ đạt 32% so với năm 2018 vì phần lớn hoạt động của khối kinh doanh logistics đã được công ty con kế thừa. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 có sự tăng trưởng so với năm 2018 với mức tăng khoảng 11% vì Công ty nhận được cổ tức từ

các khoản đầu tư tài chính tốt hơn, đồng thời việc thanh toán trái phiếu trong Quý I/2019 giúp Công ty giảm chi phí lãi trái phiếu.

Chỉ tiêu	Năm 2018 (Tỷ VNĐ)	Năm 2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh Thu	998	319	-68%
Lợi nhuận sau thuế	182	202	11%

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ ĐẦU TƯ LIÊN KẾT 2019



## 3.2 Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam – SOWATCO

Trong năm 2019, Tổng Công ty ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến vào quản lý doanh nghiệp. Công ty cũng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự và nâng cao năng lực quản trị, tăng cường tiếp cận sâu rộng thị trường và các khách hàng mục tiêu.

Kết quả đạt được từ các hoạt động đầu tư của SOWATCO năm 2019 bao gồm: hoàn thiện việc nâng cấp đường bãi giai đoạn 1 dự án nâng cấp cảng Long Bình; đồng thời chuẩn bị hoàn thiện việc nâng cấp cầu cảng số 2 từ tiếp nhận tàu 600 tấn lên tiếp nhận tàu 5.000 tấn và lắp đặt 2 cần cẩu Liebherr tại Cảng SOWATCO Long Bình, điều này cho phép cảng tăng năng lực bố xếp đối với tất cả các hàng hóa nặng, đặc biệt là hàng container. Kết quả kinh doanh riêng của SOWATCO như sau:

SOWATCO	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	250	346	38%
Lợi nhuận sau thuế	107	69	-36%

Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 lãi khoảng 69 tỷ đồng giảm 36% so với năm 2018 (107 tỷ đồng), nguyên nhân chủ yếu là thu nhập tài chính ko còn và lãi từ công ty liên kết giảm.

## 3.3 Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Năm 2019, Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (VTX) đã ký được nhiều hợp đồng cho các dự án lớn như các dự án nhà máy nhiệt điện: Long Phú, Hải Dương; dự án Nhà máy Điện gió Hướng Lin; dự án thủy điện: Buôn Kuop; vận chuyển máy biến áp và cuộn kháng cho các trạm biến áp trên toàn quốc bao gồm: trạm 500kV: Dốc Sỏi, Đức Hòa, Lai Châu, Thẩm Dương...; trạm 220kV: Phước An, Thốt Nốt ... Tuy nhiên hiện nay các Công ty vận tải cùng phân khúc tại thị trường Việt Nam tham gia cạnh tranh rất gay gắt và khốc liệt, các dự án lớn trong năm 2019 đều không được triển khai do những yếu tố vĩ mô và sự di chuyển trụ sở dẫn đến nhân sự chưa đồng bộ, khiến doanh thu và lợi nhuận của Công ty sụt giảm. Chưa kể, ngành vận tải vẫn gặp sự khó khăn trong hoạt động kinh doanh khi doanh thu có nhưng khả năng thu tiền chậm.

Do đó, những khó khăn nêu trên là thách thức lớn đối với Ban lãnh đạo Công ty khi vừa phải phát triển kinh doanh, vừa phải củng cố nhân sự cho phù hợp trong bối cảnh thay đổi.

Kết quả kinh doanh năm 2019 của Vietranstimex như sau:

Vietranstimex	2018 (tỷ VNĐ)	2019 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	344	272	-21%
Lợi nhuận sau thuế	6	4	-27%

## 4. Công ty TNHH MTV Bất Động Sản GELEX Land

Là đơn vị phát triển bất động sản và quản lý tài sản cho Tập đoàn, năm 2019, GELEX Land tiếp tục vai trò hỗ trợ tập đoàn phát triển chiến lược triển khai các dự án bất động sản và tối ưu hóa nguồn thu từ các tài sản bất động sản đã đi vào hoạt động:

- Tòa nhà văn phòng CADIVI: hoàn thành công việc thiết kế và đã được cấp phép xây dựng. Dự án đã khởi công xây dựng với sự tham gia của những đơn vị thi công xây dựng hàng đầu tại Việt Nam. Theo kế hoạch, tòa nhà sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong 16 tháng.
- Dự án số 10 Trần Nguyễn Hãn: đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án.

Năm 2019, GELEX Land bắt đầu phát triển mảng tư vấn phát triển dự án bất động sản cho các đối tác ngoài Tập đoàn. Dù mới đi vào hoạt động chính thức hơn hai năm, GELEX Land đã bắt đầu đóng góp lợi nhuận cho tập đoàn trong năm 2019.

Năm 2020, GELEX Land tiếp tục đặt trọng tâm vào việc hoàn thiện giấy tờ pháp lý và các phương án phát triển cho quỹ đất của Tập đoàn.





# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong năm 2019 và Quý I năm 2020, GELEX đã trực tiếp hoặc thông qua các công ty sub-holding đầu mối, công ty con trong hệ thống thực hiện các hoạt động đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con như sau:

- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) từ 91,64% lên 95,82%;
- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM) từ 66,16% lên 77,01%;
- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) từ 78,52% lên 83,94%;
- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ từ 71,28% lên 73,16%;

- Thành lập/ Mua cổ phần các công ty: Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị, Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh, Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng GELEX, Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải để phát triển các dự án mảng năng lượng;

- Mua 24,97% phần vốn góp tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP là công ty sản xuất vật liệu xây dựng và kinh doanh bất động sản, quản lý vận hành khu công nghiệp và xây lắp.

- Mua 20,25% phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;

Để thực hiện việc đầu tư, ngoài nguồn vốn thu từ cổ tức của các đơn vị thành viên, năm 2019, Tổng Công ty đã phát hành 18.000.000 cổ phần tương ứng với việc thực hiện quyền mua cổ phần của 360 chứng quyền với mức giá 12.700 đồng/ cổ phiếu và phát hành trái phiếu với số

vốn huy động 1.150 tỷ đồng tính theo mệnh giá.

Đến thời điểm 31/12/2019, Tổng công ty đang có vốn đầu tư tại 04 công ty con (100%) và các công ty liên doanh, liên kết. Tổng số vốn đầu tư là 6.617 tỷ đồng.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Hiện nay Tổng Công ty Thiết bị Điện GELEX là công ty mẹ với vai trò Công ty quản lý vốn (Holdings) tiếp tục hoàn tất các thương vụ đầu tư chiến lược đang thực hiện:

- Tối ưu hóa mảng sản xuất công nghiệp, vận hành logistics và tiện ích;
- Tăng cường đầu tư mảng hạ tầng;
- Tiếp tục mua bán, sáp nhập (M&A) các công ty có thể tạo ra giá trị cộng hưởng lớn với hệ thống hiện tại; trong đó có việc tăng tỷ lệ sở hữu chi phối tại Tổng Công ty Viglacera.

Bên cạnh đó, GELEX Energy – đơn vị thành viên của GELEX đang thực hiện các dự án sau:

Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2:

- Công tác cập nhật, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;
- Công tác đăng ký tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng;
- Công tác gia hạn giấy chứng nhận đầu tư.

Công tác đầu tư xây dựng của Công ty Nước sạch Sông Đà bao gồm:

- Hạng mục Công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4 km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đường vành đai 3 Hà Nội: hạng mục được đưa vào vận hành thương mại từ tháng 4/2019.
- Hạng mục công trình tuyến ống truyền tải nước sạch phần còn lại (bao gồm cả tuyến ống 21 km): dự kiến hoàn thành công tác thẩm định trong tháng 3/2020, trình Đại hội cổ đông phê duyệt tháng 4/2020.
- Hạng mục cụm công trình đầu mối và khu xử lý: đang trình Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận phương án triển khai trước công tác khảo sát, thiết kế đồng thời cùng công tác điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi. Dự kiến hoàn thành thi công xây dựng trước mùa khô năm 2021.

Đồng thời với đó, GELEX Energy cũng xúc tiến đầu tư các dự án nguồn phát điện mới bao gồm:

- Dự án điện gió Gelex 1,2,3 tại Quảng Trị, tổng công suất 90 MW
- Dự án điện gió Hướng Phùng 2, tổng công suất 20 MW
- Dự án điện gió Hướng Phùng 3, tổng công suất 30 MW
- Từng bước nghiên cứu, phát triển các dự án điện mặt trời áp mái tại các Khu công nghiệp, nhà máy của CADIVI, Viglacera và các đối tác với Tổng Công ty với công suất dự kiến khoảng 50 MW.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu GELEX	2018	2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,19	1,09
Hệ số thanh toán nhanh	0,88	0,75
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	0,54	0,59
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,17	1,45
<b>3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,80	5,25
<b>4. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,09	0,06
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,10
Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,07	0,04
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,11	0,08

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân : 0%
2	Ông Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Sở hữu cá nhân: 0,004%



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông theo nhóm cổ đông	1/4/19			19/08/2019 tại ngày chốt quyền			Chốt quyền 09/04/2020		
	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%
I. Cổ đông lớn	1	77.851.236		1	69.137.440	16,28%	1	73.966.361	15,15%
II. Cổ đông khác									
<b>Trong nước</b>	<b>3.793</b>	<b>265.962.264</b>	<b>65,42%</b>	<b>3.075</b>	<b>286.960.138</b>	<b>67,59%</b>	<b>3.176</b>	<b>340.013.520</b>	<b>69,64%</b>
Cá nhân trong nước	3.730	140.706.097	34,61%	3.011	179.726.359	42,33%	3.110	212.459.568	43,52%
Tổ chức trong nước	63	125.256.167	30,81%	64	107.233.779	25,26%	66	127.553.952	26,13%
<b>Nước ngoài</b>	<b>120</b>	<b>62.746.500</b>	<b>15,43%</b>	<b>123</b>	<b>68.462.422</b>	<b>16,13%</b>	<b>135</b>	<b>74.264.119</b>	<b>15,21%</b>
Cá nhân nước ngoài	70	191.832	0,05%	68	259.242	0,06%	77	331.423	0,07%
Tổ chức nước ngoài	50	62.554.668	15,39%	55	68.203.180	16,06%	58	73.932.696	15,14%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%	0	0	0,00%	0	0	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.914</b>	<b>406.560.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.199</b>	<b>424.560.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.312</b>	<b>488.244.000</b>	<b>100,00%</b>

Tại thời điểm ngày 31/12/2019, thông tin Cổ phần của GELEX như sau:

Vốn điều lệ: 4.882.440.000.000 đồng

Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 488.244.000 cổ phiếu

Khối lượng cổ phiếu lưu hành: 488.244.000 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 đồng

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Các đợt tăng vốn	Phương thức phát hành	Đối tượng	VĐL trước phát hành (Tỷ VNĐ)	Vốn huy động từ đợt phát hành (Tỷ VNĐ)	VĐL sau phát hành (Tỷ VNĐ)
					1.400
Tháng 8/2015	Phát hành riêng lẻ cho Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	1.400	150	1.550
Tháng 1/2017	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Cổ đông hiện hữu	1.550	770	2.320
Tháng 7/2017	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	Cổ đông hiện hữu	2.320	348	2.668
Tháng 7/2018	Phát hành tăng vốn để chuyển đổi chứng quyền	Người sở hữu chứng quyền	2.668	720	3.388
Tháng 8/2018	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	Cổ đông hiện hữu	3.388	677,6	4.065,5
Tháng 6/2019	Phát hành tăng vốn để chuyển đổi chứng quyền	Người sở hữu chứng quyền	4.065,5	180	4.245,5
Tháng 9/2019	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	Cổ đông hiện hữu	4.245,5	636,8	4.882,4



## Phần 05

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của GELEX .....	72
Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2019 .....	74
Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban tổng giám đốc .....	76



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX



Năm 2019 là năm khó khăn chung của nền kinh tế trong nước cũng như một số ngành hàng của Tổng Công ty nói riêng, cụ thể:

- Tình hình hạn hán thiếu nước tại miền Trung dẫn đến một số dự án thủy điện gặp khó khăn như thủy điện Sông Bung 4A, thủy điện Canan 1,2.
- Việc quá tải của đường dây truyền tải điện quốc gia cũng ảnh hưởng đến công suất phát điện tại Nhà máy điện Ninh Thuận trong năm.
- Sự cố đổ trộm dầu thải vào nguồn nước sông Đà vào tháng 10/2019 cũng gây thiệt hại không nhỏ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch sông Đà nói riêng và cho cả hệ thống GELEX nói chung.
- Nhà nước tiếp tục áp dụng chính sách thắt chặt đầu tư công, cụ thể là giảm đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nên cũng có ảnh hưởng đến một số ngành hàng cung cấp chủ yếu cho EVN như máy biến áp, thiết bị đo điện.

Do những biến động của thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty nên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã rất sát sao, hỗ trợ rất nhiều các đơn vị thành viên để tìm các giải pháp khắc phục, ổn định sản xuất trong những giai đoạn khó khăn.

Doanh thu hợp nhất Tổng Công ty năm 2019 là 15.315 tỷ đồng, đạt 91,7% kế hoạch năm, chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế là 1.102 tỷ đồng, đạt 80% so với kế hoạch năm. Số liệu cụ thể được nêu như trong Báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc.

# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ II (2016-2020) với số thành viên là 06 thành viên.



Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ II (2016-2020) với số thành viên là 06 thành viên.

Với việc phân công nhiệm vụ chuyên trách cho các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên HĐQT luôn phát huy sở trường và thế mạnh của mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Để thuận lợi cho hoạt động quản trị và điều hành, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đề xuất Đại hội chấp thuận việc Chủ tịch HĐQT tiếp tục kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc cho đến ngày 01/8/2020 trên cơ sở tuân thủ quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng.

## CÔNG TÁC SẮP XẾP, CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

Năm 2019, Hội đồng quản trị tiếp tục rà soát và ban hành quyết định cử và thay thế đại diện phần vốn của Tổng Công ty tham gia HĐQT, HĐQT tại Công ty thành viên; sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và tuyển dụng bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý tại Công ty mẹ phù hợp với định hướng phát triển của Tổng Công ty theo mô hình tập đoàn.

Nhìn chung, nhân sự là đại diện vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị thành

viên đều phát huy tốt năng lực kinh nghiệm và tham gia điều hành sản xuất kinh doanh hiệu quả.

## CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY

Trong năm 2019, Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tại một số các đơn vị. Cụ thể:

### Tái cấu trúc khối Thiết bị điện

Tổ chức lại Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX (GELEX Electric) thông qua hình thức chuyển nhượng một phần vốn điều lệ mà Tổng Công ty đang sở hữu tại GELEX Electric và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của GELEX Electric từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

Tổ chức lại Công ty TNHH Thiết bị đo điện EMIC (EMIC), chuyển nhượng một phần vốn điều lệ mà GELEX Electric đang sở hữu tại EMIC và chuyển đổi loại hình doanh

nh nghiệp của EMIC từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần, giảm tỷ lệ sở hữu tại EMIC từ 100% xuống 74,99%;

Thoái toàn bộ vốn đầu tư tại GELEX Cambodia Ltd., Co.

**Mở rộng đầu tư; tăng tỷ lệ sở hữu/ thanh lý khoản đầu tư tại các đơn vị thành viên thông qua các công ty Sub-Holding như đã nêu chi tiết trong phần Tình hình Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết;**

Để thực hiện việc đầu tư, ngoài nguồn vốn thu từ cổ tức của các đơn vị thành viên, năm 2019 Tổng Công ty đã phát hành 18.000.000 cổ phần tương ứng với việc thực hiện quyền mua cổ phần của 360 chứng quyền với mức giá 12.700 đồng/ cổ phiếu và Phát hành trái phiếu với số vốn huy động 1.150 tỷ đồng tính theo mệnh giá.

Đến thời điểm 31/12/2019, Tổng Công ty đang có vốn đầu tư tại 04 Công ty con (100%) và các Công ty liên doanh, liên kết. Tổng số vốn đầu tư là 6.617 tỷ đồng.

## CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Ban điều hành với những biện pháp cụ thể như:

- Thực hiện đúng vai trò của Holding là đầu mối để tập trung sức mạnh của các đơn vị thành viên; chỉ đạo các đơn vị thành viên hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động trong toàn hệ thống. Kiên trì bám sát mục tiêu doanh thu, mục tiêu lợi nhuận để có những biện pháp chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt.
- Cấu trúc lại bộ máy Tổng Công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động đầu tư chiến lược và quản lý vốn đầu tư.
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh sang các lĩnh vực có tiềm năng như năng lượng tái tạo gồm điện gió, lĩnh vực hạ tầng, nước sạch, bất động sản nhằm tận dụng các lợi thế hiện có và sự tương hỗ giữa Tổng Công ty với các công ty thành viên.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc: tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định

của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc.

Với vai trò đại diện cho các cổ đông, trong năm 2019, Hội đồng quản trị Tổng Công ty luôn chủ động triển

khai các nhiệm vụ theo qui định tại Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành để định hướng mọi hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với diễn biến tình hình thực tiễn, hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát ban điều hành triển khai nhiệm vụ đồng thời với việc thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát theo qui định. Một số nhiệm vụ nổi bật thực hiện trong năm 2019 và quý I năm 2020 như sau:

- Hoàn thành công tác phát hành 63.684.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng số vốn điều lệ của GELEX lên 4.882.440.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện sửa đổi bổ sung

điều lệ Công ty; thay đổi đăng ký kinh doanh với số vốn điều lệ mới; đăng ký lưu ký, đăng ký giao dịch bổ sung tương ứng với số lượng cổ phần tăng thêm trong đợt phát hành và đã được Ủy ban Chứng khoán, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận.

- Hoàn thành việc xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ để triển khai mô hình quản lý có Ban Kiểm toán nội bộ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua đồng thời bổ nhiệm các nhân sự có đủ năng lực và kinh nghiệm làm thành viên Ban Kiểm toán nội bộ.
- Phê duyệt việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án tổ hợp Khách sạn, Dịch vụ thương mại, Văn phòng cho thuê tại số 10 phố Trần Nguyễn Hãn và số 27-29 phố Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chỉ đạo Tổng giám đốc triển khai các thủ tục liên quan.

- Cho ý kiến đối với người đại diện vốn tại Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX về 05 dự án điện gió bao gồm Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3 do Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư khoảng 2.000 tỷ đồng; Dự án Nhà máy điện gió GELEX 1, GELEX 2, GELEX 3 do Công ty cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư khoảng 4.000 tỷ đồng.
- Thông qua việc chuyển đổi loại hình công ty của Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX thành Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX nhằm chuẩn bị cho việc tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược và đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi tại cơ quan đăng ký doanh nghiệp.



## CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Để đạt được các mục tiêu trong năm 2020, một số giải pháp của Hội đồng quản trị như sau:

- Thực hiện tốt vai trò Holding, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị cũng như hỗ trợ toàn diện các đơn vị trong hệ thống như hỗ trợ về tài chính, pháp lý.... tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.
- Tiếp tục tìm kiếm, đầu tư vào các ngành hàng tiềm năng như hạ tầng, năng lượng tái tạo bao gồm điện mặt trời, điện gió; đẩy mạnh đầu tư sản xuất và cung cấp nước sạch cho sản xuất và tiêu dùng, là lĩnh vực có nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.
- Kiểm soát chặt chẽ đi liền với hỗ trợ tích cực các hoạt động của đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của GELEX tại các đơn vị.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý; chủ động nâng cao năng lực quản trị.
- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Đối với công tác xã hội, GELEX vẫn sẽ là một doanh nghiệp có trách nhiệm đối với các hoạt động xã hội như công tác đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ vùng bị thiên tai, công tác từ thiện đối với dịch bệnh, các hoạt động bảo vệ môi trường, hỗ trợ cộng đồng, an sinh xã hội...



## Phần 06

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị năm 2020 .....	78
Hội đồng quản trị .....	82
Ban kiểm soát.....	90
Ban kiểm toán nội bộ .....	92
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.....	94



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (CP) có quyền biểu quyết
1	<b>Ông Nguyễn Văn Tuấn</b>	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 0%
2	<b>Ông Nguyễn Hoa Cương</b>	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0%
3	<b>Ông Nguyễn Trọng Tiếu</b>	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0,016% (64.170 CP)
4	<b>Ông Võ Anh Linh</b>	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0%
5	<b>Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc</b>	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0%
6	<b>Bà Đỗ Thị Phương Lan</b>	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0%

(\* Số lượng cổ phiếu sở hữu được tính đến thời điểm 31/12/2019

Hội đồng quản trị duy trì các cuộc họp định kỳ hàng quý theo nguyên tắc ít nhất mỗi quý họp một lần đồng thời tổ chức các cuộc họp đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản nhằm thông qua kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Điều lệ,

Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành 05 phiên họp trực tiếp, 25 lần lấy ý kiến bằng văn bản, theo đó ban hành 43 Nghị quyết và 13 Quyết định theo đúng thẩm quyền được qui định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định nội bộ khác của Tổng Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	<b>Ông Nguyễn Văn Tuấn</b>	Chủ tịch HĐQT	16/7/2016	5/5	100%	
2	<b>Ông Nguyễn Trọng Tiếu</b>	Phó Chủ tịch HĐQT	1/11/2010	5/5	100%	
3	<b>Bà Đỗ Thị Phương Lan</b>	Phó Chủ tịch HĐQT	27/04/2018	5/5	100%	
4	<b>Ông Nguyễn Hoa Cương</b>	Thành viên HĐQT	1/11/2010	5/5	100%	
5	<b>Ông Võ Anh Linh</b>	Thành viên HĐQT	04/03/2016	5/5	100%	
6	<b>Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc</b>	Thành viên HĐQT	11/2010	4/5	80%	Lý do cá nhân

Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tập trung vào việc triển khai các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua như: triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, triển khai phương án chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã kịp thời chỉ đạo và phê duyệt một số nội dung quan trọng như: phê duyệt việc điều chỉnh tiến độ dự án Trần Nguyên Hãn, cho ý kiến đối với người đại diện vốn đối với 05 dự án nhà máy điện gió có quy mô lớn, phê duyệt việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp có tổng mệnh giá trái phiếu 1.150 tỷ đồng được bảo lãnh thanh toán bởi Credit Guarantee And Investment Facility - một quỹ ủy thác của Ngân Hàng Phát Triển Châu Á.

Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các

thành viên dự họp và được ban hành một cách hợp lệ, đúng với thẩm quyền. Các Nghị quyết, Quyết định thuộc trường hợp phải công bố thông tin theo quy định pháp luật có liên quan đều đã được công bố đầy đủ, kịp thời đảm bảo công khai, minh bạch trong quản trị và điều hành.

HĐQT thường xuyên giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngày 19/04/2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý. Theo đó, Tổng Công ty đã bỏ Ban kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Thay vào đó, Hội đồng quản trị đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ngày 25/06/2019, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã bổ nhiệm ông Võ Anh Linh – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ.

Ngày 19/9/2019, Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã bổ nhiệm ông Trần Quang Tiến làm thành viên Ban Kiểm toán nội bộ.

Ngày 10/10/2019, Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã bổ nhiệm ông Trần Hưng Đạo làm thành viên Ban Kiểm toán nội bộ. Ngày 12/12/2019, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã có quyết định miễn nhiệm ông Trần Hưng Đạo - thành viên Ban Kiểm toán nội bộ do có đơn từ nhiệm.

## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2019

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2019/GELEX/QĐ-TTHĐQT	29/01/2019	Về việc Khen thưởng Người đại diện vốn của GELEX tại các công ty thành viên
2	02/2019/GELEX/QĐ-TTHĐQT	30/01/2019	Về việc Khen thưởng thành viên Hội đồng quản trị
3	03/2019/GELEX/QĐ-TTHĐQT	06/03/2019	Về việc Khen thưởng Người đại diện vốn của GELEX tại Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
4	04/2019/GELEX/QĐ-TTHĐQT	06/06/2019	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
5	01/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	11/03/2019	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban đầu tư và quản lý dự án
6	02/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	27/03/2019	Về việc cử Người đại diện vốn của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX tại Công ty con
7	03/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	27/03/2019	Về việc cử Người đại diện vốn của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX tại Công ty con
8	04/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	27/03/2019	Về việc cử Người đại diện vốn của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX tại công ty con
9	05/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	27/03/2019	Thay đổi Người đại diện vốn của Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX tại Công ty con
10	06/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	27/03/2019	Cử người Đại diện vốn của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX tại công ty con
11	07/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	01/04/2019	Bổ nhiệm Giám đốc Tiếp thị - Ban Quản lý thương hiệu
12	08/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	05/04/2019	Bổ nhiệm Giám đốc ERP & Tối ưu hóa chuỗi cung ứng
13	09/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	05/03/2019	Bổ nhiệm Giám đốc Quản lý dự án
14	10/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	05/03/2019	Bổ nhiệm Chuyên viên Ban Đầu tư và Quản lý dự án
15	11/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	05/03/2019	Bổ nhiệm Chuyên viên Ban Đầu tư và Quản lý dự án
16	12/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	05/03/2019	Bổ nhiệm Chuyên viên Ban Đầu tư và Quản lý dự án
17	13/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	19/03/2019	Bổ nhiệm Chuyên viên Ban Đầu tư và Quản lý dự án
18	14/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	01/04/2019	Bổ nhiệm Chuyên viên Ban Đầu tư và Quản lý dự án
19	15/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	26/04/2019	Bổ nhiệm Chuyên viên Ban Đầu tư và Quản lý dự án

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
20	16/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	25/06/2019	Bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
21	17/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	25/06/2019	Bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị
22	18/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	25/06/2019	Thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH GELEX Campuchia
23	19/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	04/07/2019	Ban hành hệ thống phân quyền trong Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
24	20/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	04/07/2019	Ban hành hệ thống phân quyền trong Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
25	21/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	03/09/2019	Bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị
26	22/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	10/09/2019	Điều chỉnh Dự án nhà máy sản xuất và lắp ráp thiết bị đo điện
27	23/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	19/09/2019	Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ
28	23-1/2019/GELEX/QĐ-HĐQT	19/09/2019	Quyết định mức thù lao cho thành viên Ban Kiểm toán nội bộ
29	24/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	18/09/2019	Điều chỉnh Dự án nhà máy sản xuất và lắp ráp thiết bị đo điện
30	24-1/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	18/09/2019	Phê duyệt đầu tư dự án nhà máy sản xuất và lắp ráp thiết bị điện – giai đoạn 2
31	25/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	10/10/2019	Bổ nhiệm ông Trần Hưng Đạo làm thành viên Ban kiểm toán nội bộ
32	26/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	12/12/2019	Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm toán nội bộ
33	27/2019/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	20/12/2019	Cử người đại diện vốn của GELEX tại CFT
34	01/2019/GELEX/NQ-HĐQT	02/01/2019	Thông qua việc ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch giữa GELEX với các bên có liên quan năm 2019
35	02/2019/GELEX/NQ-HĐQT	25/02/2019	Về việc thay đổi người Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
36	03/2019/GELEX/NQ-HĐQT	25/02/2019	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
37	04/2019/GELEX/NQ-HĐQT	25/02/2019	Bổ nhiệm Kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
38	05/2019/GELEX/NQ-HĐQT	05/03/2019	Về việc Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
39	06/2019/GELEX/NQ-HĐQT	05/03/2019	Thông qua việc thành lập Ban Đầu tư và Quản lý dự án
40	07/2019/GELEX/NQ-HĐQT	27/03/2019	Thông qua việc thành lập Ban ERP & Tối ưu hóa chuỗi cung ứng và Ban Quản lý Thương hiệu
41	08/2019/GELEX/NQ-HĐQT	27/03/2019	Thông qua việc thay đổi Người đại diện vốn và Phương án thay đổi nhân sự HĐQT/HĐTV/Chủ tịch công ty tại các đơn vị thành viên của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
42	09/2019/GELEX/NQ-HĐQT	27/03/2019	Thông qua việc thay đổi HĐQT/Chủ tịch công ty đồng thời là Người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên của Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
43	10/2019/GELEX/NQ-HĐQT	09/04/2019	Phê duyệt Chương trình họp và Danh mục tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2019
44	11/2019/GELEX/NQ-HĐQT	19/04/2019	Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
45	12/2019/GELEX/NQ-HĐQT	26/04/2019	Thông qua mô hình tổ chức của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
46	13/2019/GELEX/NQ-HĐQT	03/05/2019	Thông qua phương án thực hiện chứng quyền lần 2
47	14/2019/GELEX/NQ-HĐQT	13/06/2019	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Hệ thống phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành của Tổng Công ty
48	15/2019/GELEX/NQ-HĐQT	13/06/2019	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Người đại diện của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp
49	16/2019/GELEX/NQ-HĐQT	19/06/2019	Kết quả phát hành cổ phần để thực hiện chứng quyền lần 2

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
50	17/2019/GELEX/NQ-HĐQT	25/06/2019	Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ (Ban KTNB) và ban hành Quy chế hoạt động của Ban KTNB
51	18/2019/GELEX/NQ-HĐQT	25/06/2019	Chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại GELEX Campuchia cho nhà đầu tư nước ngoài
52	19/2019/GELEX/NQ-HĐQT	25/06/2019	Chọn đơn vị kiểm toán độc lập của Tổng Công ty năm 2019
53	20/2019/GELEX/NQ-HĐQT	25/06/2019	Chi thù lao thành viên Hội đồng quản trị
54	21/2019/GELEX/NQ-HĐQT	03/07/2019	Phê duyệt Ngân sách Thiết kế cơ sở cho Dự án Trần Nguyên Hãn
55	22/2019/GELEX/NQ-HĐQT	22/07/2019	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
56	23/2019/GELEX/NQ-HĐQT	23/07/2019	Quyết định v/v Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX thành lập Công ty con
57	24/2019/GELEX/NQ-HĐQT	03/09/2019	Xử lý cổ phiếu lẻ của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2019
58	25/2019/GELEX/NQ-HĐQT	04/09/2019	Thông qua Kết quả đợt chào bán cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu
59	26/2019/GELEX/NQ-HĐQT	11/09/2019	Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện một số giao dịch với bên liên quan
60	27/2019/GELEX/NQ-HĐQT	17/09/2019	Thông qua chủ trương điều chỉnh dự án Nhà máy sản xuất và lắp ráp thiết bị đo điện tại KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn
61	28/2019/GELEX/NQ-HĐQT	17/09/2019	Chuyển các ban trực thuộc HĐQT thành trực thuộc sự Quản lý điều hành của Tổng Giám đốc
62	29/2019/GELEX/NQ-HĐQT	17/09/2019	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh chưa được phân phối của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu
63	30/2019/GELEX/NQ-HĐQT	17/09/2019	Thông qua Kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu
64	31/2019/GELEX/NQ-HĐQT	07/10/2019	Phê duyệt phân quyền hạng mục dự án Trần Nguyên Hãn đến giai đoạn thiết kế cơ sở

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
65	31-1/2019/GELEX/NQ-HĐQT	14/10/2019	Cho ý kiến với người đại diện tại công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX về dự án đầu tư nhà máy điện gió
66	32/2019/GELEX/NQ-HĐQT	12/11/2019	Phê duyệt Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX thành lập Công ty con
67	33/2019/GELEX/NQ-HĐQT	14/11/2019	Phê duyệt Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX mua cổ phần tại Công ty khác
68	34/2019/GELEX/NQ-HĐQT	20/11/2019	Phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án TNH
69	35/2019/GELEX/NQ-HĐQT	27/11/2019	Bảo lãnh cho CADIVI và CADIVI Đồng Nai vay vốn
70	36/2019/GELEX/NQ-HĐQT	02/12/2019	Cho ý kiến với người đại diện vốn tại Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX về phương án bán một phần vốn đang sở hữu tại Công ty con
71	37/2019/GELEX/NQ-HĐQT	10/12/2019	Cho ý kiến với người đại diện vốn tại Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX về việc công ty con của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX đầu tư tài chính dài hạn.
72	38/2019/GELEX/NQ-HĐQT	16/12/2019	Phát hành Trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, được bảo lãnh thanh toán bởi CGIF
73	39/2019/GELEX/NQ-HĐQT	23/12/2019	Thông qua phương án tổ chức lại Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
74	40/2019/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2019	Thông qua kế hoạch mua sắm tập trung nguyên vật liệu năm 2020 của Tập đoàn
75	41/2019/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2019	Thông qua thù lao HĐQT, BKS, người phụ trách quản trị Công ty 2019
76	42/2019/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2019	Ký kết và thực hiện các hợp đồng giao dịch với bên có liên quan năm 2020
77	43/2019/GELEX/NQ-HĐQT	30/12/2019	Tài liệu giao dịch liên quan đến phát hành trái phiếu CGIF

# BAN KIỂM SOÁT

## THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng BKS	Bắt đầu 27/04/2018, không còn là Thành viên BKS từ ngày 19/04/2019	02/02	100%	
2	Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	Bắt đầu 25/4/2017, không còn là Thành viên BKS từ ngày 19/04/2019	02/02	100%	
3	Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên BKS	Bắt đầu 25/4/2017, không còn là Thành viên BKS từ ngày 19/04/2019	02/02	100%	

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG:

Tính đến ngày 19/04/2019, BKS đã thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ hàng quý dưới các hình thức tập trung cũng như qua điện thoại, email để tiến hành kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty. Cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành Tổng Công ty;
- Kiểm tra trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính hàng quý

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

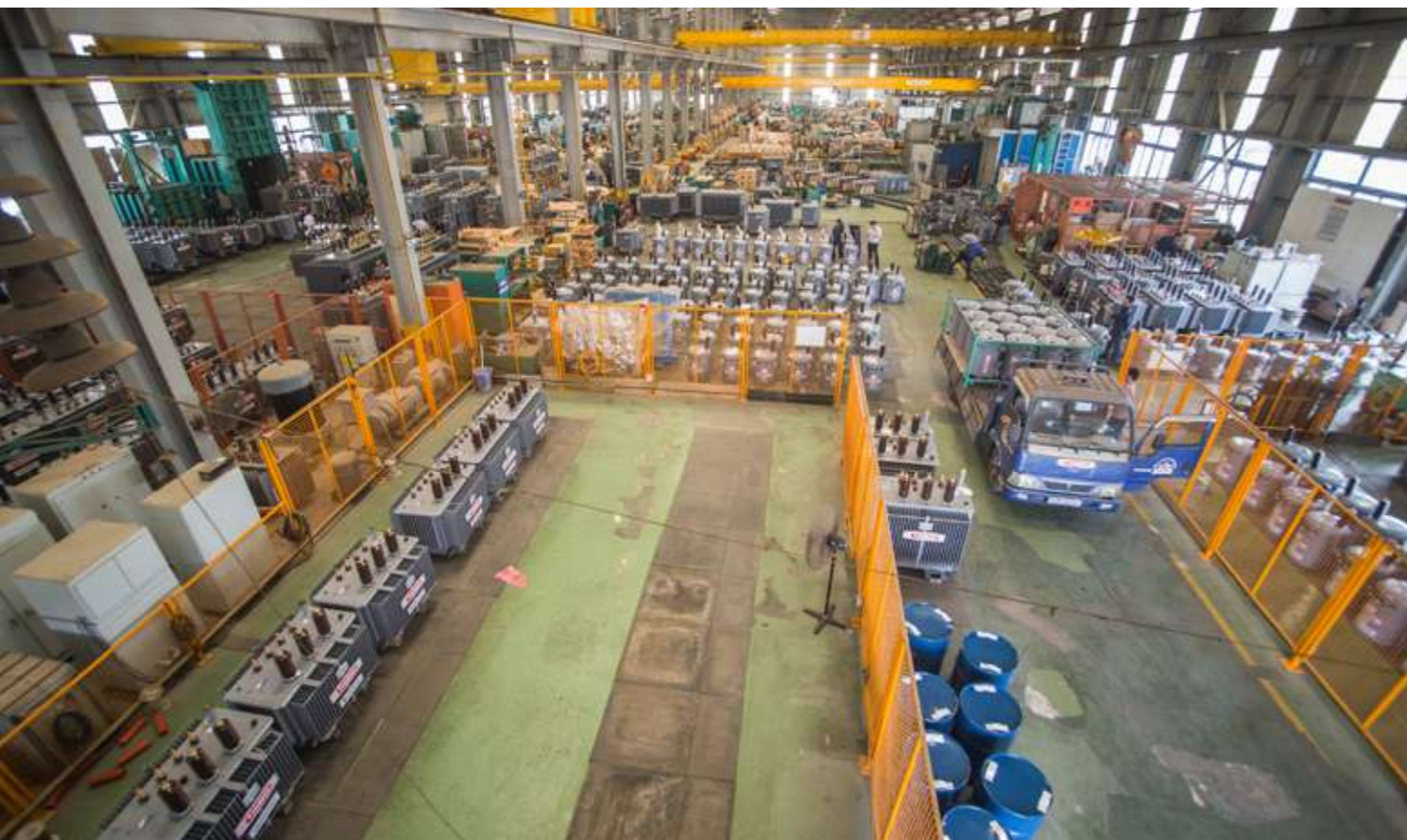
Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ban. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu về các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty đồng thời được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty.

## HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS:

Ngày 19/04/2019 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát của Bà Lê Thị Hồng Lĩnh, Bà Phạm Thị Minh Cúc và Bà Phạm Thị Mỹ Hà. Tổng Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý mới, theo đó, Tổng Công ty bỏ Ban kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Thay vào đó, Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.



# BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ



## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua cơ cấu tổ chức quản lý mới của Tổng Công ty là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và có Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Trên cơ sở này, ngày 25/6/2019, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 17/2019/GELEX/NQ-HĐQT về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ. Tiếp theo đó, Hội đồng quản trị tiếp tục bổ nhiệm các nhân sự nhằm kiện toàn bộ máy hoạt động của Ban bao gồm trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ.

Tất cả các thành viên đều có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định trong Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty cũng như quy chế hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ.

Các quyết định bổ nhiệm và thông tin của từng nhân sự được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Về hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ: Hoạt động của Ban tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan đồng thời vận dụng thông lệ quốc tế trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Tổng Công

ty. Một số hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm toán nội bộ trong năm qua như sau:

### Giám sát Báo cáo Tài chính:

Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm trước khi Ban điều hành trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đồng thời nhất trí với những đánh giá của đơn vị kiểm toán độc lập, theo đó:

- Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Không có điều chỉnh trọng yếu hay vấn đề đáng kể nào được ghi nhận đối với chính sách kế toán, biến động số liệu tài chính.
- Không phát hiện sai sót trọng yếu liên quan đến các ước tính kế toán, không có trường hợp gian lận thực tế hay nghi ngờ gian lận nào được ghi nhận trong việc lập báo cáo tài chính.
- Ý kiến của kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính năm 2019 (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) của Tổng Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2019; phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

### Đánh giá công tác quản lý, điều hành

Ban kiểm toán nội bộ cũng đã kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý điều hành tại Tổng công ty, theo đó:

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ, ngoài ra tổ

chức các phiên họp bất thường để thống nhất chiến lược, định hướng phát triển và chỉ đạo công tác quản trị kịp thời, phù hợp với thực tế. Các phiên họp Hội đồng quản trị có số lượng các thành viên tham gia đảm bảo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp đều được ghi lại thành biên bản và lưu trữ đầy đủ tại Tổng Công ty.

Những vấn đề Hội đồng quản trị thông qua trong cuộc họp và thống nhất ý kiến bằng văn bản đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Triển khai phương án huy động vốn cho Tổng Công ty.
- Công tác tổ chức cán bộ và công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Sửa đổi, ban hành mới các quy chế, quy định phù hợp với hoạt động của Tổng Công ty.
- Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành hợp lệ, đúng với thẩm quyền và thực hiện đúng chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng niêm yết.

Qua kết quả làm việc của Ban Kiểm toán nội bộ cho thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm

vụ, tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

Ban Kiểm toán nội bộ đánh giá đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán 2019 của công ty kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Tổng Công ty về phạm vi, đối tượng, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập.

Đối với việc thực hiện kiểm toán năm 2019, công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đáp ứng kỳ vọng của Ban Kiểm toán nội bộ: trong đó có thể kể đến:

- Đảm bảo độ tin cậy và trung thực của Báo cáo Tài chính đã kiểm toán,
- Tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định,
- Phối hợp tốt với các đơn vị của Tổng công ty,
- Tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán...

Việc lựa chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020, Ban Kiểm toán nội bộ sẽ tham mưu cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết lựa chọn.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
STT	Thành viên	Chức vụ	Lương - Thưởng	Thù lao	Tổng
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	88%	12%	100%
2	Nguyễn Hoa Cương	Ủy viên HĐQT	34%	66%	100%
3	Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên HĐQT	34%	66%	100%
4	Võ Anh Linh	Ủy viên HĐQT	34%	66%	100%
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	37%	63%	100%
6	Đỗ Thị Phương Lan	Ủy viên HĐQT	34%	66%	100%
II. BAN KIỂM SOÁT					
STT	Thành viên	Chức vụ	Lương - Thưởng	Thù lao	Tổng
1	Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng ban KS	0%	100%	100%
2	Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên BKS	0%	100%	100%
3	Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	0%	100%	100%

Tổng thù lao đã chi cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát GELEX trong năm 2019 là 3.020.000.000 đồng.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## 1. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
1	<b>Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)</b>	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0300381564, cấp ngày 19/06/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho CADIVI
2	<b>Công ty Cổ phần thiết bị điện (THIBIDI)</b>	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3600253826, ngày cấp 19/12/2016, nơi cấp Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho THIBIDI
3	<b>Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (GELEX ELECTRIC)</b>	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT	0107547109, ngày cấp 29/08/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		GELEX bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn GELEX ELECTRIC
4	<b>Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)</b>	Công ty con gián tiếp	0100100456, ngày cấp 11/04/2019, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Km12 Đường Cầu Diễn - Phường Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho HEM
5	<b>Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX</b>	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT	0107652657, ngày cấp 27/06/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 17, Số 52 phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		GELEX bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn Năng lượng GELEX
6	<b>Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (SOTRANS)</b>	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT	0300645369, ngày cấp 13/12/2016, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		GELEX bán hàng hóa cho SOTRANS

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## 1. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
7	Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con gián tiếp	0315428529, ngày cấp 07/12/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	1B Hoàng Diệu, phường 13, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		SOTRANS LOGISTICS cung cấp dịch vụ cho GELEX
8	Công ty TNHH MTV Gelex Land	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0107919237, ngày cấp 12/07/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		GELEX bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, vay và cho vay vốn GELEX LAND
9	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con gián tiếp	0108453005, ngày cấp 31/12/2019, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		GELEX bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ cho EMIC
10	Công ty TNHH VLCC	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0303145967 cấp ngày 05/01/2004, nơi cấp Sở KH & Đầu tư TP Hồ Chí Minh	V21D9, Saigon Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		VLCC cung cấp dịch vụ tư vấn cho GELEX
11	Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	1018/GP cấp ngày 25/10/1994, nơi cấp Bộ KH&ĐT	44 B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Năm 2019	11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019; 01/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019 và 26/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 11/09/2019		Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD cung cấp dịch vụ cho GELEX

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## 2. GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY NIÊM YẾT, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NIÊM YẾT NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT: KHÔNG CÓ

## 3. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

3.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

STT	Tên đơn vị	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung giao dịch
1	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho CADIVI
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho THIBIDI
3	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (GELEX ELECTRIC)	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT	GELEX bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn GELEX ELECTRIC
4	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho HEM

STT	Tên đơn vị	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung giao dịch
5	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT	GELEX bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn Năng lượng GELEX
6	Công ty TNHH MTV Gelex Land	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, vay và cho vay vốn GELEX LAND. GELEX LAND cung cấp dịch vụ tư vấn cho GELEX.
7	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con gián tiếp - Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ cho EMIC
8	Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (SOTRANS)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT	GELEX bán hàng hóa cho SOTRANS

3.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có

3.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## 4. GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Đỏ	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ - Bà Đỗ Thị Phương Lan – Thành viên HĐQT	1.200.000	0,28%	1.380.000	0,28%	Mua thêm và tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
2	Công ty TNHH VLCC	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ - Bà Đỗ Thị Phương Lan – Thành viên HĐQT	0	0%	4.457.880	1,05%	Mua thêm và Mua cổ phần do GELEX thực hiện chứng quyền
3	Nguyễn Thị Xuân Thanh	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	96.600	0,02%	111.090	0,02%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
4	Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên HĐQT	64.170	0,02%	73.795	0,02%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	0	0%	793.500	0,16%	Mua thêm và tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
6	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng – Người được ủy quyền CBTT	15.456	0,004%	17.774	0,00%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ - Ông Võ Anh Linh - Thành viên HĐQT	10.079.416	2,97%	0	0,00%	Giảm do bán cổ phần
8	Nguyễn Bích Hà	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	103.500	0,03%	119.025	0,02%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

Phần 07

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tâm nhìn bền vững..... 106



# TẦM NHÌN BỀN VỮNG



Tổng Công ty đã và đang hoạt động theo hướng “Phát triển Bền vững” để hướng tới các giá trị bền vững bao gồm các yếu tố liên quan đến “Tăng trưởng – Đóng góp vì lợi ích Xã hội – Bảo vệ môi trường”.

Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) luôn nỗ lực góp phần hài hòa lợi ích giữa Doanh nghiệp – Xã hội – Khách hàng. Chính vì điều này, Tổng Công ty đã và đang hoạt động theo hướng “Phát triển Bền vững” để hướng tới các giá trị bền vững bao gồm các yếu tố liên quan đến “Tăng trưởng – Đóng góp vì lợi ích Xã hội – Bảo vệ môi trường”.

Đầu năm 2019, GELEX là Tổng Công ty duy nhất có tới 3 đơn vị được vinh danh Thương hiệu Quốc gia. Cùng với công ty mẹ GELEX, 2

đơn vị thành viên là Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) và Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) cũng đã được vinh danh Thương hiệu quốc gia. Đây cũng là lần thứ 3 liên tiếp, GELEX tự hào và vinh dự được công nhận là Thương hiệu quốc gia (từ năm 2014 đến nay); CADIVI là lần thứ 6 (từ năm 2008 đến nay) và THIBIDI là lần thứ 2 (từ năm 2016 đến nay).

Với tầm nhìn đến năm 2021, GELEX xác định Thương hiệu Quốc gia là một danh hiệu danh giá và uy tín,

minh chứng cho chất lượng sản phẩm đứng vững trên thị trường trong nước và phát triển ra nước ngoài. Với sự quyết tâm tập trung nguồn lực, chiến lược phát triển bền vững của GELEX là tạo ra các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá thành hợp lý. Đây là một trong những điều kiện tiên quyết giúp hệ thống GELEX có đến 3 đơn vị trên tổng số chưa đầy 100 doanh nghiệp của cả nước nhận danh hiệu uy tín này.

## CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐI ĐÔI VỚI TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

GELEX cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao thông qua các giải pháp công nghệ hiện đại và dịch vụ vượt trội – đó là sứ mệnh xuyên suốt của GELEX và toàn bộ hệ thống các công ty con GELEX đều tuân thủ nghiêm ngặt.

Giữa năm 2019, GELEX Electric giới thiệu 3 dòng sản phẩm dây cáp điện thân thiện với môi trường (Eco-friendly), tiết kiệm năng lượng và sử dụng nguồn năng lượng xanh bao gồm: Cáp chiếu sáng sân bay, cáp chặm cháy cách điện XLPO, cáp năng lượng mặt trời CADIVI đạt chuẩn Châu Âu; máy biến áp 1 pha, 3 pha, máy biến áp khô, máy biến áp Amorphous chuyển giao công nghệ từ Nhật Bản, máy biến áp sơn kẽm lạnh dành cho vùng nhiễm mặn và ẩm ướt của THIBIDI; công tơ điện 1 pha, 3 pha các loại, máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung và hạ thế, đồng hồ Volt, Ampe các loại của EMIC.

Hiện nay, GELEX Electric, thông qua việc sở hữu những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về thiết bị điện, Công ty đang thực hiện vai trò “đầu tàu” trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thông qua việc đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Trong năm 2019, GELEX Electric đã cơ cấu lại sản xuất kinh doanh theo hướng tối ưu hóa các nguồn lực và lợi thế cạnh tranh; nâng cao trình độ quản lý theo mô hình quản lý công nghiệp hiện đại, tận dụng triệt để lợi thế quy mô; tập trung mở rộng thị phần về địa lý; Phát triển R&D, các sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao và tăng cường chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu.

## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CỔ ĐÔNG TRONG PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành nghề kinh doanh và các doanh nghiệp, lãnh đạo Công ty đã có nhiều giải pháp để ổn định sản xuất – kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và bảo vệ lợi ích cổ đông.

Ngay từ khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát tại Việt Nam, tất cả các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đã cùng ý thức rất cao và tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch, theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế.

Với đặc thù hoạt động chủ yếu của Công ty là trong lĩnh vực sản xuất Công nghiệp, đến nay, các hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì. Cán bộ công nhân viên an tâm có đủ việc làm; nguyên liệu chính đầu vào ký đầu năm cho cả năm và nguồn cung ở các nước thực hiện kiểm soát dịch bệnh tốt, nên dự kiến sẽ không ảnh hưởng tới nguồn cung nguyên liệu sản xuất về cả số lượng và giá.

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Holdings, trong đó sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng là hoạt động cốt lõi của GELEX, Công ty hiện có gần 4.000 cán bộ công nhân viên từ các đơn vị thành viên ở cả hai miền Nam, Bắc. Với ý thức trách nhiệm trước công đồng và cùng chung tay góp phần tiếp thêm nguồn lực đến các đơn vị tuyến đầu chống dịch, GELEX đã ủng hộ 5 tỷ đồng cho công tác phòng chống dịch. Khoản ủng hộ, bao gồm thiết bị y tế và tiền mặt với tổng trị giá lớn nên đã được đại diện GELEX trao trực tiếp đến Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương để góp phần mua thêm trang thiết bị vật tư y tế, với mong muốn sớm đẩy lùi đại dịch.

# TẦM NHÌN BỀN VỮNG



## CHÍNH SÁCH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hàng năm Hội thao GELEX được tổ chức và diễn ra với sự tham gia của gần 500 vận động viên là cán bộ công nhân viên đến từ 16 đơn vị trong GELEX Group, cùng nhau thi tài ở các môn thể mạnh truyền thống gồm: Tennis, Bóng đá, Cầu lông và Bóng bàn.

Hội thao GELEX được tổ chức thường niên nhằm thúc đẩy hoạt động rèn luyện nâng cao sức khỏe cho người lao động, cổ vũ tinh thần và mang đến cơ hội gặp gỡ giao lưu, tăng cường đoàn kết giữa cán bộ công nhân viên từ các đơn vị thành viên. Hội thao hàng năm đã trở thành

nét văn hóa trong doanh nghiệp của GELEX.

Xác định nguồn nhân lực là nguồn tài sản quý giá, GELEX chú trọng xây dựng lực lượng nhân sự: “Chuyên nghiệp – Nhiệt tình – Hiệu quả” và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch 5 năm 2019 – 2024 của Công ty. Bằng hành động thực tế Công ty tiến hành hoàn thiện các công tác nhân sự: thảo luận cùng xây dựng và thực hiện thỏa ước lao động với tiêu chuẩn trên mức quy định của Nhà nước, tạo động lực làm việc và phát triển năng lực nhằm duy trì và phát triển đội ngũ kế thừa. Tối ưu hóa nguồn lực nội bộ bằng cách đào tạo để luân chuyển nội bộ, thay thế cho tuyển dụng mới, duy trì ở mức cao nhất cơ hội việc làm, thăng tiến cho người lao động. Ban hành và tuyên truyền quy tắc ứng xử nhằm góp phần xây dựng và nâng cao giá trị

văn hóa của Công ty. Chủ động thực hiện quy chế dân chủ nhằm thiết lập mối quan hệ hài hòa, ổn định giữa Người quản lý lao động với Người lao động.

Tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên) hoạt động theo quy định của Pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động, tổ chức đối thoại với người lao động tại nơi làm việc.

Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường cũng được quan tâm, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác An toàn, Sức khỏe và Bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.

Thực hiện định kỳ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động phòng cháy chữa cháy và ứng cứu khẩn cấp, phối

hợp với các đơn vị chức năng thuộc địa bàn tổ chức diễn tập Phòng cháy chữa cháy (PCCC) và Cứu nạn cứu hộ (CNCH) cho CBCNV theo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được tư vấn xây dựng từ trước. Hàng năm còn phối hợp với cảnh sát địa phương tổ chức diễn tập chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có phối hợp nhiều lực lượng nhằm chủ động phòng ngừa và nâng cao khả năng sẵn sàng ứng cứu khi có tình huống khẩn cấp, kịp thời xử lý các vụ cháy, nổ xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất về người và tài sản do cháy gây ra. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị phương tiện PCCC như hệ thống chữa cháy bằng nước tự động, bình chữa cháy, tổ chức kiểm tra định kỳ đảm bảo các phương tiện PCCC trong tình trạng sẵn sàng tin cậy, thường xuyên kiểm tra đánh giá các trang thiết bị, nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước: Liên kết với đơn vị y tế hoặc lập phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu trong Công ty. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của Công ty, mua thêm gói chăm sóc sức khỏe cho một số đối tượng.

Hàng năm Công ty đều mua sắm, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Người lao động phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo đúng quy định trong suốt thời gian làm việc. Công tác an toàn vệ sinh lao động Tổ chức lao động, sắp xếp, bố trí máy móc, thiết bị phù hợp với người lao động. Thường xuyên kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại các khu vực làm việc.

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh vì vậy GELEX đã chú trọng, quan tâm và xây dựng cơ chế, chính sách, quy định về đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức năng công

việc đảm nhận, đẩy mạnh tập trung đào tạo kỹ năng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, nước ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn, chuyên gia tư vấn. Hàng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, quản lý, chuyên môn. Kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động của Công ty tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

Đối với đội ngũ trực tiếp sản xuất: công tác nâng cao tay nghề rất được quan tâm. Tổ chức đào tạo nội bộ hoặc thuê ngoài để nâng nghề, sát hạch tay nghề và gắn kết quả với điều chỉnh lương.

Đối với đội ngũ văn phòng: các chương trình bồi dưỡng đào tạo chuyên môn, kỹ năng nâng cao phù hợp với phòng ban và vị trí công việc. Điều này giúp cho mỗi cá nhân tự định hướng được năng lực của mình và chủ động trong việc tự học, tự đào tạo phát triển, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của bản thân. Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều đã đáp ứng tốt các yêu cầu công việc đặc biệt là đội ngũ vận hành, kỹ thuật.





# TẦM NHÌN BỀN VỮNG



• Quy chế trả lương, trả thưởng được áp dụng cho toàn thể cán bộ công nhân viên và rà soát định kỳ để sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế của công ty và theo quy định của Pháp luật. Công ty trả lương cho CBCNV tùy thuộc vào năng lực và hiệu quả công việc, hàng năm đều tiến đánh giá để xét tăng lương cho người lao động, khuyến khích người lao động làm việc tích cực, hoàn thành tốt, nâng cao hiệu quả công việc. Mỗi năm người lao động được hưởng tối thiểu 13 tháng lương, có người lao động còn được hưởng lương, thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc dựa trên kết quả bình xét thi đua năm. Chế độ thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lao động tiên tiến, có sáng kiến trong lao động... được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty. Đồng thời, khuyến khích và thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn: Quốc Khánh, Quốc tế Lao động, ngày thành lập Công ty, khen thưởng cho các con em

của người lao động có thành tích học tập tốt, nhân dịp Quốc tế thiếu nhi, quà cho chị em nhân ngày 08/03 và 20/10. Quỹ tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở doanh thu và được sử dụng như công cụ quan trọng để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và theo năng suất lao động tùy theo đối tượng. GELEX luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

• Công tác tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của GELEX nhằm tuyển chọn nhân sự

theo đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, có chất lượng và đáp ứng được yêu cầu hoạt động kinh doanh.

Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ Luật lao động, nội quy lao động và thoả ước lao động tập thể, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV. Để gắn kết các cá nhân cũng như tạo tinh thần đoàn kết giữa các thành viên của GELEX, hàng năm Công ty tổ chức các kỳ nghỉ, các chuyến du lịch trong và ngoài nước, các phong trào thể dục thể thao, văn thể mỹ để các CBCNV có dịp được gặp gỡ, trao đổi, chuyện trò và thể hiện sự quan tâm gắn bó với nhau.

Hàng năm, Công ty đều xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đào tạo cho đội ngũ nhân viên bao gồm các khóa đào tạo nội bộ hoặc thuê ngoài về chuyên

môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ, quản lý cấp trung... Công tác đào tạo đảm bảo yêu cầu nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD của Công ty. Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến trong công việc được CBCNV tích cực hưởng ứng tham gia. Mặt khác, Công ty cũng kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động để tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch Công ty; cập nhật các nghị định, thông tư, hướng dẫn về công tác báo cáo tài chính, các loại thuế, chính sách, lao động tiền lương, BHYT, BHXH, Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Hải quan, thuế xuất nhập khẩu; Luật doanh nghiệp, Thông tư, Nghị định; Xây dựng cơ bản; nghiệp vụ hành chính văn phòng.... Tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

## GELEX HƯỚNG ĐẾN MÔ HÌNH QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI

Với mô hình một tổng công ty lấy hoạt động sản xuất công nghiệp làm chủ lực, GELEX mẹ đã chỉ đạo tập trung xây dựng đội ngũ R&D tại GELEX Electric, xây dựng quỹ công nghệ trên toàn hệ thống để khuyến khích tư duy sáng tạo, phát triển các sản phẩm cao thế mới mà hiện nay đang phải phụ thuộc vào nhập khẩu.

Mô hình quản lý hiện đại với các thành viên HDQT chuyên trách phụ trách từng mảng kinh doanh và chiến lược đặt công tác R&D trong cả tập đoàn làm một phần trọng tâm là điểm mạnh giúp GELEX luôn luôn đáp ứng được thị trường và thị hiếu người dùng.

GELEX và các đơn vị thành viên cam kết giữ vững Thương hiệu Quốc gia, đồng thời chú trọng nâng cao vị thế tiên phong của Doanh nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước, để xứng đáng với vai trò đại diện, điển hình cho Thương hiệu Quốc gia Việt Nam.

## Phần 08

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung .....	114
Báo cáo của ban tổng giám đốc .....	116
Báo cáo kiểm toán độc lập.....	117
Bảng cân đối kế toán hợp nhất .....	119
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .....	123
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất .....	125
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất .....	128



# THÔNG TIN CHUNG

## | TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý

vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

## | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Thành viên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Phó chủ tịch
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hoa Cương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông Võ Anh Linh	Thành viên

## | BAN KIỂM SOÁT/ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban kiểm soát từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 19 tháng 4 năm 2019 như sau:

Thành viên	Chức danh	
Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2019/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty đã miễn nhiệm tất cả các thành viên Ban kiểm soát và thành lập Ban kiểm toán nội bộ.

Thành viên Ban kiểm toán nội bộ từ ngày 25 tháng 6 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Thành viên	Chức danh	
Ông Võ Anh Linh	Trưởng ban kiểm toán nội bộ	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019
Ông Trần Hưng Đạo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2019 và miễn nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2019

## | BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Thành viên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Giám đốc điều hành

## | NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

## | KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu

nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Văn Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 26 tháng 3 năm 2020

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 78 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình

bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm

lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

## Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.382.111.242.069</b>	<b>8.104.003.384.888</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	5	920.972.296.193	923.667.098.002
111	1. Tiền		731.401.196.193	674.299.498.002
112	2. Các khoản tương đương tiền		189.571.100.000	249.367.600.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	6	<b>1.196.264.408.377</b>	<b>1.863.955.085.242</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.017.991.730.244	1.437.174.593.265
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(30.250.802.698)	(13.797.519.588)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		208.523.480.831	440.578.011.565
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.464.510.748.372</b>	<b>3.084.065.645.499</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	2.056.273.114.168	2.028.883.831.172
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		161.005.018.624	177.678.908.481
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		4.000.000.000	4.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.460.109.974.353	1.093.621.431.766
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(216.877.358.773)	(220.272.475.139)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	153.949.219
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	<b>2.678.936.559.794</b>	<b>2.111.126.553.972</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.699.673.994.298	2.132.225.476.583
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(20.737.434.504)	(21.098.922.611)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>121.427.229.333</b>	<b>121.189.002.173</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		27.688.124.392	22.061.300.137
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		86.274.270.059	89.059.897.616
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		7.464.834.882	10.067.804.420

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>12.879.804.385.981</b>	<b>9.142.484.787.442</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.857.639.695</b>	<b>21.248.160.790</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	6.740.871.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.857.639.695	14.507.289.790
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>6.175.219.173.652</b>	<b>4.475.031.456.984</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.668.147.232.383	3.957.253.210.510
222	Nguyên giá		9.427.614.613.239	7.308.172.013.214
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.759.467.380.856)	(3.350.918.802.704)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	507.071.941.269	517.778.246.474
228	Nguyên giá		547.988.280.830	545.954.631.609
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.916.339.561)	(28.176.385.135)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>218.828.013.484</b>	<b>232.999.531.823</b>
231	1. Nguyên giá		281.417.151.884	281.417.151.884
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(62.589.138.400)	(48.417.620.061)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>526.037.090.461</b>	<b>1.040.166.644.660</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	526.037.090.461	1.040.166.644.660
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	15	<b>4.369.772.576.391</b>	<b>1.738.906.286.546</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		4.264.571.809.545	1.552.461.933.298
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		54.937.000.940	7.229.751.878
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(10.172.312.950)	-
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		60.436.078.856	179.214.601.370
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.587.089.892.298</b>	<b>1.634.132.706.639</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	531.080.836.429	462.369.597.625

B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	30.724.241.576	15.928.367.193
269	3. Lợi thế thương mại	17	1.025.284.814.293	1.155.834.741.821
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>21.261.915.628.050</b>	<b>17.246.488.172.330</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>12.584.877.445.715</b>	<b>9.281.533.631.570</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.655.136.785.119</b>	<b>6.826.523.433.296</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.132.885.871.455	2.046.857.839.671
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		111.045.849.458	100.552.367.016
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	140.199.776.421	150.777.805.599
314	4. Phải trả người lao động		184.960.606.980	159.314.218.777
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	176.216.703.955	61.715.994.358
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		45.060.676.262	43.766.082.272
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	1.763.561.872.741	413.402.868.132
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	22	4.008.854.549.871	3.741.916.931.534
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		58.847.570.786	53.211.347.173
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		33.503.307.190	55.007.978.764
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.929.740.660.596</b>	<b>2.455.010.198.274</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		44.697.450.000	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		43.642.636.966	44.731.618.150
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	39.951.560.809	36.653.237.222
338	4. Vay và nợ dài hạn	22	4.561.953.701.156	2.131.746.164.514
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	166.002.099.305	168.897.718.656
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		73.493.212.360	72.981.459.732

B01-DN/HN

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.677.038.182.335	7.964.954.540.760
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	8.669.474.321.196	7.956.324.379.625
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.882.440.000.000	4.065.600.000.000
411a	o Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.882.440.000.000	4.065.600.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.457.000.000	547.112.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		147.588.933.577	77.388.963.577
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	236.031.851
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		77.023.242.245	77.023.242.245
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.200.556.100.813	846.596.655.014
421a	o Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		571.721.116.419	165.793.082.055
421b	o Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		628.834.984.394	680.803.572.959
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.295.409.044.561	2.342.367.486.938
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		7.563.861.139	8.630.161.135
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		7.563.861.139	8.630.161.135
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		21.261.915.628.050	17.246.488.172.330

Nguyễn Thị Nga  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

B02-DN/HN

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	15.440.420.151.460	13.828.715.331.881
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(125.434.232.938)	(129.585.819.594)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	15.314.985.918.522	13.699.129.512.287
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(12.576.002.760.296)	(11.483.443.422.289)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.738.983.158.226	2.215.686.089.998
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	340.995.992.447	756.601.575.240
22	7. Chi phí tài chính	26	(838.373.107.258)	(542.466.344.992)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(634.359.800.542)	(447.395.281.623)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		144.859.903.247	51.627.035.708
25	9. Chi phí bán hàng	27	(485.794.579.998)	(347.473.303.870)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(735.308.673.393)	(643.744.982.432)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.165.362.693.271	1.490.230.069.652
31	12. Thu nhập khác	28	21.537.107.316	56.557.890.328
32	13. Chi phí khác	28	(84.435.927.150)	(13.714.653.333)
40	14. (Lỗ)/lợi nhuận khác	28	(62.898.819.834)	42.843.236.995
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.102.463.873.437	1.533.073.306.647
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(267.688.696.428)	(260.360.179.854)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	17.691.493.734	10.770.230.430
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		852.466.670.743	1.283.483.357.223
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		634.682.131.108	942.442.353.541

B02-DN/HN

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23.1	217.784.539.635	341.041.003.682
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.326	2.186
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	1.316	2.109

Nguyễn Thị Nga  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

B03-DN/HN

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Tổng lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		<b>1.102.463.873.437</b>	<b>1.533.073.306.647</b>
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		621.397.796.994	495.974.869.059
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		29.016.967.828	(73.790.784.320)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.372.306.963)	(2.247.274.550)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(414.441.040.054)	(730.939.833.678)
06	Chi phí lãi vay	26	634.359.800.542	447.395.281.623
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		<b>1.971.425.091.784</b>	<b>1.669.465.564.781</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(275.771.552.522)	(600.507.604.650)
10	Tăng hàng tồn kho		(567.915.274.621)	(206.537.181.645)
11	Tăng các khoản phải trả		619.479.265.674	903.882.950.960
12	Tăng chi phí trả trước		(74.654.599.699)	(19.596.937.459)
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		419.182.863.021	(477.578.621.262)
14	Tiền lãi vay đã trả		(565.918.002.241)	(441.009.473.921)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(299.773.962.182)	(227.314.019.974)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.790.399.967	3.890.182.053
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(59.951.958.109)	(111.298.668.651)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		<b>1.167.892.271.072</b>	<b>493.396.190.232</b>



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.527.217.023.697)	(1.062.085.278.353)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		8.445.120.863	52.667.963.477
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(158.953.097.777)	(731.227.914.280)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		509.786.151.025	1.213.786.006.950
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.775.483.096.596)	(3.140.584.846.191)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		636.457.070.271	2.057.517.133.635
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		373.057.973.039	241.389.118.202
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		<b>(3.933.906.902.872)</b>	<b>(1.368.537.816.560)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		236.860.000.000	1.195.112.000.000
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ		(6.220.002.735)	(224.441.613.184)
33	Tiền thu từ đi vay		17.990.081.177.215	8.344.266.329.029
34	Tiền trả nợ gốc vay		(15.286.943.187.002)	(8.134.320.245.909)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(170.499.387.478)	(479.264.481.846)
	Trong đó			
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		-	(338.648.230.000)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(170.499.387.478)	(140.616.251.846)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>2.763.278.600.000</b>	<b>701.351.988.090</b>

B03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.736.031.800)	(173.789.638.238)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		923.667.098.002	1.097.517.266.477
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		41.229.991	(60.530.237)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	920.972.296.193	923.667.098.002



Nguyễn Thị Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh

doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 90 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 69 người).

### Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX ("Năng lượng GELEX")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX ("GELEX Electric") [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX]	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Logistics ("GELEX Logistics")	100%	100%	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("GELEX Land")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

B09-DN/HN

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

### Công ty GELEX Electric

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	94,01%	94,01%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	77,01%	77,01%	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	80,31%	80,31%	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy biến áp và thiết bị điện
4	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("GELEX Emic") [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC]	74,99%	74,99%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện

Một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty GELEX Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

### Công ty CADIVI

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
<b>CÔNG TY CADIVI</b>					
1	Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Đồng Nai ("CADIVI Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Miền Bắc ("CADIVI Miền Bắc")	100%	100%	Lô D1-3, khu công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh dây và cáp điện

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## Công ty HEM

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	94,01%	94,01%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	77,01%	77,01%	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	80,31%	80,31%	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy biến áp và thiết bị điện
4	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("GELEX Emic") [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC]	74,99%	74,99%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện

## Công ty THIBIDI

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	51%	51%	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

## Công ty Năng lượng GELEX

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	73,16%	73,16%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận") (*)	100%	100%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời

B09-DN/HN

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	60,46%	60,46%	Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất và cung cấp nước sạch
4	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng ("Hướng Phùng") (*)	84,62%	84,62%	Tầng 3, số nhà 242 quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
5	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng GELEX Quảng Trị (*)	85%	85%	Tầng 3, số nhà 242 quốc Lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
6	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng GELEX Đắk Lắk (*)	80%	80%	Số 21, đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
7	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh (*)	98%	98%	Số 087, đường Huỳnh Văn Lợi, khu phố 1, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng GELEX (*)	51%	51%	Tầng 23, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
9	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải (*)	88%	88%	Lô A23, khu công nghiệp Sóng Thần 3, đường Điện Biên Phủ, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời

(\*) Các công ty con này chưa hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Công ty con sở hữu trực tiếp bởi công ty GELEX Logistics với thông tin cụ thể như sau:

## Công ty GELEX Logistics

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	54,78%	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Một số công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp bởi công ty Sotrans với thông tin cụ thể như sau:

## Công ty Sotrans

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	100%	100%	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
2	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
3	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
4	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")	84,39%	84,39%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận
5	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ

B09-DN/HN

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("VTX")	84%	84%	Lầu 9 Tòa nhà B&L TOWER, số 119-121 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
8	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, tỉnh Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

## 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

## 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

## 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn

thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

<b>Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.</li> </ul>
<b>Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.</li> </ul>

### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

### 3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

### Quyền khai thác mặt nước

Quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc Tập đoàn

mua lại công ty con và được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị của quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn.

### 3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền khai thác mặt nước	36 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 - 50 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích hao mòn

### 3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều

hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị, tài sản khác	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

### 3.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây

dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

### 3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền; và
- Các chi phí khác.

### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất (có hiệu lực sau năm 2003) với thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

### 3.11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

### 3.12. Các khoản đầu tư

#### Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay

đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.14. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.15. Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những

lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.16. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.17. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 3.18. Tăng vốn chủ sở hữu thông qua thực hiện chứng quyền

Vốn cổ phần tăng (do các bên nắm giữ Chứng quyền phát hành bởi Tổng Công ty thực hiện quyền mua cổ phần của Chứng quyền) được góp bằng tiền và được ghi nhận theo số tiền thực góp, bao gồm:

- Vốn cổ phần tăng = số lượng cổ phiếu được phát hành (X) mệnh giá mỗi cổ phiếu. Trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu được phát hành tương ứng với số Chứng Quyền được thực hiện quyền mua cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.
- Thặng dư vốn cổ phần bao gồm:
  - Phần chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu khi thực hiện Chứng Quyền (theo quy định của Hợp đồng phát hành Chứng quyền) và mệnh giá cổ phiếu;
  - Giá trị phát hành chứng quyền tương ứng với số lượng chứng quyền thực hiện; và
  - Các chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 3.19. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận

thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con theo quy chế tài chính của Tổng Công ty và các công ty con và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3.20. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trên cơ sở sản lượng phát điện được đối soát hàng tháng và xác nhận giữa bên bán điện và bên mua điện, theo đơn giá quy định trên hợp đồng mua bán điện.

#### Doanh thu cấp nước

Doanh thu cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và biên bản nghiệm thu khối lượng nước hàng tháng với khách hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

#### Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán/ chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

### 3.21. Thuế

#### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng

cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

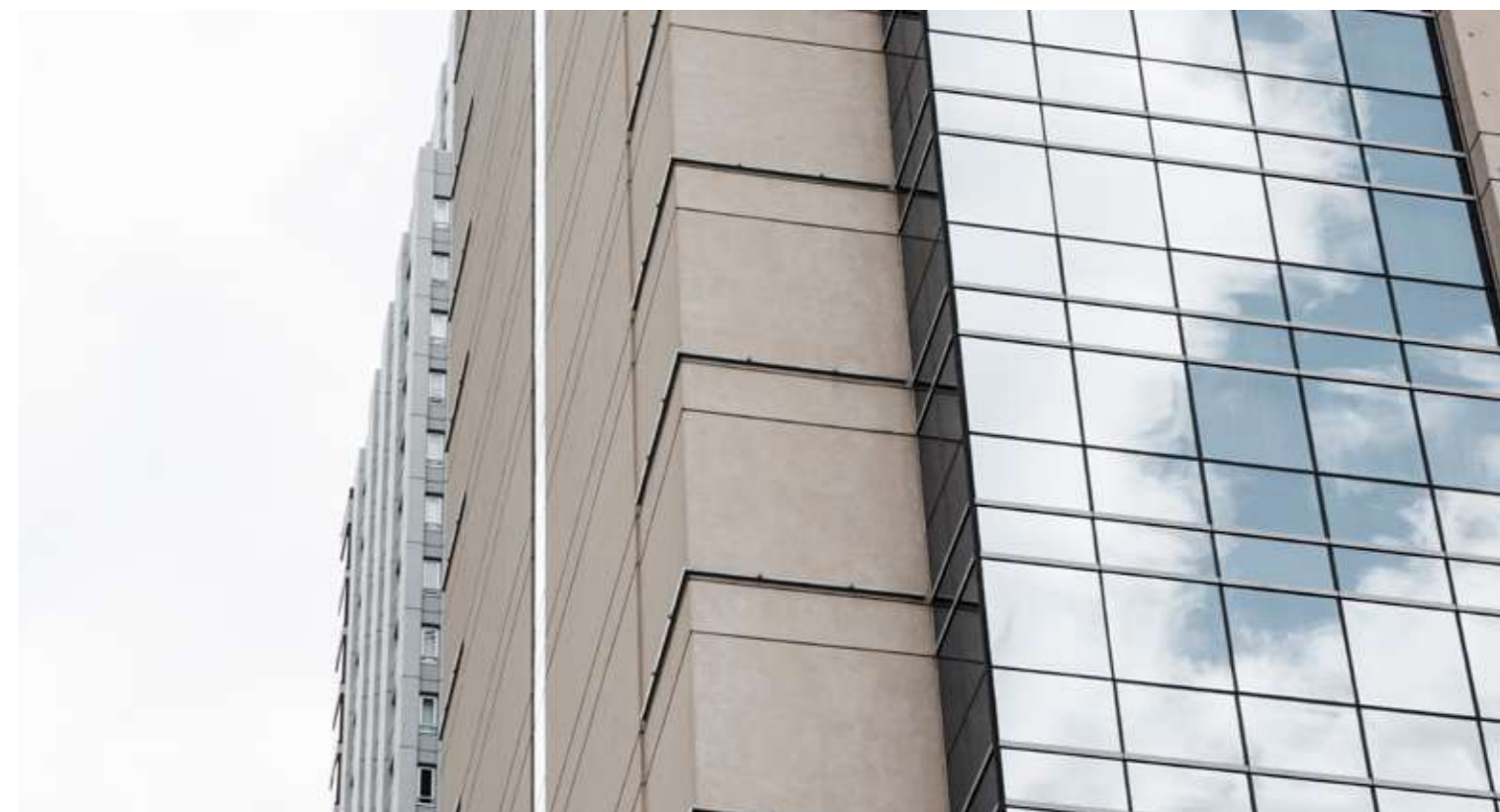
Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 3.22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh



cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.23. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận, kinh doanh năng lượng (điện và nước) và các dịch vụ khác.

### 3.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 4. HỢP NHẤT KINH DOANH

### 4.1. Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh (“Công ty MEE”)

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2018, Công ty THIBIDI, công ty con của Tập đoàn, đã hoàn thành việc mua 6.000.000 cổ phiếu tương ứng với 50% cổ phần trong Công ty MEE với giá phí 284.580.000.000 VND. Qua đó, Công ty MEE đã trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Sau đó, vào ngày 27 tháng 12 năm 2018, Công ty THIBIDI đã mua thêm 120.000 cổ phiếu tương ứng với 1% cổ phần trong Công ty MEE, nâng tỷ lệ sở hữu trong Công ty MEE lên 51%. Theo đó, Công ty MEE trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty MEE là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106061404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2012. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 8 ngày 24 tháng 6 năm 2019. Công ty MEE có trụ sở chính tại số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty MEE là sửa chữa, sản xuất máy biến áp đến 110KV; sản xuất cánh tản nhiệt, phụ kiện máy biến áp; kinh doanh máy biến áp. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty MEE với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh thiết bị điện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty MEE tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty MEE. Trong năm, Tập đoàn đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty MEE tại ngày mua và giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua	
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản đương tiền	80.417.881.891
Các khoản phải thu ngắn hạn	153.619.498.159
Hàng tồn kho	45.574.305.244
Tài sản ngắn hạn khác	12.364.438.584
Tài sản cố định hữu hình	163.129.201.083
Tài sản dài hạn khác	51.971.290.228
	<b>507.076.615.189</b>

Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua	
<b>Nợ phải trả</b>	
Phải trả người bán	157.620.268.983
Vay và nợ	143.824.460.905
Phải trả khác	12.777.725.366
	<b>314.222.455.254</b>
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị tạm tính [a]</b>	<b>192.854.159.935</b>
<b>Cổ đông không kiểm soát [b]</b>	53.181.149.170
<b>Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]</b>	166.685.653.795
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]</b>	<b>306.358.664.560</b>
<b>Trong đó:</b>	
<b>Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua</b>	6.091.200.000
<b>Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối</b>	300.267.464.560
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con</b>	
Tiền thu về từ công ty con	80.417.881.891
Tiền chi để mua công ty con	(6.091.200.000)
<b>Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua</b>	<b>74.326.681.891</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	17.017.355.047	14.390.215.648
Tiền gửi ngân hàng	714.383.841.146	659.909.282.354
Các khoản tương đương tiền (*) (**)	189.571.100.000	249.367.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>920.972.296.193</b>	<b>923.667.098.002</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,1%/năm đến 5,3%/năm.

(\*\*) Một số khoản tương đương tiền đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 22.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính  
kết thúc cùng ngày

## | 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

### 6.1. Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Trái phiếu (i)	844.898.930.400	(*)	-	1.234.131.324.943	(*)	-
Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
Ủy thác đầu tư (iii)	80.192.056.826	50.062.056.826	(30.130.000.000)	152.359.395.764	138.679.395.764	(13.680.000.000)
Chứng khoán niêm yết	42.344.743.018	42.223.940.320	(120.802.698)	127.872.558	10.352.970	(117.519.588)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	(*)	-	556.000.000	(*)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.017.991.730.244</b>		<b>(30.250.802.698)</b>	<b>1.437.174.593.265</b>		<b>(13.797.519.588)</b>

(\*) Do cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tập đoàn chưa thể thuyết minh giá trị hợp lý.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

### 6.1. Chứng khoán kinh doanh

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

Tổ chức phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	207.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 19 tháng 7 năm 2021	10,5%	(*)
	197.221.873.290	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2021	10,3%	(*)
	14.991.534.240	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 11 tháng 6 năm 2021	10,3%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	150.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 29 tháng 8 năm 2020	10,35%	(*)
	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,8%	(*)
	91.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 18 tháng 4 năm 2020	10,85%	(*)
	11.277.152.641	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 30 tháng 7 năm 2021	10,3%	(*)
	73.408.370.229	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 9 tháng 3 năm 2021	10,3%	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>844.898.930.400</b>			
Trong đó				
◦ Trái phiếu của bên liên quan	-			
◦ Trái phiếu của tổ chức khác	844.898.930.400			

(\*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

Tập đoàn phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản mục này.

(ii) Chi tiết các khoản chứng chỉ quỹ như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.000.000.000		- Thời hạn 12 tháng	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.000.000.000</b>			

(iii) Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư như sau

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	80.192.056.826	(30.130.000.000)	Thời hạn không quá 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá khác	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.192.056.826</b>	<b>(30.130.000.000)</b>		

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

### 6.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	81.622.168.495	81.622.168.495	-	159.729.229.165	159.729.229.165	-
Trái phiếu (ii)	126.901.312.336	126.901.312.336	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Ủy thác đầu tư	-	-	-	265.848.782.400	265.848.782.400	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>208.523.480.831</b>	<b>208.523.480.831</b>	<b>-</b>	<b>440.578.011.565</b>	<b>440.578.011.565</b>	<b>-</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,7%/năm.

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

Tổ chức phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	101.829.394.536	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 9 tháng 3 năm 2022	9,5%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	25.071.917.800	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 11 tháng 6 năm 2021	10,5%	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>126.901.312.336</b>			
Trong đó:				
Trái phiếu của bên liên quan	-			
Trái phiếu của tổ chức khác	126.901.312.336			

(\*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

## 7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Tổ chức phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Phải thu từ khách hàng</b>	<b>1.923.874.152.493</b>	<b>1.904.038.395.958</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường</li> <li>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Điện số 5</li> <li>Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh</li> <li>Các khoản phải thu khách hàng khác</li> </ul>	188.194.889.838	206.778.295.075
	131.443.367.670	131.347.390.333
	90.128.758.113	122.063.764.217
	1.514.107.136.872	1.443.848.946.333
<b>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	<b>132.398.961.675</b>	<b>124.845.435.214</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.056.273.114.168</b>	<b>2.028.883.831.172</b>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(196.821.961.300)</b>	<b>(204.113.923.665)</b>

Một số quyền thụ hưởng các khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 22.1.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền đặt cọc/ hợp tác kinh doanh mua cổ phần (i)	1.066.093.950.000	-	855.603.950.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	161.051.147.506	(1.430.246.060)	53.109.364.258	(1.430.246.060)
o Ký quỹ, ký cược	121.073.979.302	-	67.203.898.039	-
o Phải thu tiền lãi từ hoạt động đầu tư	46.393.498.369	(135.000.000)	50.758.469.850	(94.500.000)
o Phải thu khác	65.497.399.176	(5.683.469.324)	66.945.749.619	(3.027.114.324)
	<b>1.460.109.974.353</b>	<b>(7.248.715.384)</b>	<b>1.093.621.431.766</b>	<b>(4.551.860.384)</b>

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn chủ yếu bao gồm:

- Các khoản đặt cọc với số tiền là 586 tỷ VND cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện.
- Các khoản đặt cọc và hợp tác kinh doanh với số tiền là 380 tỷ VND cho một số cá nhân và tổ chức doanh nghiệp để mua cổ phần của một số công ty trong lĩnh vực năng lượng.

Trong trường hợp giao dịch không thực hiện thành công, Tập đoàn sẽ nhận lại toàn bộ số tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh cùng một khoản lãi theo lãi suất 10%/năm tính trên số tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh.

## 9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.288.046.487	-	106.348.046.487	-
Các khoản khác	111.219.805.621	630.493.335	122.763.575.658	8.839.147.006
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>217.507.852.108</b>	<b>630.493.335</b>	<b>229.111.622.145</b>	<b>8.839.147.006</b>

## 10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế	1.056.989.217.578	(10.988.669.963)	771.777.340.892	(3.243.290.245)
Thành phẩm	1.034.973.945.606	(9.748.764.541)	793.361.053.032	(17.203.245.993)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	409.817.090.001	-	346.125.001.737	(652.386.373)
Hàng mua đang đi đường	152.162.309.944	-	187.644.269.464	-
Hàng hoá	33.662.332.112	-	25.249.473.568	-
Công cụ, dụng cụ	3.741.564.985	-	5.653.019.425	-
Hàng gửi bán	8.327.534.072	-	2.415.318.465	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.699.673.994.298</b>	<b>(20.737.434.504)</b>	<b>2.132.225.476.583</b>	<b>(21.098.922.611)</b>

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay và của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.098.922.611	14.670.733.782
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	2.459.683.954
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	18.622.747.750	21.436.052.956
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(18.984.235.857)	(17.467.548.081)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.737.434.504</b>	<b>21.098.922.611</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính  
kết thúc cùng ngày

## | 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	3.872.344.847.438	2.439.131.696.603	954.770.491.139	41.924.978.034	<b>7.308.172.013.214</b>
◦ Mua trong năm	2.083.468.014	47.574.144.382	41.186.835.597	2.636.270.438	<b>93.480.718.431</b>
◦ Đầu tư XDCB hoàn thành	799.725.195.514	1.206.830.955.339	80.117.070.049	219.826.178	<b>2.086.893.047.080</b>
◦ Phân loại lại	-	(1.064.928.508)	-	1.064.928.508	-
◦ Thanh lý, nhượng bán	(10.529.308.432)	(14.085.300.836)	(23.644.843.634)	(2.410.425.083)	<b>(50.669.877.985)</b>
◦ Giảm do thoái vốn tại công ty con	(6.172.496.017)	(3.256.863.830)	(721.359.750)	(110.567.904)	<b>(10.261.287.501)</b>
Số cuối năm	4.657.451.706.517	3.675.129.703.150	1.051.708.193.401	43.325.010.171	<b>9.427.614.613.239</b>
<b>Trong đó:</b>					
◦ Đã khấu hao hết	324.072.612.056	574.787.027.521	463.513.597.800	14.702.177.626	<b>1.377.075.415.003</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	1.491.238.230.556	1.185.107.697.063	650.229.206.899	24.343.668.186	<b>3.350.918.802.704</b>
◦ Khấu hao trong năm	168.816.516.153	228.917.699.093	63.113.695.282	3.754.207.390	<b>464.602.117.918</b>
◦ Phân loại lại	-	(316.794.822)	-	316.794.822	-
◦ Thanh lý, nhượng bán	(9.645.863.290)	(13.128.565.372)	(21.840.669.015)	(1.939.724.507)	<b>(46.554.822.184)</b>
◦ Giảm do thoái vốn tại công ty con	(6.526.808.776)	(2.452.415.004)	(415.841.774)	(103.652.028)	<b>(9.498.717.582)</b>
Số cuối năm	1.643.882.074.643	1.398.127.620.958	691.086.391.392	26.371.293.863	<b>3.759.467.380.856</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	2.381.106.616.882	1.254.023.999.540	304.541.284.240	17.581.309.848	<b>3.957.253.210.510</b>
Số cuối năm	3.013.569.631.874	2.277.002.082.192	360.621.802.009	16.953.716.308	<b>5.668.147.232.383</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mặt nước	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	147.936.479.652	384.184.174.786	13.833.977.171	<b>545.954.631.609</b>
◦ Mua trong năm	-	-	1.035.482.000	<b>1.035.482.000</b>
◦ Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	1.758.746.000	<b>1.758.746.000</b>
◦ Thanh lý, nhượng bán	-	-	(760.578.779)	<b>(760.578.779)</b>
Số cuối năm	147.936.479.652	384.184.174.786	15.867.626.392	<b>547.988.280.830</b>
<b>Trong đó:</b>				
◦ Đã hao mòn hết	-	-	6.978.330.868	<b>6.978.330.868</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	10.897.971.001	8.124.473.090	9.153.941.044	<b>28.176.385.135</b>
◦ Hao mòn trong năm	764.869.293	10.783.391.556	1.592.272.357	<b>13.140.533.206</b>
◦ Thanh lý, nhượng bán	-	-	(400.578.780)	<b>(400.578.780)</b>
Số cuối năm	11.662.840.294	18.907.864.646	10.345.634.621	<b>40.916.339.561</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	137.038.508.651	376.059.701.696	4.680.036.127	<b>517.778.246.474</b>
Số cuối năm	136.273.639.358	365.276.310.140	5.521.991.771	<b>507.071.941.269</b>

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

## 13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác (*)	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	179.830.838.201	101.586.313.683	<b>281.417.151.884</b>
Số cuối năm	179.830.838.201	101.586.313.683	<b>281.417.151.884</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	16.157.158.620	32.260.461.441	<b>48.417.620.061</b>
◦ Khấu hao trong năm	3.752.793.499	10.418.724.840	<b>14.171.518.339</b>
Số cuối năm	19.909.952.119	42.679.186.281	<b>62.589.138.400</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	163.673.679.581	69.325.852.242	<b>232.999.531.823</b>
Số cuối năm	159.920.886.082	58.907.127.402	<b>218.828.013.484</b>

(\*) Đây là máy móc thiết bị gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

## 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương (*)	127.443.482.364	127.443.482.364
Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông	109.447.874.442	510.228.526.193
Dự án nhà máy sản xuất dây cáp điện tại Cadivi Miền Bắc	52.367.247.149	-
Chi phí liên quan đến cấp phép chứng chỉ ASTA	42.662.785.190	-
Dự án nâng cấp cảng Long Bình	29.955.346.165	-
Máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	20.963.350.069	62.418.489.531
Dự án nâng cao năng lực sản xuất cáp trung thế ngầm tại Nhà máy Cadivi Sài Gòn	17.809.936.740	-
Dự án nâng cao năng lực sản xuất tại Nhà máy Cadivi Miền Trung	-	104.743.314.342
Dự án điện mặt trời Ninh Thuận	-	166.411.961.023
Xây dựng cơ bản dở dang khác	125.387.068.342	68.920.871.207
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>526.037.090.461</b>	<b>1.040.166.644.660</b>

(\*) Đây là tiền sử dụng đất cho diện tích 5.092 m<sup>2</sup> tại đường Kinh Dương Vương, phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam, công ty con của Tập đoàn, đã tạm nộp vào ngân sách Nhà nước.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	4.264.571.809.545	-	4.264.571.809.545	1.552.461.933.298	-	1.552.461.933.298
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	54.937.000.940	(10.172.312.950)	44.764.687.990	7.229.751.878	-	7.229.751.878
Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 15.3)	60.436.078.856	-	60.436.078.856	179.214.601.370	-	179.214.601.370
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.379.944.889.341</b>	<b>(10.172.312.950)</b>	<b>4.369.772.576.391</b>	<b>1.738.906.286.546</b>	<b>-</b>	<b>1.738.906.286.546</b>

### 15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH SCI Nghệ An (i)	49,00	49,00	49,00	49,00
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT (ii)	45,00	36,35	45,00	36,35
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iii)	(*) 27,39	50,00	(*) 27,39	50,00
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iv)	(*) 27,39	50,00	(*) 27,39	50,00
Công ty TNHH SAS CTAMAD (v)	(*) 26,95	35,00	(*) 23,14	35,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (Sowatco - Eco 747) (vi)	(*) 22,65	49,00	(*) 22,65	49,00
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT) (vii)	(*) 17,10	37,00	(*) 17,10	37,00
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco - Sotrans (viii)	(*) 13,42	24,50	(*) 13,42	24,50
Công ty Cổ phần MHC (ix)	(*) 12,60	23,00	(*) 12,60	23,00
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (Sowatcoser) (x)	(*) 12,14	26,27	(*) 12,10	26,27
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (xi)	(*) 19,99	24,95	19,59	24,95
Tổng Công ty Viglacera – CTCP (xii) (**)	24,96	24,96	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (xiii) (**)	20,25	20,25	-	-

(\*) Đây là tỷ lệ lợi ích gián tiếp mà Tổng Công ty nắm giữ thông qua các công ty con (mà Tổng Công ty không sở hữu 100% vốn) và theo đó, khác biệt so với tỷ lệ biểu quyết trực tiếp tại các công ty liên kết này.

(\*\*) Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của các công ty liên kết này tại ngày mua.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

**(i) Công ty TNHH SCI Nghệ An** được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2901147160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: bản Huồi Thờ, xã Hữu Kiem, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng các công trình nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện.

**(ii) Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT** là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn giấy phép (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên kết này không đổi.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

**(iii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO** là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312576215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 16, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh dịch vụ bất động sản.

**(iv) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier** là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313877800 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh bất động sản.

**(v) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD** là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

**(vi) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747** là một công ty cổ phần được thành lập theo

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2900751997 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 161/1 Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

**(vii) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1** là một công ty liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại đường A5, khu phố 5, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.

**(viii) Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco - Sotrans** là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 55-57, đường Nguyễn Văn Giai, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ.

**(ix) Công ty Cổ phần MHC** là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100793715 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các Giấy Chứng Nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại tầng 8, số 52 phố Lê Đại

Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa.

**(x) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam** là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303215396 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 38 Tôn Thất Thuyết, phường 15, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

**(xi) Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần** được chuyển đổi từ Công ty Sản xuất thiết bị điện, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Quyết định số 140/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103008085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 1 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Tổng Công ty này có trụ sở chính tại 189 Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất máy biến áp truyền tải, máy biến áp trung gian, máy biến áp phân phối và thiết bị điện khác.

**(xii) Tổng Công ty Viglacera** – Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Sau đó, Tổng Công ty Viglacera được cổ phần hóa theo Quyết định số 2343/QĐ-TTg ngày 2 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng

7 năm 2014 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Tổng Công ty Viglacera cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 6 tháng 2 năm 2018. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty Viglacera là sản xuất sản phẩm kính, sứ vệ sinh, kinh doanh bất động sản, quản lý vận hành khu công nghiệp và xây lắp.

Tổng Công ty Viglacera đã thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính theo báo cáo quyết toán vốn Nhà nước trình Bộ Xây dựng và điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước do Kiểm toán Nhà nước ban hành tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần ngày 28 tháng 2 năm 2019. Tại thời điểm hiện tại, Tổng Công ty Viglacera đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục để trình Bộ Xây dựng xem xét phê duyệt quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**(xiii) Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai** tiền thân là Cảng Đồng Nai, một xí nghiệp trực thuộc Sở Giao thông Vận tải được thành lập theo Quyết định số 714/QĐUBT ngày 6 tháng 6 năm 1989 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai. Sau đó, Công ty Cảng Đồng Nai được cổ phần hóa theo Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2003 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 4 tháng 1 năm 2006. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau này. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai là kinh doanh dịch vụ cảng biển.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính  
kết thúc cùng ngày

## | 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 15.1. Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Mua công ty liên kết trong năm	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết trong năm	Phân phối quỹ và các điều chỉnh khác	Cổ tức được chia trong năm	Số cuối năm
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	482.547.944.294	-	23.543.242.875	(1.056.965.377)	(9.053.260.221)	495.980.961.571
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	362.671.363.763	-	4.623.902.447		(21.892.362.235)	345.402.903.975
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	292.301.423.784	-	51.840.587.317	(527.124.091)	(50.051.932.438)	293.562.954.572
Công ty TNHH SCI Nghệ An	155.741.560.852	-	(9.991.940.153)		-	145.749.620.699
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	128.186.087.477	-	26.208.053.470		-	154.394.140.947
Công ty Cổ phần MHC	107.916.169.445	-	1.397.741.408		-	109.313.910.853
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	9.976.853.472	-	(621.353)		-	9.976.232.119
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	9.942.297.601	-	(2.931.147)		-	9.939.366.454
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	3.178.232.610	-	(1.508.750)		-	3.176.723.860
Tổng Công ty Viglacera – Công ty Cổ phần	-	2.440.507.089.000	123.155.760.547	(14.277.030.730)	(111.927.600.000)	2.437.458.218.817
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	247.871.250.000	20.791.561.380	(2.796.035.702)	(6.250.000.000)	259.616.775.678
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.552.461.933.298</b>	<b>2.688.378.339.000</b>	<b>241.563.848.041</b>	<b>(18.657.155.900)</b>	<b>(199.175.154.894)</b>	<b>4.264.571.809.545</b>

### 15.2. Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Viwaco	49.947.195.000	(10.172.312.950)	39.774.882.050	-	-	-
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	-	-	-	2.239.945.938	-	2.239.945.938
Các đơn vị khác	4.989.805.940	-	4.989.805.940	4.989.805.940	-	4.989.805.940
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.937.000.940</b>	<b>(10.172.312.950)</b>	<b>44.764.687.990</b>	<b>7.229.751.878</b>	<b>-</b>	<b>7.229.751.878</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 15.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	9.487.914.476	9.487.914.476	11.113.300.000	11.113.300.000
Đầu tư trái phiếu (ii)	50.948.164.380	50.948.164.380	168.101.301.370	168.101.301.370
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.436.078.856</b>	<b>60.436.078.856</b>	<b>179.214.601.370</b>	<b>179.214.601.370</b>

(i) Là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn trên 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

Tổ chức phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	30.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 30 tháng 7 năm 2021	10,5%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	20.948.164.380	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2021	10,4%	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.948.164.380</b>			
Trong đó				
◦ Trái phiếu của bên liên quan	-			
◦ Trái phiếu của tổ chức khác	50.948.164.380			

(\*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

## 16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất trả trước (*)	374.689.340.314	389.276.550.507
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án	60.334.391.610	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.259.952.354	23.320.411.821
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	14.603.995.488	7.672.782.856
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	11.142.164.848	11.675.788.012
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	14.848.078.021	10.679.164.392
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.202.913.794	19.744.900.037
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>531.080.836.429</b>	<b>462.369.597.625</b>

(\*) Một số quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Công ty Sotrans	Công ty Phú Thạnh Mỹ	Công ty Vihem (*)	Công ty Viwasupco	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	Công ty Thibidi	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>							
Số đầu năm	506.460.632.541	70.494.847.878	25.224.721.413	504.004.198.650	166.685.653.795	32.629.220.995	<b>1.305.499.275.272</b>
Số cuối năm	506.460.632.541	70.494.847.878	25.224.721.413	504.004.198.650	166.685.653.795	32.629.220.995	<b>1.305.499.275.272</b>
<b>Phân bổ lũy kế:</b>							
Số đầu năm	(88.630.610.695)	(12.924.055.445)	(3.783.708.212)	(37.800.314.899)	-	(6.525.844.200)	<b>(149.664.533.451)</b>
Phân bổ trong năm	(50.646.063.254)	(7.049.484.788)	(2.522.472.141)	(50.400.419.865)	(16.668.565.380)	(3.262.922.100)	<b>(130.549.927.528)</b>
Số cuối năm	(139.276.673.949)	(19.973.540.233)	(6.306.180.353)	(88.200.734.764)	(16.668.565.380)	(9.788.766.300)	<b>(280.214.460.979)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm	417.830.021.846	57.570.792.433	21.441.013.201	466.203.883.751	166.685.653.795	26.103.376.795	<b>1.155.834.741.821</b>
Số cuối năm	367.183.958.592	50.521.307.645	18.918.541.060	415.803.463.886	150.017.088.415	22.840.454.695	<b>1.025.284.814.293</b>

(\*) Trong tháng 4 năm 2019, Công ty Vihem đã được sáp nhập vào Công ty HEM.

## 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán</b>	1.099.833.439.252	1.099.847.497.132	1.825.394.655.052	1.825.394.655.052
o Công ty Mitsui & Co., Ltd	220.751.172.787	220.751.172.787	152.877.856.052	152.877.856.052
o Công ty LS Nikko Cooper Inc	101.425.278.187	101.425.278.187	936.161.405.673	936.161.405.673
o Phải trả đối tượng khác	777.656.988.278	777.671.046.158	736.355.393.327	736.355.393.327
<b>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	33.052.432.203	33.038.374.323	221.463.184.619	221.463.184.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.132.885.871.455</b>	<b>1.132.885.871.455</b>	<b>2.046.857.839.671</b>	<b>2.046.857.839.671</b>

## 19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Thuế giá trị gia tăng</b>	19.329.511.076	823.227.153.919	(805.112.554.994)	37.444.110.001
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	101.874.153.111	262.065.742.996	(296.510.737.350)	67.429.158.757
<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	9.639.164.680	60.101.167.774	(59.265.056.043)	10.475.276.411
<b>Thuế đất</b>	-	29.460.725.338	(29.460.725.338)	-
<b>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</b>	19.934.976.732	55.086.688.109	(50.170.433.589)	24.851.231.252
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.777.805.599</b>	<b>1.229.941.478.136</b>	<b>(1.240.519.507.314)</b>	<b>140.199.776.421</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, trả nợ vay trước hạn	100.226.134.280	28.385.502.177
Chi phí phát hành trái phiếu	26.084.126.055	-
Phí thanh toán trả chậm, phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	11.679.546.204	2.787.733.967
Chi phí thưởng cho khách hàng	11.033.853.329	1.846.071.787
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	1.192.473.000	7.013.274.000
Chi phí phải trả khác	26.000.571.087	21.683.412.427
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.216.703.955</b>	<b>61.715.994.358</b>

## 21. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng (i)	1.537.410.577.715	90.447.835.282
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	53.034.442.737	103.868.260.017
Nhận tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng chuyển nhượng các khoản đầu tư	39.940.000.000	39.940.000.000
Nhận đặt cọc thực hiện dự án	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả liên quan đến dịch vụ xuất khẩu lao động	15.168.354.687	25.960.697.748
Cổ tức phải trả	8.852.030.470	7.745.748.219
Chứng quyền đặt mua	-	18.000.000.000
Khác	49.156.467.132	67.440.326.866
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.763.561.872.741</b>	<b>413.402.868.132</b>

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	39.269.794.209	36.151.111.022
Khác	681.766.600	502.126.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.951.560.809</b>	<b>36.653.237.222</b>
<b>Trong đó:</b>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải trả các bên khác	1.763.513.433.550	410.056.105.354

(i) Liên quan tới nghiệp vụ mua nguyên vật liệu và thanh toán qua LC với ngân hàng. Các thư tín dụng này lãi suất từ 3,21%/năm đến 6,00%/năm đối với thư tín dụng quốc tế, và có lãi suất từ 7,00%/năm đến 7,60%/năm đối với thư tín dụng nội địa, thư tín dụng cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 6 năm 2020.

(ii) Bao gồm chủ yếu là các khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 9,6%/năm.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng	22.1	2.278.293.687.953	2.278.293.687.953	10.654.642.341.808	(10.268.440.960.595)	2.664.495.069.166	2.664.495.069.166
Vay từ đối tượng khác	22.3	122.747.979.500	122.747.979.500	2.486.114.349.993	(2.471.103.390.713)	137.758.938.780	137.758.938.780
Trái phiếu ngắn hạn	22.4	-	-	199.872.777.781	-	199.872.777.781	199.872.777.781
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	22.4	1.198.834.999.993	1.198.834.999.993	806.258.393.488	(1.199.000.000.000)	806.093.393.481	806.093.393.481
Vay dài hạn đến hạn trả	22.2	142.040.264.088	142.040.264.088	200.805.211.002	(142.211.104.427)	200.634.370.663	200.634.370.663
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.741.916.931.534</b>	<b>3.741.916.931.534</b>	<b>14.347.693.074.072</b>	<b>(14.080.755.455.735)</b>	<b>4.008.854.549.871</b>	<b>4.008.854.549.871</b>
<b>Vay và nợ dài hạn</b>							
Vay ngân hàng	22.2	1.399.672.556.063	1.399.672.556.063	1.286.816.514.174	(957.157.942.276)	1.729.331.127.961	1.729.331.127.961
Vay đối tượng khác		-	-	400.000.000.000	(400.000.000.000)	-	-
Trái phiếu	22.4	732.073.608.451	732.073.608.451	2.956.642.358.225	(856.093.393.481)	2.832.622.573.195	2.832.622.573.195
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.131.746.164.514</b>	<b>2.131.746.164.514</b>	<b>4.643.458.872.399</b>	<b>(2.213.251.335.757)</b>	<b>4.561.953.701.156</b>	<b>4.561.953.701.156</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính  
kết thúc cùng ngày

## | 22. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

### 22.1. Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa – Đồng Nai	499.001.923.540	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 6 năm 2020	4,5% - 6,8%	Tài sản là một số nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty THIBIDI
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai	310.309.864.659	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 3 tháng 2 năm 2020	5,7%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	275.649.968.868	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 2 năm 2020	5,7% - 5,8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đồng Nai	149.638.090.510	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 6 năm 2020	3,9% - 6,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1	125.999.946.637	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 5 năm 2020	6,6% - 7,9%	Tín chấp
	119.566.543.850	Kỳ hạn vay 3 - 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 5 năm 2020	6,6%	Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị và hợp đồng tiền gửi của Công ty GELEX EMIC
	87.401.859.983	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 13 tháng 5 năm 2020	6,6% - 7,9%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty GELEX Electric
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	117.427.645.131	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 3 năm 2020	5,6% - 5,7%	Tín chấp
Ngân hàng Siam Commercial Bank Public Company Limited – Thành phố Hồ Chí Minh	106.083.847.500	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 3 năm 2020	5,3% - 5,65%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh	104.188.094.030	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2020	7,7%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế mua bán máy biến áp, nguyên vật liệu và hợp đồng tiền gửi với giá trị 10 tỷ đồng của công ty MEE

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 22. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

### 22.1. Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn	97.674.312.526	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 2 năm 2020	5,2%	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	93.194.341.002	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 11 tháng 2 năm 2020	5,6%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đông Anh	88.191.553.321	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 19 tháng 6 năm 2020	4,3% - 8,7%	Tài sản là một số máy móc, thiết bị, quyền phải thu và các hợp đồng tiền gửi với tổng giá trị 5,2 tỷ đồng của Công ty MEE
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Nai	74.784.595.769	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 11 tháng 4 năm 2020	6,7%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	67.014.352.016	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 6 năm 2020	6,5%	Tài sản là nhà máy, nhà xưởng của Công ty HEM
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	58.278.312.417	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 2 năm 2020	5,6%	Tín chấp
	55.819.102.301	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 3 năm 2020	5,0%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	53.100.058.939	Kỳ hạn vay 3 – 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 5 năm 2020	7,8% - 8,0%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng Bank of China Hong Kong – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	50.000.000.000	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 3 năm 2020	5,1%	Tín chấp
Các ngân hàng khác	131.170.656.167	Kỳ hạn vay không quá 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2020	5,5% - 8,4%	Tín chấp hoặc được đảm bảo bằng một số tài sản của Tập đoàn
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.664.495.069.166</b>			

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính  
kết thúc cùng ngày

## | 22. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

### 22.2. Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam</b>	773.464.823.000	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	6,9% - 11%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ</b>	355.848.425.796	Thời hạn vay tối đa là 216 tháng, đáo hạn lần cuối vào tháng 11 năm 2036. Gốc và lãi vay trả hàng quý	8,4% - 8,9%	Tài sản thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, Giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m3 và tài sản mua sử dụng cho Giai đoạn I Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây- Hòa Lạc- Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông với công suất 300.000 m3
<b>Ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>	263.135.156.885	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 10 tháng 12 năm 2026. Lãi vay trả 3 tháng 1 lần	7,11% - 8,71%	Tất cả các tài khoản thanh toán hiện tại và tương lai tại ngân hàng Standard Chartered và máy móc, nhà xưởng được tài trợ bởi khoản vay, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tòa nhà CADIVI Tower của Công ty CADIVI
<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>	107.784.435.107	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 18 tháng 10 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng	9,4% - 9,59%	Quyền sử dụng đất đai tại đường số 2, Khu công nghiệp Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và máy móc thiết bị tại nhà máy Miền Trung của Công ty CADIVI
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam</b>	100.150.000.000	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 13 tháng 9 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng	9,8% - 10,5%	Toàn bộ số dư và tài khoản tiền gửi, quyền sử dụng mặt nước, quyền khai thác tài nguyên của Công ty Phú Thạnh Mỹ
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy</b>	70.010.566.192	Thời gian cho vay là 216 tháng. Gốc vay đáo hạn lần cuối vào tháng 2 năm 2034. Gốc và lãi vay trả hàng quý	9,4% - 9,5%	Tài sản thuộc Phân kỳ 1 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, Giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m3
<b>Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") và Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF)</b>	55.213.289.100	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2041. Lãi vay trả 6 tháng một lần	1% - 1,5%	Một số phương tiện vận tải và hợp đồng tiền gửi với giá trị 50 tỷ VND thuộc sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam
<b>Các ngân hàng khác</b>	204.358.802.544	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 5 tháng 9 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng, quý hoặc 6 tháng một lần	8,8 - 10,7%	Đảm bảo bằng một số tài sản của Tập đoàn
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.929.965.498.624</b>			
<b>Trong đó:</b>				
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	200.634.370.663			
<b>Vay dài hạn</b>	1.729.331.127.961			

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 22. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

### 22.3. Các khoản vay từ đối tượng khác

Các khoản vay ngắn hạn đối tượng khác bao gồm:

- 118.739.938.780 VND là các khoản vay từ một số tổ chức doanh nghiệp có kỳ hạn dưới 12 tháng, đáo hạn từ ngày 31 tháng 1 năm 2020 đến ngày 24 tháng 3 năm 2020, có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu CAV (Công ty CADIVI), DDV (Công ty cổ phần DAP - VINACHEM), S99 (Công ty Cổ phần SCI) sở hữu bởi Công ty GELEX Electric; và
- 19.019.000.000 VND là các khoản vay tín chấp từ cán bộ công nhân viên các công ty con có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 5,5%/năm đến 9,5%/năm.

### 22.4. Trái phiếu phát hành

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
<b>Ngắn hạn</b>						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của công ty con (*)	200.000.000.000	10,5%	Đáo hạn ngày 7 tháng 3 năm 2020	-		
Chi phí phát hành trái phiếu	(127.222.219)			-		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>199.872.777.781</b>			<b>-</b>		
<b>Dài hạn</b>						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 12 năm 2019 (**)	1.150.000.000.000	6,95%	Đáo hạn tháng 12 năm 2029	-	-	-
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 5 năm 2018 (***)	400.000.000.000	6,5% - 9,5%	Đáo hạn tháng 5 năm 2020	400.000.000.000	6,5% - 9,5%	Đáo hạn vào tháng 5 năm 2020
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 4 năm 2018 (****)	300.000.000.000	9,5%	Đáo hạn tháng 4 năm 2020	300.000.000.000	9,5%	Đáo hạn vào tháng 4 năm 2020
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của công ty con (*****)	1.850.000.000.000	6,5% - 10,5%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 8 năm 2022	169.000.000.000	10,1% - 10,3%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2021
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 12 năm 2016	-	-	-	1.080.000.000.000	9,3% - 9,7%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2019
Chi phí phát hành trái phiếu	(61.284.033.324)			(18.091.391.556)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.638.715.966.676</b>			<b>1.930.908.608.444</b>		
<b>Trong đó:</b>						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	806.093.393.481			1.198.834.999.993		
Trái phiếu dài hạn	2.832.622.573.195			732.073.608.451		

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 22. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

### 22.4. Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2019/HĐĐM/HEM-MIC giữa Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”) và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ký ngày 6 tháng 3 năm 2019, theo đó, Công ty HEM đã phát hành 150 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 150 tỷ.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 02/2019/HĐĐM/HEM-MBC giữa Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”) và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ký ngày 6 tháng 3 năm 2019, theo đó, Công ty HEM đã phát hành 50 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 50 tỷ.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm 13.000.000 cổ phiếu THI (Công ty Thibidi) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn.

**(\*\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã phát hành 1.150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất cố định 6,95%/năm, có kỳ hạn 10 năm, ngày đáo hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2029 và được bảo lãnh thanh toán bởi Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), một quỹ đầu tư và bảo lãnh tín dụng của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Chi tiết các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:**

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 310 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 310 tỷ VND.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 300 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND.

(iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm AIA Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 170 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 170 tỷ VND.

(iv) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Dai-ichi Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 150 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 150 tỷ VND.

(v) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Generali Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

(vi) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 90 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 90 tỷ VND.

(vii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 30 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 30 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm 18.000.000 cổ phiếu THI (Công ty Thibidi) và 18.200.000 cổ phiếu CAV (Công ty Cadivi) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn.

**(\*\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:**

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 005/2018/GELEX-SHBVN giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 004/2018/GELEX-HANABANK giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Keb Hana

ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

(iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 006/2018/GELEX-SSV giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm 41.670.000 cổ phiếu STG (Công ty Sotrans) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Logistics, công ty con của Tập đoàn.

**(\*\*\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:**

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐMTP/GELEX-HAIAN và số 02/2018/HĐĐMTP/GELEX-HAIAN giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ký ngày 2 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 18.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, công ty con của Tập đoàn.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐM/GELEX-DC và số 02/2018/HĐĐM/GELEX-DC giữa Tổng Công ty và Quỹ đầu tư Vietnam Debt Fund SPC ký ngày 11 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm 9.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, công ty con của Tập đoàn.

**(\*\*\*\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:**

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 0103/2019/HĐĐMTP/TPBANK-THI giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”) và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Hội sở chính ký ngày 1 tháng 3 năm 2019 với kỳ hạn từ 3 năm, theo đó, Công ty Thibidi đã phát hành 5.500 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 550 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm tài sản gắn liền với đất, các lợi ích hợp pháp phát sinh từ quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Long Đức, 1.500.000 cổ phiếu TBD (Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh) thuộc sở hữu của Công ty Thibidi và 19.500.000 cổ phiếu CAV (Công ty

Cadivi) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 3107/GELEX-MSB giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX (“Gelex Electric”) [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị Điện GELEX] và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch ký ngày 31 tháng 7 năm 2019 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty Gelex Electric đã phát hành 400 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 400 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm 24.242.245 cổ phiếu HEM (Công ty HEM) và 24.000.000 cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera – CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn.

**(\*\*\*\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau (tiếp theo):**

(iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 25.09/2019/HĐĐM/GELEXELECTRIC-HANABANK giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX (“Gelex Electric”) và Ngân hàng KEB HANA – Chi nhánh Hà Nội ký ngày 25 tháng 9 năm 2019, theo đó, Công ty Gelex Electric đã phát hành 4.000 trái phiếu không chuyển đổi kỳ hạn 2 năm với tổng mệnh giá là 400 tỷ VND.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 10.10/2019/HĐĐM/GELEXELECTRIC-MAS ký ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Hợp đồng bổ sung số 01/24.10/2019/HĐBS-HĐĐM/GELEXELECTRIC-MAS ký ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX (“Gelex Electric”) và Công ty TNHH chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam), theo đó, Công ty Gelex Electric đã phát hành 4.000 trái phiếu không chuyển đổi kỳ hạn 2 năm với tổng mệnh giá là 400 tỷ VND.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 23.10/2019/HĐĐM/GELEXELECTRIC-KIM và 23.10/2019/HĐĐM/GELEXELECTRIC-KOIC giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX (“Gelex Electric”) và Quỹ KIM VIETNAM IPO BALANCED FUND; Quỹ KIM KOIC VIETNAM IPO PRIVATE FUND ký ngày 23 tháng 10 năm 2019, theo đó, Công ty Gelex Electric đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi kỳ hạn 2 năm với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm 72.000.000 cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera – CTCP) thuộc sở hữu của Tổng Công ty và Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính  
kết thúc cùng ngày

## | 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>								
Số đầu năm	2.668.000.000.000	622.337.724.760	77.388.963.577	48.866.128	77.023.242.245	785.974.270.959	1.915.810.706.293	6.146.583.773.962
◦ Tăng vốn	720.000.000.000	547.112.000.000	-	-	-	-	-	1.267.112.000.000
◦ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	677.600.000.000	(622.337.724.760)	-	-	-	(55.262.275.240)	-	-
◦ Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	942.442.353.541	341.041.003.682	1.283.483.357.223
◦ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(338.800.000.000)	(133.055.680.087)	(471.855.680.087)
◦ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(62.478.597.060)	(20.273.691.875)	(82.752.288.935)
◦ Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(892.400.030)	(780.199.970)	(1.672.600.000)
◦ Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(353.286.749.850)	(310.013.443.266)	(663.300.193.116)
◦ Công ty con mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(77.012.608.188)	(147.429.004.996)	(224.441.613.184)
◦ Giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	5.912.660.882	(5.912.660.882)	-
◦ Mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	883.351.014.521	883.351.014.521
◦ Thanh lý công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	(180.370.556.482)	(180.370.556.482)
◦ Tăng khác	-	-	-	187.165.723	-	-	-	187.165.723
Số cuối năm	4.065.600.000.000	547.112.000.000	77.388.963.577	236.031.851	77.023.242.245	846.596.655.014	2.342.367.486.938	7.956.324.379.625

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>								
Số đầu năm	4.065.600.000.000	547.112.000.000	77.388.963.577	236.031.851	77.023.242.245	846.596.655.014	2.342.367.486.938	7.956.324.379.625
o Tăng vốn (*)	180.000.000.000	66.457.000.000	-	-	-	-	-	246.457.000.000
o Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (**)	636.840.000.000	(547.112.000.000)	-	-	-	(89.728.000.000)	-	-
o Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	634.682.131.108	217.784.539.635	852.466.670.743
o Chia cổ tức (***)	-	-	-	-	-	-	(171.605.669.729)	(171.605.669.729)
o Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	-	-	(25.211.401.443)	(6.062.180.360)	(31.273.581.803)
o Thù lao HĐQT (***)	-	-	-	-	-	(1.230.568.961)	(1.407.417.705)	(2.637.986.666)
o Công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu (****)	-	-	70.199.970.000	-	-	(70.199.970.000)	-	-
o Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(103.961.187.259)	(143.096.375.338)	(247.057.562.597)
o Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con do sáp nhập	-	-	-	-	-	13.299.745.389	(13.299.745.389)	-
o Góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	8.403.000.000	8.403.000.000
o Thoái vốn tại công ty con trong năm	-	-	-	(236.031.851)	-	(717.754.542)	65.618.704.542	64.664.918.149
o Công ty con mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(2.951.755.793)	(3.268.246.942)	(6.220.002.735)
- Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	(21.792.700)	(25.051.091)	(46.843.791)
Số cuối năm	4.882.440.000.000	66.457.000.000	147.588.933.577	-	77.023.242.245	1.200.556.100.813	2.295.409.044.561	8.669.474.321.196

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 23.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 16/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phần của chứng quyền đợt 2 trong đó Tổng Công ty đã phát hành thêm 18.000.000 cổ phần tương ứng với việc thực hiện quyền mua cổ phần của 360 chứng quyền với mức giá 12.700 VND/cổ phiếu. Theo đó, thặng dư vốn cổ phần tăng thêm với số tiền là 66,5 tỷ VND (đã trừ đi các chi phí phát hành), trong đó 48,5 tỷ VND là tiền thu từ tăng vốn và 18 tỷ VND là tiền thu khi phát hành chứng quyền từ năm trước.

(\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại số 11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 30/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã quyết định phát hành thêm 63.684.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(\*\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên của các công ty con, Tập đoàn đã trích thủ lao Hội đồng quản trị, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền trong năm.

(\*\*\*\*) Trong năm, Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam, công ty con của Tập đoàn đã phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 23.2. Cổ tức bằng tiền

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</b>		
Cổ tức cho năm 2018	-	338.800.000.000
Cổ tức cho năm 2019	-	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	-	-

### 23.3. Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	488.244.000	4.882.440.000.000	406.560.000	4.065.600.000.000
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	488.244.000	4.882.440.000.000	406.560.000	4.065.600.000.000
◦ Cổ phiếu phổ thông	488.244.000	4.882.440.000.000	406.560.000	4.065.600.000.000
◦ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-	-
◦ Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
◦ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	488.244.000	4.882.440.000.000	406.560.000	4.065.600.000.000
◦ Cổ phiếu phổ thông	488.244.000	4.882.440.000.000	406.560.000	4.065.600.000.000
◦ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 24. DOANH THU

### 24.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>15.440.420.151.460</b>	<b>13.828.715.331.881</b>
Trong đó:		
o Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	12.792.741.452.779	11.441.227.412.630
o Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	1.638.316.230.325	1.573.042.069.970
o Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	712.347.715.637	525.725.301.857
o Doanh thu khác	297.014.752.719	288.720.547.424
Các khoản giảm trừ doanh thu	(125.434.232.938)	(129.585.819.594)
Chiết khấu thương mại	(119.824.025.975)	(121.786.687.411)
Hàng bán bị trả lại	(5.610.206.963)	(7.799.132.183)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>15.314.985.918.522</b>	<b>13.699.129.512.287</b>
Trong đó:		
o Doanh thu đối với bên khác	14.757.477.853.717	13.275.512.939.632
o Doanh thu đối với bên liên quan (thuyết minh số 31)	557.508.064.805	423.616.572.655

### 24.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	127.965.937.058	162.167.815.810
Cổ tức, lợi nhuận được chia	119.490.198.500	100.457.552.864
Lãi kinh doanh chứng khoán	65.955.601.105	53.546.017.275
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	13.608.869.067	193.118.660.082
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư nắm giữ trước ngày chi phối công ty con	-	237.718.233.529
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.975.386.717	8.127.496.997
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.465.798.683
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>340.995.992.447</b>	<b>756.601.575.240</b>

## | 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	10.677.350.226.156	9.752.762.614.401
Giá vốn dịch vụ vận tải và kho vận cung cấp	1.277.229.290.017	1.263.856.692.030
Giá vốn sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	383.325.970.509	233.857.407.592
Giá vốn khác	238.097.273.614	232.966.708.266
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.576.002.760.296</b>	<b>11.483.443.422.289</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay, trái phiếu	634.359.800.542	447.395.281.623
Phí LC, chiết khấu thanh toán và lãi mua hàng trả chậm	130.942.227.063	37.618.939.014
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	26.622.312.950	(14.838.990.146)
Chi phí phát hành trái phiếu	20.091.290.821	12.115.107.360
Lỗi chênh lệch tỷ giá	14.293.784.824	14.032.999.895
Lãi ký quỹ	3.212.151.789	14.241.676.948
Lỗi kinh doanh chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.628.369.988	27.508.615.568
Chi phí tài chính khác	6.223.169.281	4.392.714.730
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>838.373.107.258</b>	<b>542.466.344.992</b>

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>		
◦ Chi phí nhân công	158.671.903.988	125.836.548.586
◦ Chi phí khấu hao	7.281.779.821	4.052.431.332
◦ Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.847.842.159	116.996.821.174
◦ Chi phí bán hàng khác	164.993.054.030	100.587.502.778
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>485.794.579.998</b>	<b>347.473.303.870</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.967.211.884	7.628.661.939

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	304.396.895.955	276.757.951.963
Chi phí khấu hao	21.185.161.667	20.306.295.762
Tiền thuê đất và thuế, lệ phí khác	12.346.039.049	14.931.199.625
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	130.549.927.528	107.745.501.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.214.301.542	72.578.491.610
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	153.649.135.768	143.796.880.244
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>735.308.673.393</b>	<b>643.744.982.432</b>

## 28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	21.537.107.316	56.557.890.328
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.686.668.491	9.872.029.874
Tiền phạt thu được	4.414.631.884	3.054.477.483
Hỗ trợ lãi suất	3.918.064.167	3.383.010.130
Nhận hỗ trợ di dời	-	4.298.200.000
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	30.909.990.352
Các khoản khác	4.517.742.774	5.040.182.489
<b>Chi phí khác</b>	<b>84.435.927.150</b>	<b>13.714.653.333</b>
Chi phí xử lý sự cố ô nhiễm nguồn nước	76.302.752.694	-
Các khoản phạt	2.787.118.381	10.803.539.250
Các khoản khác	5.346.056.075	2.911.114.083
<b>(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>(62.898.819.834)</b>	<b>42.843.236.995</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	9.880.154.619.176	9.120.734.954.019
Chi phí nhân công	951.949.519.255	886.816.928.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	490.847.869.466	388.229.367.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.342.289.258	1.338.002.595.033
Chi phí khác	643.506.735.694	574.018.636.452
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.491.801.032.849</b>	<b>12.307.802.481.991</b>

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngoại trừ trường hợp của một số công ty con như trình bày dưới đây, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06/CN-UBND do UBND Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty Phú Thạnh Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Phú Thạnh Mỹ vẫn đang trong thời gian được miễn thuế TNDN.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty Viwasupco được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2024), đồng thời miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% đối với

thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Do đó, thuế suất TNDN áp dụng cho Công ty Viwasupco trong năm nay là 5% thu nhập chịu thuế.

Theo Quyết định chủ trương đầu tư, Công ty Gelex Ninh Thuận có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu cung cấp điện (2019). Ngoài ra, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Gelex Ninh Thuận đã có doanh thu tuy nhiên chưa có thu nhập chịu thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi, thuế suất thuế TNDN được áp dụng cho Công ty Gelex Ninh Thuận trong năm nay là 10% thu nhập chịu thuế.

Theo Quyết định chủ trương đầu tư, Công ty Hướng Phùng và Công ty Gelex Quảng Trị được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm đầu tiên các công ty này có doanh thu từ hoạt động được

hưởng ưu đãi thuế, đồng thời miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN áp dụng cho các công ty này trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Hướng Phùng và Công ty Gelex Quảng Trị vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án và chưa có hoạt động kinh doanh chính tại ngày lập báo cáo tài chính, thuế suất TNDN áp dụng trong năm nay là 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty Sotrans Hà Tĩnh được áp dụng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu chịu thuế (năm 2016) và được miễn thuế

TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Sotrans Hà Tĩnh đang trong giai đoạn được miễn thuế TNDN.

Các quyết toán thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 30.1. Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	265.582.452.783	266.980.538.712
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	2.106.243.645	(6.620.358.858)
Thu nhập chi phí thuế TNDN hoãn lại	(17.691.493.734)	(10.770.230.430)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>249.997.202.694</b>	<b>249.589.949.424</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.102.463.873.437	1.533.073.306.647
Thuế TNDN của Tập đoàn theo thuế suất phổ thông	220.492.774.688	306.614.661.329
<b>Các khoản điều chỉnh</b>		
◦ Chi phí lãi vay vượt ngưỡng được khấu trừ	45.249.623.185	36.453.977.734
◦ Chi phí không được khấu trừ khác	13.688.898.557	14.224.209.422
◦ Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ tính thuế	16.564.412.894	1.657.944.084
◦ Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	4.081.231.302	(28.501.020.653)
◦ Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu/(thừa) trong những năm trước theo quyết định thanh tra thuế	2.106.243.645	(6.620.358.858)
◦ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(23.891.793.500)	(20.091.510.573)
◦ Thuế TNDN được miễn, giảm	(26.376.235.312)	(31.570.428.094)
◦ Lỗ năm trước chuyển sang	(1.917.952.765)	(22.577.524.967)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>249.997.202.694</b>	<b>249.589.949.424</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 30.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 30.3. Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện trong công ty liên kết	7.210.119.673	7.210.119.673	-	-
Trích lập các khoản dự phòng	10.043.670.490	3.509.594.781	6.534.075.709	3.509.594.781
Lợi nhuận chưa thực hiện	11.668.881.919	109.485.966	11.559.395.953	
Khác	1.801.569.494	5.099.166.773	(3.297.597.279)	912.559.379
	<b>30.724.241.576</b>	<b>15.928.367.193</b>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	(166.002.099.305)	(168.897.718.656)	2.895.627.351	6.348.076.270
	<b>(166.002.099.305)</b>	<b>(168.897.718.656)</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>17.691.493.734</b>	<b>10.770.230.430</b>

## 30.4. Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty và một số công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty và một số công ty con có khoản lỗ tính thuế lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
2014 (*)	2019	129.938.019.826	(81.584.583.887)	(48.353.435.939)	-
2015 (*)	2020	70.206.392.556	(56.607.487.427)	-	13.598.905.129
2017 (*)	2022	99.936.142.357	(90.057.409.806)	-	9.878.732.551
2018 (*)	2023	1.900.416.433	-	-	1.900.416.433
2019 (*)	2024	82.567.187.734	-	-	82.567.187.734
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>384.548.158.906</b>	<b>(228.249.481.120)</b>	<b>(48.353.435.939)</b>	<b>107.945.241.847</b>

(\*) Khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty và một số công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty và một số công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT</b>	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	752.204.428.909	1.774.348.712.204
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.491.818.835	497.672.686
<b>Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD</b>	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.400.000.000	39.900.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.269.000.000	-
<b>Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần</b>	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	178.669.976.382	-
		Doanh thu bán thành phẩm	46.781.107.600	-
		Cổ tức nhận được	10.549.744.500	-
		Doanh thu bán hàng hóa	3.015.178.622	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.845.414.762	-

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1</b>	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.397.401.950	60.454.179.195
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.360.000.000	54.422.945.164
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.441.216.080	-
<b>Tổng Công ty Viglacera – Công ty Cổ phần</b>	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	111.927.600.000	-
<b>Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai</b>	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.250.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương</b>	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	44.187.551.639	85.701.043.385
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.836.511.156	-
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán IB</b>	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Tất toán trái phiếu trước hạn	75.000.000.000	225.000.000.000
		Lãi trái phiếu đã nhận	4.040.854.311	22.240.569.445
<b>Công ty Cổ phần Viwaco</b>	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Doanh thu cung cấp nước sạch	366.926.227.299	262.525.511.339
<b>Các bên liên quan khác</b>		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	594.364.098	14.438.166.050

### Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Năm nay, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 6.2 và 15.2)</b>				
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán IB</b>	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Trái phiếu	-	15.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đỏ</b>	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Ủy thác đầu tư	-	100.287.671.200
<b>TỔNG CỘNG</b>			-	<b>115.287.671.200</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 7)</b>				
<b>Công ty Cổ phần Viwaco</b>	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Doanh thu nước sạch	69.110.274.359	66.114.236.778
<b>Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương</b>	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.558.885.338	41.601.329.763
<b>Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1</b>	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.215.206.236	10.128.761.523
<b>Các bên liên quan khác</b>		Khác	7.514.595.742	7.001.107.150
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>132.398.961.675</b>	<b>124.845.435.214</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>				
<b>Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT</b>	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	32.149.858.433	83.729.537.578
<b>Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần</b>	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	870.142.070	137.712.844.886
<b>Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1</b>	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	20.802.155
<b>Công ty cổ phần chứng khoán IB</b>	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Phí lưu ký	32.431.700	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>33.052.432.203</b>	<b>221.463.184.619</b>
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần</b>	Công ty liên kết	Mua vật tư, thiết bị	22.345.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>22.345.000.000</b>	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>				

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Mua vật tư, thiết bị	5.403.109.302	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.403.109.302</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)</b>				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên kết	Nhận ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

### Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	6.665.560.444	5.837.174.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.665.560.444</b>	<b>5.837.174.000</b>

## 32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ

phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	634.682.131.108	942.442.353.541
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chi thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	(26.463.763.104)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>634.682.131.108</b>	<b>915.978.590.437</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	478.659.617	419.088.986
Ảnh hưởng suy giảm (**)	3.703.704	15.185.380
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<b>482.363.321</b>	<b>434.274.366</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
◦ Lãi cơ bản	1.326	2.186
◦ Lãi suy giảm	1.316	2.109

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(\*\*) Đây là ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành theo các hợp đồng chứng quyền đặt mua trong giai đoạn từ đầu kỳ đến ngày thực hiện chứng quyền trong năm.

## 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận;
- Sản xuất và kinh doanh mằng năng lượng bao gồm sản xuất điện và cung cấp nước;
- Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính  
kết thúc cùng ngày

## 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	Khác	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu	12.667.307.219.841	1.638.316.230.325	712.347.715.637	297.014.752.719	15.314.985.918.522
<b>Kết quả</b>					
◦ Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.989.956.993.685	361.086.940.308	329.021.745.128	58.917.479.105	2.738.983.158.226
◦ Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)					(1.636.519.284.789)
◦ Lợi nhuận thuần trước thuế					1.102.463.873.437
◦ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(249.997.202.694)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>852.466.670.743</b>
<b>Tài sản và công nợ</b>					
◦ Tài sản bộ phận	5.622.522.549.189	1.443.155.189.219	3.934.311.231.815	218.838.013.484	11.218.826.983.707
◦ Tài sản không phân bổ (*)					10.043.088.644.343
<b>Tổng tài sản</b>					<b>21.261.915.628.050</b>
◦ Công nợ bộ phận	9.029.455.391.385	349.790.354.966	859.446.498.284	6.811.834.824	10.245.504.079.459
◦ Công nợ không phân bổ (*)					2.339.373.366.256
<b>Tổng công nợ</b>					<b>12.584.877.445.715</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>					
◦ Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	473.096.190.995	91.817.464.874	1.104.124.783.445	-	1.669.038.439.314
◦ Tài sản cố định hữu hình	472.307.644.995	89.847.064.874	1.104.089.501.445	-	1.666.244.211.314
◦ Tài sản cố định vô hình	788.546.000	1.970.400.000	35.282.000	-	2.794.228.000
◦ Khấu hao	179.606.625.591	72.519.313.607	211.955.378.778	14.692.318.281	478.773.636.257
◦ Hao mòn	1.789.276.582	565.620.424	10.783.391.556	2.244.644	13.140.533.206

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính  
kết thúc cùng ngày

## 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh mạng năng lượng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày						
Doanh thu	11.311.641.593.036	1.573.042.069.970	525.725.301.857	288.720.547.424	-	13.699.129.512.287
<b>Kết quả</b>						
◦ Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.558.878.978.635	309.185.377.940	291.867.894.265	55.753.839.158	-	2.215.686.089.998
◦ Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)						(682.612.783.351)
◦ Lợi nhuận thuần trước thuế						1.533.073.306.647
◦ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(249.589.949.424)
Lợi nhuận thuần sau thuế						1.283.483.357.223
<b>Tài sản và công nợ</b>						
◦ Tài sản bộ phận	4.876.324.352.209	1.408.813.724.105	2.077.352.730.915	477.139.134.996	-	8.839.629.942.225
◦ Tài sản không phân bổ (*)						8.406.858.230.105
Tổng tài sản						17.246.488.172.330
◦ Công nợ bộ phận	6.545.543.521.389	484.427.725.254	1.315.921.257.587	6.595.278.954	-	8.352.487.783.184
◦ Công nợ không phân bổ (*)						929.045.848.386
Tổng công nợ						9.281.533.631.570
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>						
◦ Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	288.931.703.748	171.534.494.179	522.281.051.173	174.062.319.804	-	1.156.809.568.904
◦ Tài sản cố định hữu hình	284.224.953.548	170.960.294.179	522.281.051.173	174.062.319.804	-	1.151.528.618.704
◦ Tài sản cố định vô hình	4.706.750.200	574.200.000	-	-	-	5.280.950.200
◦ Khấu hao	179.546.968.211	62.570.983.143	135.910.510.961	1.061.429.040	-	379.089.891.355
◦ Hao mòn	2.260.179.616	8.515.853.338	-	-	-	10.776.032.954



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## | 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(\*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản dài hạn khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản trái phiếu phát hành và một số khoản phải trả khác.

(\*\*) Bao gồm cả giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển sang tài sản cố định.

## | 34. CÁC CAM KẾT

### Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê cơ sở hạ tầng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	103.830.344.260	128.161.365.836
Trên 1 - 5 năm	189.063.143.444	298.481.974.955
Trên 5 năm	267.624.054.253	230.129.621.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>560.517.541.957</b>	<b>656.772.962.552</b>

### Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng và kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	49.336.081.120	64.462.465.481
Trên 1 - 5 năm	87.814.225.844	83.980.191.773
Trên 5 năm	61.504.667.679	53.874.397.868
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>198.654.974.643</b>	<b>202.317.055.122</b>

## | 35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc



# GELEX

*Sức mạnh đến từ Uy tín*

**Trụ sở chính:** 52 Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Tel:** +84 24 3972 6245/46

**Fax:** +84 24 3972 6282

**Email:** [gelex@gelex.vn](mailto:gelex@gelex.vn)